GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO

Kính biếu

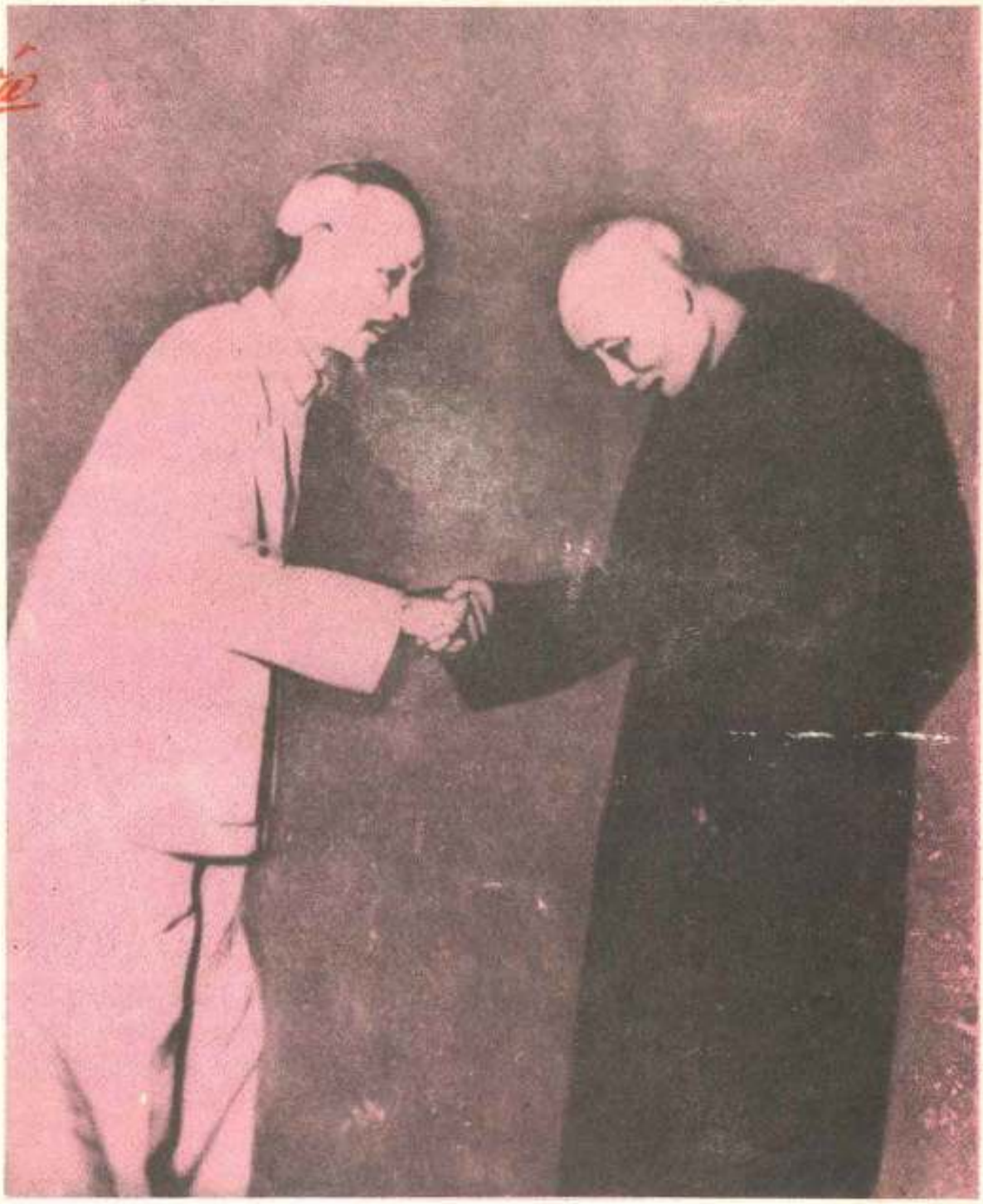

1
1991

NỘI SAN
SỐ ĐẶC BIỆT

NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

TẠP SAN PHẬT HỌC
73 QUÁN SỨ . HN
PHÁT HÀNH NĂM 4 SỐ
CẦN MUA TẠI BƯU ĐIỆN

● *Ảnh bìa 1 : Trong phòng tiếp tân của Bộ Ngoại giao. Trước mặt nhiều nhân vật, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu ra mắt với tư cách là Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Chủ tịch bắt tay Hòa thượng Thích Tuệ Tạng, Thượng Thủ tăng già Việt Nam. Vị Thượng Thủ tăng già Việt Nam trân trọng chào mừng vị tân Chủ tịch.*

● *Ảnh bìa 4 : Chùa Cổ Lễ (Hà Nam Ninh)*

* *Bút tháp Chùa Đậu*

THÔNG ĐIỆP

CỦA HÒA THƯỢNG PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM GỬI TĂNG NI, PHẬT TỬ NHÂN DỊP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2535

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính gửi chư vị tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni cùng toàn thể phật tử Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.

Ngày đản sinh lần thứ 2535 của đức Bổn sư đã đến, mọi người con Phật đang náo nức mừng ngày sinh của Ngài.

Nhân dịp Đại lễ này, tôi xin có mấy lời kính mong chư vị tôn túc cùng chư vị tăng ni và cư sĩ phật tử Việt Nam ở trong nước và ngoài nước lưu tâm : Đức Bổn sư của chúng ta từ khi chứng ngộ chân lý giải thoát giác ngộ, trong suốt 49 năm trường, Ngài đã đi nhiều nơi để hóa độ chúng sinh. Tư tưởng giáo lý của Ngài khuyên mọi người hãy quên mình vì mọi người, để sống hòa hợp, xây dựng cuộc sống yên vui. Vì thế mà Đạo Phật truyền đến đâu cũng được nhiều người kính trọng và đón nhận.

Đạo Phật truyền vào Việt Nam ta từ thế kỷ thứ nhất và đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Trong suốt chặng đường lịch sử gần 2000 năm, Phật giáo Việt Nam luôn luôn gắn bó chặt chẽ cùng dân tộc và đã có một truyền thống tốt đẹp, đó là truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam.

Trong những năm gần đây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam lại càng thể hiện truyền thống đó bằng sự kết hợp hài hòa Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội, đã và đang cùng dân tộc vượt qua những khó khăn thử thách trong chặng đường đổi mới đi lên của đất nước.

Kỷ niệm ngày Đản sinh của Đức Bổn sư lần này, trong lúc đất nước có nhiều sự kiện trọng đại trong đời sống tinh thần của nhân dân. Tôi mong rằng với tinh thần Từ bi hỷ xả, Vô ngã vị tha, chúng ta hãy chung sức chung lòng xây dựng đạo pháp xương minh; nỗ lực cùng nhau đóng góp tích cực và thiết thực vào công việc chung để xây dựng đất nước phồn vinh thịnh vượng.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ quý Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni, quý đạo hữu phật tử thân tâm thường an lạc.

Nam Mô Thường tinh tiến Bồ tát ma ha tát.

PHÁP CHỦ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hòa thượng THÍCH ĐỨC NHUẬN

DIỄN VĂN
của HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa Chư tôn Hòa thượng, Chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni. Thưa toàn thể quí Phật tử.

Một lần nữa, ngày kỷ niệm Khánh đản của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật lại đến với chúng ta, ngày kỷ niệm thứ 2535. Vầng hào quang của kim thân đức Phật tỏa rạng tại vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ, cách đây hơn 25 thế kỷ đã lan rộng khắp cõi Ta bà báo trước một thông điệp cứu khổ đến với mọi chúng sinh, nhân loại khởi đầu từ lần chuyển Pháp luân tại Lộc Uyển, xứ Ba La Nại.

Đức Phật ra đời trong loài người để giáo hóa chúng sinh. Giáo lý của đức Phật hầu như dành trọn cho con người. Các hoạt động, nỗ lực chân chánh của Phật tử trên hành tinh này cũng nhằm phục vụ con người và muôn loài ... Con người, tính người được đề cao trong các nền văn hóa nhân bản là phù hợp với nội dung giáo hóa của đức Phật. Với giáo lý của Ngài, con người có vị thế và điều kiện tối thắng hơn mọi chúng sinh khác để thành Phật, để giải thoát hoàn toàn mọi khổ đau. Đức Phật dạy : "Được sinh thành người thật khó" (Nhơn thân nan đắc) để nhắc nhở chúng ta đến vị thế thuận lợi đi vào giác ngộ ấy, và nhắc nhở chúng ta thức tỉnh tự giải thoát mình và giải thoát người. Thế nhưng, tình hình thế giới đang có nhiều chuyển biến mạnh của ưu thế tham, sân, si, cội gốc của chiến tranh, của các hành vi trái đạo đức, phi nhân bản, các nhà giáo dục đã không ngừng kêu gọi giáo dục đạo đức cho tuổi trẻ, nâng cao ý thức đạo đức, xây dựng nếp sống đạo đức. Vì thế tiếng nói của Phật giáo chế ngự hay đoạn trừ tham, sân, si là tiếng nói chân chính của đạo đức. Kỷ niệm Phật đản năm nay tôi muốn nói đến vấn đề đạo đức này.

Kính thưa quí vị,

Đạo Phật là đạo của trí tuệ. Các từ ngữ thường dùng để tôn xưng Thế Tôn là các từ ngữ có gốc nghĩa của trí tuệ, như Phật, giác ngộ, chánh giác, Bồ đề, Nhất thiết trí ... Trí tuệ lại là suối nguồn của đạo đức như lời đức Phật dạy :

"Giới hạnh làm phát sanh trí tuệ, giới hạnh được trí tuệ làm cho thanh tịnh. Ở đâu có giới hạnh thì trí tuệ được phát sanh, ở đâu có trí tuệ, ở đó có giới hạnh thanh tịnh. Giới hạnh và trí tuệ được xem là tối thắng trên đời" (Trường bộ IV, Sonadanta).

Như thế, một nếp sống thực hành những lời đức Phật dạy là ý nghĩa toàn vẹn của một nếp sống xây dựng hòa bình lâu dài cho mọi xứ sở, và là ý nghĩa toàn vẹn của một nếp sống đạo đức vậy.

Kính thưa quí vị,

Mục đích sự thành lập Giáo hội chúng ta, Hiến chương và chương trình hoạt động của Giáo hội chúng ta, xét cho cùng đều hàm chứa ý nghĩa đạo đức, đều hướng đến một nếp sống đạo đức, đòi hỏi sự thiện hóa bản thân của mỗi thành viên Giáo hội, theo đúng giáo lý của đức Từ Phụ. Với hàng Tu sĩ, Đức Phật dạy : "Này các Tỳ kheo, hãy sống trong sự sở hữu giới hạnh, trong sự sở hữu giới bổn. Hãy sống chế ngự bằng sự chế ngự của giới bổn, sống trong sự sở hữu oai nghi chánh hạnh, thấy được sự nguy hiểm của những lỗi nhỏ nhất, xử lý chúng một cách đúng đắn. Hãy tu tập trong học giới" (Trung bộ III, kinh Akakheyya". Để làm tròn sứ mệnh hoằng dương chánh pháp, người tu sĩ phải thực sự lấy giáo pháp làm ngọn đuốc, làm vũ khí để phá tan đoàn ngũ tham, sân, si, gốc rễ của bất thiện. Với người Phật tử tại gia thì có ngũ giới, luân lý và luật pháp xã hội có lương tâm và truyền thống đạo đức của con người, của xứ sở làm sở hữu, sống với lòng từ, vị tha thực hiện các việc làm công ích lợi đạo, ích đời.

Với giới trẻ, như các cuộc hội thảo và báo chí từng nêu, cần có sự giáo dục, bồi dưỡng về đạo đức, Trong kế hoạch hoạt động năm 1991 ngoài công tác phiên dịch và in ấn Đại tạng, Giáo hội cũng đặt nặng việc giáo dục nam nữ cư sĩ Phật tử đẩy mạnh các sinh hoạt, soạn thảo tài liệu hướng dẫn, nghiên cứu việc tổ chức, thực hiện các sinh hoạt phù hợp với Hiến chương Giáo hội và Hiến pháp quốc gia. Tôi kêu gọi các cư sĩ Phật tử hãy nhiệt liệt tham gia các chương trình, đề án nhằm nâng cao đạo đức cho người công dân của xã hội ta hiện nay. Tôi mong mỏi các cư sĩ Phật tử tu tập bản thân và quan tâm nhiều hơn đến vấn đề giáo dục trẻ em, cụ thể như yêu kính cha mẹ, thầy cô giáo, kính trọng người lớn tuổi, chân thật, thương người v.v...

Nếu hàng tu sĩ và cư sĩ sống đúng theo những lời đức Phật dạy "Từ bỏ các việc ác, làm các việc lành, giữ tâm ý thanh tịnh" quan tâm đến vấn đề tu dưỡng, giáo dục bản thân, gia đình và tập thể thì Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay sẽ thể hiện tốt truyền thống yêu người, yêu nước, gắn chặt Phật giáo và dân tộc, thể hiện tốt tinh thần Phật giáo trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ hòa bình thế giới.

Kính thưa quí vị,

Thập niên 90 này là thập niên cuối cùng của thế kỷ 20, là thập niên của hòa bình, hợp tác, hữu nghị, xây dựng, tiến bộ trên toàn hành tinh, chuẩn bị tốt đẹp đi vào thế kỷ 21 - thế kỷ vì con người và hạnh phúc an lạc của con người. Kỷ niệm Phật đản năm nay, lần thứ 2535, là lần kỷ niệm đầu tiên của thập niên mới mẻ này của lịch sử. Với người Phật tử chúng ta, Phật Đản luôn luôn đem lại cho chúng ta những niềm vui và hy vọng mới. Chúng ta có quyền lạc quan về những nỗ lực của con người đang sửa soạn cho hòa bình và an lạc của thế kỷ 21. Chúng ta có quyền lạc quan về những nỗ lực và thành quả xây dựng đất nước ta tiến lên chủ nghĩa xã hội và đang trên đường đi ra khỏi các khó khăn để vươn lên và cùng chung sống trong hiểu biết, công bằng, hợp tác, hữu nghị của cộng đồng thế giới. Cơ sở lạc quan ấy đòi hỏi sự nỗ lực đóng góp của mọi công dân Việt Nam, trong đó có hàng Phật tử. Nhận thức và thực hiện nỗ lực đóng góp ấy là thực hành đạo đức và cũng là thiết thực kỷ niệm Phật Đản có ý nghĩa nhất.

Dưới ánh hào quang Từ bi và Trí tuệ của Đức Từ Phụ, tôi xin kính gởi đến toàn thể Tăng, Ni và Phật tử lời cầu chúc an lạc, tinh tấn thể hiện nếp sống đạo đức Phật giáo, viên thành các Phật sự nhằm thể hiện ước nguyện.

"Mong sao cho tất cả chúng sanh đều được an lạc".

(Kinh Tập)
Nam mô Bổn Sư
Thích Ca Mâu Ni Phật.

LỜI RA MẮT
NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

Phân Viện Nghiên cứu Phật học vô cùng hoan hỷ báo tin cùng chư vị tôn túc, toàn thể tăng ni, cư sĩ, phật tử và quý vị độc giả rằng *tờ báo Nghiên cứu Phật học* đã được phép ra mắt.

Khi Phân viện Nghiên cứu Phật học được thành lập, trong Thông bạch gửi tăng ni, phật tử, Hòa thượng Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã "tha thiết kêu gọi tăng ni, phật tử Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài và bè bạn ở các nơi có tình cảm với Phật giáo Việt Nam hãy quan tâm giúp đỡ cho Phật sự này".

Nay *Nghiên cứu Phật học* được ấn hành, chúng tôi cũng nghĩ rằng đây là một phật sự đáng mừng và chắc rằng sẽ nhận được sự ủng hộ của toàn thể tăng ni, phật tử, các bậc thiện trí thức cũng như quý vị độc giả trong và ngoài giáo hội.

Nghiên cứu Phật học phát hành mỗi năm bốn số, đăng tải những bài nghiên cứu cũng như thông tin và phổ biến tri thức của các tác giả trong và ngoài Phân viện.

Khẩu hiệu của Giáo hội Phật giáo VIệt Nam là Đạo pháp, Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội. Chương trình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có đoạn : "Hoằng dương chính pháp, chấn hưng tư tưởng trong sáng và tích cực trong giáo lý đạo Phật, phát huy tính sáng tạo trong sự nghiệp hoằng pháp, khế hợp với tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học của thời đại".

Phân viện Nghiên cứu Phật học cũng như tờ *Nghiên cứu Phật học* cũng lấy những nguyên tắc trên làm phương châm của mình.

Ngoài việc phát huy những tinh hoa của giáo lý, tư tưởng và đạo đức Phật giáo nói chung, Phật giáo Việt Nam nói riêng, *Nghiên cứu Phật học* cũng đặc biệt chú ý đến lịch sử và văn hóa Phật giáo Việt Nam và thế giới.

Ban biên tập *Nghiên cứu Phật học* hy vọng thường xuyên nhận được bài vở của các tác giả trong và ngoài Giáo hội, trong nước cũng như ngoài nước.

Do khuôn khổ tờ báo có hạn, các bài nghiên cứu chuyên khảo chỉ nên dài trên dưới 20 trang đánh máy. Các bài phổ biến tri thức, thông tin, tư liệu không vượt quá 15 trang đánh máy. Tranh ảnh, tư liệu tham khảo cần ghi rõ xuất xứ. Bài không sử dụng không trả lại bản thảo.

Bài viết, tin tức, thư từ liên hệ hay góp ý xin gửi về Phân viện Nghiên cứu Phật học, địa chỉ Chùa Quán Sứ, 73 Quán Sứ, Hà Nội, điện thoại số 42.52427.

BAN BIÊN TẬP
NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
VỚI CÁC ĐẠI BIỂU PHẬT GIÁO (3-1-1957)

PHẦN I : KỶ YẾU HỘI THẢO CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO

TỔ CHỨC TẠI CHÙA QUÁN SỨ TRỤ SỞ TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

● ● ● ● ● ● ●

● *Ảnh trên : Toàn cảnh hội thảo. Ảnh : XUÂN LOAN*

BẢN THẢO THƯ GỬI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU

LẦN THỨ BA CỦA HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT VIỆT NAM

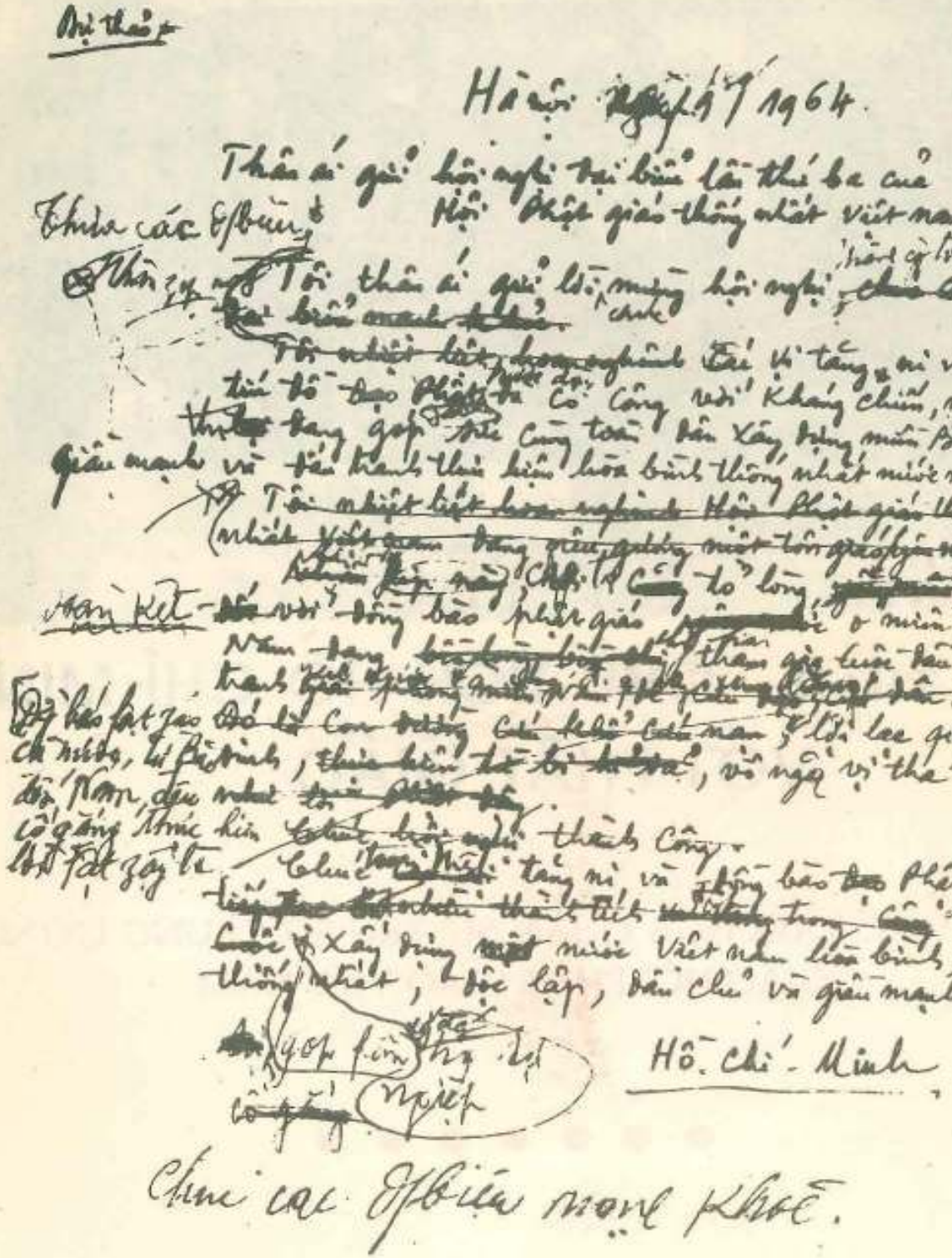

Bản thảo

Hà nội, 1/1964.

Thân ái gửi hội nghị đại biểu lần thứ ba của Hội Phật giáo thống nhất Việt nam.

Thưa các Đ/biểu

Tôi thân ái gửi lời chúc mừng hội nghị, chúc cả tốt đẹp.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh các vị tăng ni và tín đồ đạo Phật đã có công với kháng chiến, nay đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Tôi nhiệt liệt hoan nghênh Hội Phật giáo thống nhất Việt nam đang nêu gương một tôn giáo yêu nước.

Nhân kết - với đồng bào phật giáo o miền Nam đang tham gia cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam để cứu dân.

Đã bao fạt zạo Đó là con đường cứu khổ cứu nạn, lợi lạc quần chúng, tự bà tình, vô ngã vị tha" đồ Nam, đều nhiệt cố gắng thực hiện thành công.

Chúc tăng ni và đồng bào Phật tiếp tục nhiều thành tích trong Xây dựng nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

góp sức cố gắng nghiệp

Hồ Chí Minh

Chúc các Đ/biểu mạnh khoẻ.

GỬI HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM

Nhân ngày lễ Phật rằm tháng Bảy, tôi kính cẩn cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta, và tôi gửi lời thân ái chào các vị trong Hội Phật tử.

Từ ngày nước ta trở nên Dân chủ cộng hòa, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện.

Thế là : Nước có độc lập, thì đạo Phật mới dễ mở mang.

Bọn thực dân Pháp muốn cướp nước ta. Chúng đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ tăng ni, tàn sát đạo hữu. Chúng hòng phá tan đạo Phật.

Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma.

Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hy sinh của cải xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ.

Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều. Tôi cảm ơn đồng bào, và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi, cho đến ngày trường kỳ kháng chiến thắng lợi, thống nhất và độc lập thành công.

Chào thân ái và quyết thắng

Ngày 15 tháng 7 âm lịch

HỒ-CHÍ-MINH

Tài liệu của Đảng Xã hội Việt Nam

Theo tài liệu của Đảng Xã hội Việt Nam

THƯ GỬI CÁC VỊ TĂNG NI VÀ ĐỒNG BÀO TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO NHÂN DỊP LỄ ĐỨC PHẬT THÍCH CA THÀNH ĐẠO

Các vị tăng ni và các vị tín đồ thân mến,

Nhân dịp Lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, tôi thân ái gửi đến các vị tăng ni và đồng bào tín đồ lời chào đại hòa hợp.

Tôi có lời khen ngợi các vị tăng ni và tín đồ đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là Phật tử.

Từ ngày hòa bình được lập lại, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, việc củng cố tuy gặp khó khăn nhưng đã đạt được nhiều thành tích. Trong cải cách ruộng đất, tuy có nơi đã phạm sai lầm trong việc thực hiện chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, nhưng Đảng và Chính phủ đã có chính sách kiên quyết sửa chữa. Hiện nay giai cấp phong kiến địa chủ đã bị đánh đổ, ruộng đất đã về tay nông dân và nông dân đã thực sự làm chủ nông thôn, điều đó là một thắng lợi căn bản trong công cuộc củng cố miền Bắc. Đời sống của nhân dân ta dần dần càng được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của Đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng yên vui và no ấm.

Trong dịp này tôi mong các vị tăng ni và đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây dựng hòa bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước.

Cuối cùng tôi chúc các vị luôn luôn mạnh khỏe, tinh tiến tu hành, phục vụ chúng sinh, phụng sự Tổ quốc, bảo vệ hòa bình.

Ngày 8 tháng 1 năm 1957

HỒ-CHÍ-MINH

In trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958, tập IV, tr. 39 - 40.

Theo bài in trong sách *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*.

LỜI KHAI MẠC

Hòa thượng KIM CƯƠNG TỬ
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng Trị sự TWGHPGVN.

Nam mô Bản Sư THÍCH CA MÂU NI PHẬT.
Kính thưa quí vị đại biểu.

Hòa nhịp với cuộc sống của dân tộc, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH vĩ đại (19-5-1890 - 19-5-1990), vị lãnh tụ muôn vànkính yêu của dân tộc Việt Nam, Người có nhiều kỷ niệm đối với Phật giáo và giới Phật tử Việt Nam. Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học "CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO" nhằm ôn lại những tư tưởng, tình cảm, đạo đức của Bác đối với Phật giáo Việt Nam.

Tháp Mười đẹp nhất hoa Sen,
Việt Nam đẹp nhất có tên BÁC HỒ.

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH - tinh hoa của dân tộc, Người là kết tinh mọi truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, trong đó có truyền thống Phật giáo. Bác đã hiểu thấu đáo đạo Phật khi Người nói : "Phật bản lai tâm". Theo Bác, đạo Phật là đạo vô ngã vị tha, còn "Đức Phật là đại từ bi, cứu khổ, cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người Phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma". Bác luôn nhắc tới lời của Đức Phật dạy : "Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha". Trong một buổi tiếp Phái đoàn Phật giáo Việt Nam vào thăm Người ở Phủ Chủ tịch, Người nói : "Tôi cũng học Phật và nhớ được một câu : "Mình không vào địa ngục cứu chúng sinh thì ai vào". Bác cho rằng kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ là làm theo lòng đại từ đại bi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Như vậy là Bác khuyên các Phật tử tiếp nối truyền thống kháng chiến gìn giữ hòa bình, đem lại an vui cho mọi người.

Trong việc nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, cho đến hiện nay, vấn đề về sự kế thừa và phát triển văn hóa Phương Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng trong đó có Phật giáo ở Người, còn ít được đề cập đến. Để ôn lại những tư tưởng, tình cảm, việc làm của Bác đã dành cho Phật giáo Việt Nam. Để góp phần bổ sung cho khía cạnh này, thông qua đó nhìn Người một cách đầy đủ hơn, toàn diện hơn, góp phần làm sáng tỏ tầm vóc lớn lao vĩ đại của Người, thấy Người không chỉ là vị anh hùng giải phóng dân tộc mà còn là nhà văn hóa lớn, trong cuộc hội thảo này kính mong các Quí vị đại biểu, các học giả cùng các Phật tử tham gia thảo luận đề tài "Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo". Từ đó nhắc nhở mỗi người Phật tử Việt Nam luôn cố gắng làm theo lời khuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lấy phương châm "Lợi lạc quần sinh vôi ngã vị tha" phù hợp với tinh thần giáo lý "vô ngã" của đạo Phật mà có những hành động thiết thực cụ thể để góp phần phục vụ nhân sinh, nhân quần xã hội, phục vụ công cuộc đổi mới hiện nay. Thiết nghĩ, đó là biểu hiện cụ thể sinh động của giới phật tử Việt Nam trong dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người. Thay mặt Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tuyên bố buổi hội thảo bắt đầu.

Xin kính chúc Quí vị mạnh khỏe.

Chúc cuộc hội thảo thành công tốt đẹp.

HỒ CHỦ TỊCH

VỚI DÒNG VĂN HÓA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

GS. PHAN HUY LÊ

NHÂN dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch, một anh hùng dân tộc vĩ đại, một nhà văn hóa lớn của thời đại, tôi hoan nghênh Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức cuộc hội thảo này nhằm nghiên cứu và lĩnh hội một cách sâu sắc những tư tưởng, quan điểm của Bác Hồ đối với Phật giáo để làm cơ sở, phương hướng cho việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam và đặc biệt quan trọng là việc phát huy những truyền thống tốt đẹp của giới Phật tử và những tinh hoa của đạo Phật.

Tìm đọc lại những bức thư của Bác Hồ gửi giới Phật tử và Đại hội thành lập Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam, tôi thấy phản ánh rất rõ những tư tưởng và quan điểm của Người đối với đạo Phật và giới Phật tử.

Thứ nhất, Người luôn luôn nêu cao chủ trương trước sau như một của Đảng CS và Nhà nước VN là tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, tự do tín ngưỡng của đạo Phật cũng như các tôn giáo khác. Người phê phán một cách nghiêm khắc những thái độ, hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Thứ hai, Người coi đạo Phật là một tôn giáo lớn của đất nước, của dân tộc, biểu dương những cống hiến tích cực của giới Phật giáo trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người, nêu cao những truyền thống tốt đẹp của giới Phật giáo VN.

Thứ ba, Người khẳng định những lý tưởng cao đẹp của đạo Phật là "đại từ, đại bi, cứu nạn, cứu khổ", là "hòa bình bác ái", là nhằm xây dựng "cuộc đời thuần mỹ chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm", là "tranh đấu diệt lũ ác ma", coi những lý tưởng đó cũng nằm trong những mục tiêu đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN mà Người là người sáng lập và là lãnh tụ cao nhất. Điều đó có nghĩa là Người coi giới Phật giáo là một lực lượng to lớn và tích cực của cách mạng VN, trong cách mạng dân tộc dân chủ và trong cách mạng XHCN, trong sự nghiệp xây dựng một nước VN hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giầu mạnh như Người hằng mong ước.

Từ những nhận thức trên, tôi muốn phát biểu vài suy nghĩ về đạo Phật trong lịch sử VN và dòng văn hóa Phật giáo trong nền văn hóa dân tộc.

Một điều nổi bật ai cũng dễ nhìn thấy là trong lịch sử VN, ngoại trừ các tín ngưỡng dân gian, đạo Phật là tôn giáo lớn, có lịch sử lâu đời nhất, kể từ khi truyền bá vào VN đến nay đã có gần 2000 năm lịch sử. Đó là dặm đường dài của lịch sử mà đạo Phật và giới tăng ni Phật tử đã tự thể hiện và chứng minh vai trò của mình và sự gắn bó với cuộc sống chung của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Dĩ nhiên lịch sử đạo Phật cũng như lịch sử dân tộc VN có những bước thăng trầm, thịnh suy, nhưng dù trong hoàn cảnh nào, đạo Phật cũng hòa nhập vào đời sống dân tộc, cùng chung vận mạng với dân tộc, và có nhiều cống hiến to lớn đối với lịch sử dân tộc.

Thật hiếm có một tôn giáo mà trong lịch sử có những vị đại sư được suy tôn là Quốc sư, mang danh hiệu là Khuông Việt đại sư, vừa được nhân dân kính trọng, vừa được các vị nguyên thủ quốc gia lúc bấy giờ coi như cố vấn tối cao. Trong suốt chiều dài 2000 năm lịch sử, giới Phật tử và nhiều vị cao tăng đã nhập thế, tham gia tích cực vào những phong trào yêu nước, những cuộc kháng chiến chống xâm lăng, những công cuộc phục hưng đất nước. Tôi muốn lưu ý thêm là trong nhiều cuộc đấu tranh chống cường quyền, chống áp bức bóc lột tàn bạo

cũng có sự tham gia của một số sư tăng và phật tử. Đó là trường hợp nhà sư Phạm Sư Ôn trong phong trào nông dân cuối đời Trần, nhà sư Nguyễn Dương Hưng cầm đầu một cuộc khởi nghĩa thế kỷ XVIII. Trong phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, tư liệu của thương nhân và giáo sĩ phương Tây có mặt ở nước ta lúc đó cũng ghi nhận sự tham gia của một số Phật tử.

Trên cả hai phương diện dựng nước và giữ nước cũng như trong đấu tranh chống bất công và cường quyền, giới Phật tử đã khẳng định là một bộ phận gắn bó chặt chẽ của dân tộc, đã góp tiếng nói và công sức vào cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì cuộc sống và hạnh phúc của con người.

Điều tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh là vai trò và cống hiến của đạo Phật đối với nền văn hóa dân tộc.

Trong lịch sử VN, có một thời kỳ dài trước khi nhà trường được thành lập, nhà chùa đã từng đóng vai trò những trung tâm văn hóa của đất nước. Đó là nơi đào tạo ra những người biết chữ, có trình độ học vấn. Lúc đó tăng ni cũng là lực lượng sáng tác chủ yếu của nền văn học thành văn. Sau khi chế độ giáo dục và thi cử theo tinh thần Nho giáo chiếm ưu thế, nhà chùa vẫn là những trung tâm văn hóa địa phương, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống tinh thần của nhân dân.

Đạo Phật với tư tưởng bình đẳng, bác ái, cứu nạn cứu khổ vốn phù hợp với truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, nhân đạo của nhân dân ta nên đã thâm nhập rộng rãi vào các tầng lớp xã hội. Ảnh hưởng của đạo Phật đã đi vào tâm thức Việt Nam, để lại dấu ấn rõ nét trên tất cả các lĩnh vực văn hóa truyền thống. Ngày xưa, trong các làng xã VN, bên cạnh ngôi đình bao giờ cũng có ngôi chùa với mối quan hệ mật thiết giữa đình và chùa, giữa truyền thống ngàn đời của nền tảng văn hóa dân gian với dòng văn hóa Phật giáo.

Chúng ta có đủ cơ sở khoa học để khẳng định một dòng văn hóa Phật giáo trong lịch sử dân tộc và lịch sử văn hóa VN. Dòng văn hóa Phật giáo này vừa hấp thụ, tiếp nhận nhiều tinh hoa của văn hóa dân tộc để tạo nên những đặc điểm, sắc thái và truyền thống riêng của Phật giáo VN, vừa đóng góp phần tinh hoa của mình làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc và những truyền thống VN. Dòng văn hóa Phật giáo là một bộ phận tạo thành của dòng sông lớn văn hóa VN và dĩ nhiên giữa cái bộ phận và cái toàn bộ đó không tách rời nhau, mà luôn luôn có sự đan xen, sự tác động và tiếp thu lẫn nhau.

Hôm nay chúng ta kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một anh hùng dân tộc, một nhà văn hóa lớn. Trên cả hai phương diện tạo nên con người và sự nghiệp vĩ đại đó đều có mối quan hệ với đạo Phật và giới Phật tử.

Dưới ngọn cờ giải phóng dân tộc, cứu nước cứu dân do Người giương cao, trong đội ngũ đại đoàn kết dân tộc do Người xây dựng, có sự tham gia, cống hiến của giới Phật giáo với biết bao tấm gương sáng ngời. Đúng như lời biểu dương của Người : "Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện

lời Phật dạy : Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha" (Toàn tập, T.9, tr.780) và "Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ đại bi của đức Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ" (Toàn tập, T.4, tr.408).

Người là một nhà văn hóa lớn của dân tộc ta và của cả thế giới vì trước hết Người là hiện thân, là kết tinh những truyền thống, những tinh hoa của văn hóa dân tộc kết hợp với những tinh hoa của thời đại. Vừa là một tôn giáo lớn của thế giới, vừa là một dòng văn hóa Phật giáo VN, trong những tinh hoa của văn hóa dân tộc và văn hóa thế giới, cũng có những cống hiến của tinh hoa Phật giáo. Chính Người đã nói : "Nền tảng và truyền thống của triết học Ấn Độ là lý tưởng hòa bình bác ái. Liên tiếp trong nhiều thế kỷ, tư tưởng Phật giáo, nghệ thuật, khoa học Ấn Độ đã lan khắp thế giới" (Toàn tập, T.8, tr.47).

Thiết nghĩ, Giáo hội Phật giáo kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chủ tịch không những để ôn lại công lao sự nghiệp của Người, mà còn để nâng cao nhận thức về dòng văn hóa Phật giáo VN, để kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của Phật giáo VN trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay và lâu dài về sau này. Ở đây có một nhận thức sai lầm mà theo tôi đã đến lúc cần phải chấm dứt. Đó là sự hiểu và giải thích sai câu nói của K.Mac coi tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân. Đấy không phải là một định nghĩa về tôn giáo của chủ nghĩa Mác - Lênin, mà K.Mac chỉ muốn nói đến một phương diện nào đó của tôn giáo. Hơn nữa từ "thuốc phiện" ở đây không nên hiểu là ma túy như của thế kỷ này, mà đặt nó trong quan niệm của thế kỷ 19 với ý nghĩa là một thứ thuốc an thần. Từ cách hiểu sai một luận điểm của K.Mac có thể đi đến những nhận thức sai về vai trò của tôn giáo và cách đối xử sai đối với tôn giáo.

Lý thuyết và thực tế lịch sử cho phép nghĩ rằng, chừng nào trên trái đất này và trong cuộc sống hiện thực còn có những bất công, những khổ ải, còn có sự hoành hành của "lũ ác ma", thì chừng đó tôn giáo còn tồn tại và những tôn giáo với lý tưởng tốt đẹp phản ánh những khát vọng nhân đạo, bình đẳng, bác ái của nhân loại còn chiếm lĩnh được trái tim và ước mơ của những con người đau khổ. Tôn giáo còn tồn tại lâu dài. Trước đây có người nghĩ rằng, khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng thì các tôn giáo sẽ dần dần tiêu vong. Đó là một quan niệm hoang tưởng, quá đơn sơ. Trước hết cái mà chúng ta tưởng là chủ nghĩa xã hội, thậm chí là chủ nghĩa xã hội phát triển thì ngày nay đang phải "cải tổ", "đổi mới" để có một chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân đạo, một chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ đã xác định rõ mục tiêu, lý tưởng của nó và những người cộng sản chân chính đang đấu tranh vì nó. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng khi chủ nghĩa xã hội được thiết lập và hoàn chỉnh, cũng chỉ mới là bước đầu chuẩn bị để tiến lên chủ nghĩa cộng sản văn minh, khi đó tôn giáo vẫn tồn tại. Điều đó có nghĩa là Phật giáo cũng còn tồn tại lâu dài và giới Phật giáo còn đi với cách mạng Việt Nam lâu dài nhằm thực hiện ước mơ của Đức Phật và cũng là mục tiêu của cách mạng do Bác Hồ định hướng.

Tôi được biết ở thành phố Hồ Chí Minh đã thành lập Viện Phật học và gần đây đã thành lập Trung tâm nghiên cứu Phật giáo. Tôi nghĩ rằng, Hà Nội với vai trò thủ đô của cả nước, cũng cần có một tổ chức gì đó để tiến hành nghiên cứu một cách sâu sắc và có hệ thống đạo Phật VN. Tổ chức khoa học này cần tập hợp những nhà nghiên cứu Phật học trong giáo hội và các nhà khoa học bên ngoài, đưa ra những chương trình nghiên cứu nhằm từng bước làm sáng rõ lịch sử Phật giáo VN, nêu cao những truyền thống của giới Phật giáo VN và đề xuất những kiến nghị để Đảng và Nhà nước bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách đối với tôn giáo nói chung trong đó có Phật giáo. Tôi mong các vị Hòa thượng, Thượng tọa và các vị có mặt ở hội thảo này coi đây như một gợi ý nhỏ của tôi.

SỰ HỘI TỤ CỦA HAI NỀN ĐẠO ĐỨC

HOÀNG PHONG

ĐÃ có lúc tôi trộm nghĩ, thử so sánh đạo đức của Phật Thích Ca và đạo đức của Hồ Chủ tịch. nhưng, như người ta thường nói, mọi so sánh đều khập khiễng. Huống chi, đạo đức Hồ Chủ tịch bao la như trời biển, mà đạo Phật thì có đến 8 vạn 4 nghìn pháp môn, giáo lý của Phật thiên kinh vạn quyển, chỉ các thiền sư cũng đã có tới 1.700 công án để các hành giả chiêm nghiệm - Vậy thì làm sao thấu hiểu cho hết mà so sánh ? Hơn nữa, đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, một hiện tượng lịch sử. Mỗi thời đại mỗi dân tộc, mỗi giai cấp, thậm chí mỗi nghề nghiệp đều có đạo đức riêng, có chuẩn mức đạo đức khác nhau. Làm sao có thể so đo, tìm chỗ ngang hàng, hơn kém ...

Tuy nhiên, nếu cốt lõi của đạo Phật là từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ cứu nạn, thì nội dung chính yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức Bác Hồ cũng là cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, cứu nước, cứu dân ... Đó chính là điểm hội tụ của hai nền đạo đức, hai tư tưởng lớn, mặc dầu cách xa nhau về thời gian và không gian, nhưng lại là hai nguồn sáng gặp nhau để soi rọi cho các thế hệ thấy được con đường phải đi, nên đi và đáng đi, nhằm vươn tới đích thực Chân, Thiện, Mỹ.

Hơn 2500 năm trước, Đức Phật Tổ, khi còn là Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha Gautama) của tiểu quốc Sakya (miền Trung Ấn Độ), ra ngoài hoàng cung, nhận thấy nhân sinh thống khổ, thế cục vô thường, đã quả quyết rứt bỏ ngôi báu, xuất gia tu đạo, tìm đường giải thoát cho người và cho mình, hầu dắt chúng sinh lên bờ giác ngộ.

Khoảng đầu thế kỷ này, Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi còn là chàng trai Nguyễn Tất Thành, lớn lên trong cái nôi của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sớm nhận ra cảnh nước mất nhà tan, dân tình cực khổ lầm than, cũng đã rời nước đi tìm đường cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc.

Tương truyền, Thái tử Tất Đạt Đa lúc 29 tuổi ra đi, tu khổ hạnh 6 năm bên bờ sông. Kiệt sức mà không kết quả. Gặp được cô gái tiện dân chăn bò cho một bát sữa. Uống vào, người khỏe khoắn sáng suốt. Tìm gốc bồ đề (gốc cây "giác ngộ") ngồi nhập định liền 49 ngày đêm. Đến đêm cuối cùng thành đạo và trở thành Phật Thích Ca. Suốt 49 năm, Ngài đi thuyết pháp và tổ chức tăng lữ. Và từ hơn 2 nghìn năm nay, Ngài ban phúc tuệ cho người đời. Những chuẩn mức của lối sống đạo đức, lối sống nhân ái của Đức Phật Như Lai đã trở thành chuẩn mức đạo lý của nhiều dân tộc, trong đó có dân tộc Việt Nam.

Chàng trai Nguyễn Tất Thành, hay "Anh Ba", lên đường năm 1911, sớm hơn thái tử Tất Đạt Đa 8 tuổi, lao động đủ nghề, cho đến năm 30 tuổi, cũng như chàng Thái tử xứ Sakya được bát sữa bò của cô gái tiện dân, Nguyễn Ái Quốc gặp được Luận cương của Lênin mà sung sướng đến ứa nước mắt, vì đã tìm được nguồn sáng cho con đường giải phóng đang mò mẫm. Bảy năm tiếp đó, năm 1927, Người vạch ra "Đường Cách Mệnh", bôn ba Âu Á, thuyết phục nhân quần, lập hội, lập đảng, lập mặt trận ... Cuối cùng, Người lập ra nước Việt Nam độc lập và dân chủ, dẫn dắt toàn dân tộc giữ vững giang sơn, thống nhất nước nhà, tiến

lên con đường xã hội chủ nghĩa, nêu tấm gương lớn cho các dân tộc đấu tranh chống áp bức, giành tự do, hạnh phúc.

Đức Phật - Bouddha, có nghĩa là "Người sáng suốt" - thọ thế 80 năm và nhập niết bàn. Chủ tịch Hồ Chí Minh - cũng có nghĩa là "Người sáng suốt" - thọ thế 79 năm, và nhập vào trái tim triệu triệu người dân Việt, ức triệu người trên khắp thế gian thuộc thế hệ ngày nay và các thế hệ mai sau.

Kinh luật của Phật Thích Ca và giáo huấn của Bác Hồ dị ít, đồng nhiều, đều mang nội dung từ bi, bình đẳng, bác ái, công bằng, cứu độ chúng sinh, lục hòa, ngũ giới, xa lánh tham sân si ... Đức Phật là bậc giác giả, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn, công đức và phúc tuệ của Phật là vô lượng - như cụ Thượng tọaThích Mật Thể đã giảng cách đây gần hai chục năm. Còn Bác Hồ, như cụ Cố vấn Phạm Văn Đồng mới đây đã viết - là hiện thân sự gặp gỡ lịch sử giữa một con người, một dân tộc, một thời đại, và từ sự gặp gỡ ấy mà làm nên sự nghiệp cách mạng lớn lao. Công đức của Bác cũng là vô vàn.

Đạo Phật có thuyết vô thường giúp người ta sống tự tại, an lạc, không phiền não, động dao trước những biến chuyển của sự vật, trước sự sinh, trụ, dị, diệt hay sự thành, trụ, hoại, không, diễn ra hàng ngày quanh mình. Có sách nói : cách thiền tông ao ước đạt tới tinh thần và phong độ Bồ Dề Đạt Ma. Vì Đạt Ma đã đạt đến trình độ tự chủ và tự tại hoàn toàn đối với bản thân và hoàn cảnh, có đủ đại hùng, đại lực, coi thường được mọi thăng trầm và khổ vui của cuộc đời và vượt lên trên tất cả. Ta không nghĩ Hồ Chủ tịch cũng là Phật Thích Ca hay Bồ Dề Đạt Ma. Nhưng người cũng có phong độ ung dung tự tại. Hay nói theo thiền học, Người đã "kiến tính". Người nhìn rõ thực tại - thực tại của bản thân, của toàn dân tộc và của toàn xã hội loài người. Người vui niềm vui của dân, buồn nỗi buồn của dân. Theo cách nói của nhà Phật, thì Bác Hồ luôn luôn trầm tĩnh, vô úy và có sức mạnh tâm linh rất lớn. Phong độ của Bác "chính là phong độ của người nhận thức được quy luật của lịch sử, tin ở nhân dân và có nhân dân, con người biết mình muốn gì và đi đến đâu, biết tránh thác ghềnh, biết thắng quân địch, con người tĩnh như núi, động như biển, nắm vững nghệ thuật của điều có thể và không ngừng mở rộng giới hạn của điều có thể"[1]. Chính vì lẽ đó mà Hồ Chủ tịch đã có thể *dĩ bất biến ứng vạn biến* !

Ở đây tôi xin mạo muội kể lại một câu chuyện hồi năm 1946. Khi ấy tôi còn là một nhà báo trẻ, mới ngoài hai mươi tuổi. Hôm Bác Hồ lên đường sang Pháp đàm phán, tôi được cùng một vài nhà báo nữa đi theo tiễn chân Bác ở sân bay Gia Lâm. Chúng tôi chưa được biết phép tắc lễ tân là thế nào, nên cứ lẽo đẽo theo Bác và đoàn ta đi duyệt đội quân danh dự Pháp thổi kèn bồng súng đứng chào, rồi đến tận chân thang máy bay. Tôi xin Bác ghi cho mấy chữ để đăng báo. Bác cầm sổ tay của tôi, ghi luôn dòng chữ *Dĩ bất biến ứng vạn biến*. Đó chính là lời Bác dặn dò cụ Huỳnh Thúc Kháng và các vị trong Chính phủ buổi sáng trước lúc tạm biệt. Bấy giờ tôi chưa hiểu được ý nghĩa dòng chữ Bác ghi. Nhưng sau này càng hiểu càng sung sướng và trân trọng khắc sâu lời Bác vào tâm khảm. Hơn hai chục năm sau, chúng tôi có dịp may mắn công tác trên đất Pháp. Bà con Việt kiều và các bạn Pháp dẫu chúng tôi đến những nơi Bác đã đặt chân, ở Pa-ri, ở Phông-ten-nơ-blô, ở Bi-a-rít ... cho chúng tôi xem những vật kỷ niệm của Bác. Nhưng không gì quý hơn dòng chữ Bác đã ghi, và tôi tâm niệm đó là một phương châm sống của bản thân mình.

Cuối năm 1989, nhà thơ Hải Như ra Hà Nội có đến thăm tôi. anh em đã cùng nhau trò chuyện xoay quanh câu nói bất hủ của Bác năm xưa. Anh hỏi tôi có biết về tiếp sau câu đó là gì không ? Tôi xin chịu. Nhà thơ liền đọc : *Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm*. Quả là tôi chưa được nghe câu này. Phải chăng đó là lời nhà Phật. Vì Phật luôn luôn dạy các hành giả phải gắn mỗi hành vi thường nhật của mình với ý nguyện của chúng sinh. Còn Bác Hồ của chúng ta, theo ruyền thống của tổ tiên, "lấy dân làm gốc", cũng đã dạy "muốn cách mệnh thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc", "ý đảng phải hợp lòng dân". Vì theo Bác, sức mạnh của cách mạng là lòng dân, có lòng dân là có tất cả, mất lòng dân là mất hết. Cũng như Đức Phật đã nói : Nhân thị tối thắng - con người là hơn cả vậy. Thực tiễn lịch sử nước ta và các nước nhất là tình hình thế giới gần đây càng minh chứng lời Đức Phật và luận điểm của Bác.

● *Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm Brô-ba-đia, một công trình văn hóa của nhân dân Indônêxia trong dịp Người sang thăm hữu nghị nước Cộng hòa Indônêxia - 1959.*

Lòng nhân ái của Đức Phật và của Bác Hồ trùng hợp nhau rất lạ lùng. Phật Thích Ca từng bảo người Ba Lị Xá đến với mình. Bác Hồ cũng từng lấy tên của lớp người cùng khổ ấy làm tên tờ báo đầu tiên của cách mạng Việt Nam : *Le Paria*.

Sáng ngời tinh thần bình đẳng, bác ái, Đức Phật chỉ ra rằng "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn. Tình thương là sợi dây nối liền người với người. Mỗi người sinh ra, không ai mang sẵn từ bào thai sợi dây chuyền ở cổ hay vết ti -ca trên trán". Đức Phật đã đưa người Ba Lị Xá (cũng gọi là Chiên Đà La hay Thủ Đà La, tức Paria) - lớp người bị đầy đọa, khinh rẻ, suốt đời tàm tôi tớ - vào ngồi ngang với vua chúa ... Bác Hồ của chúng ta cũng chan hòa gần gũi với những người giúp việc quanh mình, ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu với chú bảo vệ, anh cấp dưỡng, lo lắng đến những người gian khổ nhất, chia sẻ đau buồn với những người mất mát, tìm cách bù đắp cho những người thiệt thòi.

Dạy dỗ cán bộ, đảng viên đạo đức cách mạng, Hồ Chủ tịch nói tóm tắt trong hai câu : "Nhận rõ phải, trái, giữ vững lập trường. Tận trung với nước, tận hiếu với dân". Người đòi hỏi ở mỗi cán bộ, đảng viên những yêu cầu rất cao, rất chặt chẽ và nghiêm khắc để mọi người vươn lên thực hiện toàn vẹn nhân cách của mình và cống hiến nhiều nhất cho Tổ quốc, cho dân tộc.

Nếu đạo Phật không phải chỉ là kinh sách để mọi người tụng niệm, mà nhằm giáo hóa, tu dưỡng con người một lẽ sống có đạo lý, có lý tưởng, thì tư tưởng của Hồ Chủ tịch, đạo đức của Người cũng không phải là thánh kinh để mọi người học thuộc lòng, mà để mọi người gắng sức làm theo, cùng nhau xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc, bác ái, công bằng - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Xã hội Việt Nam đang tiến bước, nhưng còn không ít người chìm đắm trong tham sân si, trí tuệ còn bị che lấp, để cho dục vọng tha hóa, gây nên tội lỗi ... Bởi vậy, chiêm ngưỡng Phật trên tòa sen lại càng phải đinh ninh lời Phật dạy từ bi hỷ xả, vô ngã vị tha. Tôn kính Bác Hồ, kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người, cũng là để lòng tự nhủ lòng sống và phấn đấu theo gương ngời sáng của Bác - người cộng sản đẹp nhất.

---

(1) Trích lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong sách mới viết về Hồ Chủ tịch

XÁC ĐỊNH QUYỀN BÌNH ĐẲNG NAM NỮ

G.S LÊ THỊ NHÂM TUYẾT
Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam

TÔI không phải là người có may mắn có điều kiện nghiên cứu sâu về Đạo Phật như một số bạn đồng nghiệp khoa học xã hội khác của tôi; tôi cũng chưa được hoạt động trong Phật giáo. Tôi chỉ là người chuyên nghiên cứu về phụ nữ - đặc biệt là người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cổ truyền. Chính từ góc độ này, tôi hiểu được rằng, trong quần chúng tín đồ của Đạo Phật có đa số là phụ nữ - những người khổ đau thiệt thòi nhất trong xã hội cũ. Những người phụ nữ ấy luôn quan niệm rằng đức Phật từ bi cứu khổ cứu nạn và một đấng cứu thế ban cho người cầu xin mọi điều tốt lành, mọi sự công bằng xã hội. Cũng từ góc độ nghiên cứu người phụ nữ, tôi đã hoan nghênh đón mừng Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với những điều xác định danh xưng hàng giáo phẩm ni gồm hai bậc *Ni trưởng* và *Ni sư* đặt ngang hàng với hàng giáo phẩm tăng hai bậc *Hòa thượng* và *Thượng tọa*.

Việc xác định quyền bình đẳng giữa tăng và ni Phật giáo, cụ thể là chức vị giáo phẩm bình đẳng giữa Hòa thượng, Thượng tọa và Ni trưởng, Ni sư đã không chỉ làm cho ni giới cũng như Phật tử phấn khởi mà làm cho cả giới phụ nữ Việt Nam, cả xã hội Việt Nam cảm thấy tự hào. Một mặt đó là sự thể hiện cụ thể và sâu sắc về quyền nam nữ bình đẳng đã được Hiến pháp nước ta - nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - công nhận. Mặt khác, điều hoạt động xã hội, kinh tế, văn hóa, khoa học và chính trị với tư cách là những người tham gia trực tiếp vào mọi lĩnh vực trên, với tư cách là những thành viên các cơ quan, đoàn thể (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam ...) và chính quyền (Hội đồng nhân dân các cấp) và những nhà nghiên cứu khoa học (Tại học viện Phật học cao cấp Vạn Hạnh, Viện Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh v.v...).

Niềm tự hào rất sâu sắc và rất đặc biệt này thuộc về Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta - Người đã dành cho phụ nữ một sự quan tâm lớn nhất, ân cần sâu sắc nhất, trong suốt cả cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người.

Kỷ niệm 100 năm về ngày sinh của Người chúng ta muốn nói lên không dứt những tấm lòng biết ơn Người, có sự đìu dắt của Người, ni giới cũng như toàn thể phụ nữ Việt Nam đã có vị trí đối đời to lớn trong xã hội Việt Nam bởi sự đóng góp những cống hiến quan trọng đối với lịch sử Việt Nam; có sự chăm sóc của Người, Phật giáo Việt Nam đã thực sự ngày càng thấm sâu vào máu thịt của lịch sử dân tộc Việt Nam, Đạo Phật của người Việt Nam mang trên mình tư tưởng Việt Nam sâu sắc.

Chính vì vậy, nhớ công ơn Bác Hồ chúng ta tin tưởng rằng với lòng hướng thiện và niềm tin vững chắc vào một tương lai tốt đẹp, với phương châm hành động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: *Đạo pháp - Dân tộc* và *Chủ nghĩa xã hội* ni giới sẽ cùng toàn thể phụ nữ Việt Nam vượt qua mọi khó khăn thử thách, góp phần đắc lực vào sự nghiệp *Đổi mới đất nước* hôm nay.

Đền Ngọc Sơn

BÁC HỒ VỚI PHẬT GIÁO

Thượng tọa **THÍCH THANH TỪ**

Nam mô Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch chư vị Tôn túc.

Kính thưa Quí vị đại biểu.

Thưa Quí vị tăng ni, cư sĩ phật tử.

TRONG không khí vui mừng kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh "anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam nhà văn hóa lớn". Hôm nay văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức hội thảo khoa học "Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo". Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, Người là tinh hoa của dân tộc có 4.000 năm lịch sử. Để nghiên cứu toàn diện và đầy đủ thân thế sự nghiệp vĩ đại của Người, chúng ta những tăng ni phật tử Việt Nam có chiều dài lịch sử vẻ vang của một tôn giáo gắn liền "Đạo pháp với dân tộc" không thể không đề cập đến khía cạnh "Bác Hồ với Phật giáo".

Kính thưa Quí vị đại biểu.

TUY không phải là phật tử, song tâm hồn, tư tưởng, hành động, đạo đức tác phong của Bác Hồ là kết tinh của dân tộc Việt Nam rất gần với giáo lý của Đạo Phật. Trong thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày 30-8-1947 Bác Hồ viết : "Đức Phật là đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu diệt lũ ác ma". Thật vậy, Đức Phật khi còn là thái tử Tất Đạt Da được sống trong cuộc sống hạnh phúc đầy đủ về vật chất của hoàng cung bên cạnh đầm ấm vợ đẹp con khôn mỹ nữ cung tần ca hát, thế nhưng thái tử đã sớm nhận thấy đất nước, con người nơi Ngài đang sống, đầy rẫy bất công, phân chia đẳng cấp, đàn áp bóc lột lẫn nhau, người dân lao động sống một cuộc sống quằn quại đau thương trong cảnh sống, già,

bệnh, chết. Trước cảnh đau khổ đó đã thôi thúc thái tử trút bỏ tôn vinh đi tìm chân lý giải thoát cho chúng sinh. Ở điểm này, liên hệ với Bác Hồ, chúng ta thấy Bác Hồ đã vượt trùng dương trải bao gian khổ đi khắp 5 châu tìm đường cứu nước cũng nhằm một mục đích là giành độc lập cho dân tộc - tự do hạnh phúc cho nhân dân. Có thể nói Bác Hồ là vị cứu tinh của dân tộc Việt Nam.

Đức Phật Thích Ca suốt 49 năm thuyết pháp, Ngài chỉ rõ cho chúng sinh biết thế nào là sự khổ, nguyên nhân của sự khổ. Muốn giải thoát khổ đau, chúng sinh phải đi theo 8 con đường chính "Bát chính đạo" và phải có lòng đại từ đại bi đại hỷ đại xả mọi người mới giải thoát, an vui. Đối với Bác Hồ, đường Cách mạng là con đường duy nhất, là Kim chỉ nam cho dân tộc Việt Nam. Chỉ có làm cách mạng mới giải phóng được dân tộc, mới đem lại hạnh phúc, tự do.

Suốt cuộc đời cách mạng của Người từ buổi thiếu niên đến phút cuối cùng tất cả chỉ vì lợi ích chung của dân tộc, Bác sống cuộc sống "cần kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Đối với Đức Phật và Bác Hồ thì mọi người đều bình đẳng, đều có khả năng tiến đến giác ngộ. Trong Đạo Phật, các vị Bồ tát thấy nỗi khổ đau của chúng sinh là đau khổ của mình đồng thể đại bi một chưa thành. Ngài Địa Tạng Bồ tát thề nguyện :

"Chúng sinh độ tận phương
chứng Bồ đề,
Địa ngục vị không thệ bất
thành Phật.

Nghĩa là

Chúng sinh độ hết mới
chứng đạp Bồ đề
Địa ngục nếu còn thề không
thành Phật".

Chí nguyện của Bồ tát cũng là tâm nguyện của Bác Hồ, Người luôn ấp ủ hoài bão lớn, Người nói : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành." Khi nước nhà chưa được độc lập, dân tộc chưa được tự do, đồng bào còn phải chịu khổ đau thì Người "ăn không ngon, ngủ không yên".

Ước mơ của Người đã trở thành hiện thực, Người đã mang lại độc lập cho dân tộc, tự do cho đồng bào, trong đó có giới Phật giáo và chính Người là trụ cột cho các đoàn thể, các tôn giáo Việt Nam nhích lại gần nhau đoàn kết trong cộng đồng xã hội, trong khắp khối đại đoàn kết dân tộc. Tình thương của Bác bao trùm khắp cả mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam từ các cháu nhi đồng đến các cụ già tóc bạc, các tôn giáo. Đặc biệt đối với Phật giáo, những hình ảnh của Người đối với tăng ni phật tử chúng ta rất gần gũi.

Đứng góc độ Phật giáo mà nói, cả cuộc đời hoạt động Bác có nhiều quan hệ với Phật giáo không những về tư tưởng, về tình cảm mà cả về việc làm. Theo nghị sỹ Quốc hội Thái Lan tên là Si - pha - nôm Vi shit Va ra Son kể lại : "Bác Hồ là vĩ nhân văn hóa. Năm 1927 khi sang Thái Lan, Bác đã xây dựng nhà Phật to nhất của chùa Phô Thi Sôm Phon ở tỉnh U Don đông bắc Thái Lan. Bác là người đứng ra chủ trì xây dựng, vận động Việt kiều góp sức góp của để xây dựng nhà Phật cho hoàn thiện. Bác đến đâu cũng giúp ích cho nơi đó"

Cũng trong thời gian này, chùa Lô Ka Nu Kho ở Bang Kok cũng là cơ sở hoạt động của Bác. Ở đây, Bác được Hòa thượng thế danh là Phạm Ngọc Đạt, Pháp hiệu Thích Bình Lương giúp đỡ. Khi nước nhà giành được độc lập, Hòa thượng xin về nước, Hòa thượng bị bệnh nằm điều trị ở bệnh viện Việt Xô, Bác đã đến thăm. Khi Hòa thượng viên tịch, Bác Hồ đã cử cụ Hoàng Văn Hoan (lúc đó cụ làm Phó chủ tịch Quốc Hội) đem vòng hoa đến viếng, băng ở vòng hoa nội dung viết : "Kính viếng Hòa thượng Thích Bình Lương", hàng chữ nhỏ ở dưới đề : "Đồng chí Hồ Chí Minh". Nay trong báo cáo hội thảo Quốc tế "Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam nhà văn hóa lớn do Unesco tổ chức tại hội trường Ba đình ngày 29/30-3-1990 Giáo sư Trần Văn Giầu cũng viết : "Khi hoạt động bí mật ở Thái Lan, Bác sống cuộc sống rất giản dị và kham khổ như nhà tu hành, có khi Bác đã mặc áo cà sa của nhà sư. Cách mạng tháng 8 thành công, bận trăm công ngàn việc, Bác vẫn giành thời gian đến thăm chùa

như chùa Quán Sứ, chùa Bà Đá và Bác dùng cơm chay ở đây, Bác còn đến thăm chùa Tây Hồ và trồng 2 cây vú sữa lưu niệm, đồng thời để nói lên tình cảm của Bác với đồng bào miền Nam. Để ổn định tư tưởng cho tăng nhi, đồng bào phật tử và cũng là thể hiện rõ chính sách của nhà nước đối với tôn giáo, tháng 6-1955 Bác đã ký sắc lệnh số 254 về đảm bảo tự do tín ngưỡng, Chương I bảo đảm tự do tín ngưỡng, điều I nói : Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân, không ai được xâm phạm quyền tự do ấy v.v... Vào những ngày lễ lớn như lễ Vu Lan, lễ Phật Thành đạo, Bác cũng gửi Thư đến thăm hỏi và động viên. Đại hội kỳ III của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam năm 1964, Bác gửi Thư đến chào mừng. Trong Thư Bác viết :

"Các vị tăng ni và tín đồ Phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giầu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà ..."

"... Đồng bào Phật giáo cả nước từ Bắc đến Nam đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là : "Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha ..."

Trong lúc đất nước chiến tranh dầu sôi lửa bỏng, Bác vẫn an nhiên thanh thản, vẫn có thời gian đi thăm các nơi danh lam thắng cảnh di tích lịch sử như Đền Hùng, Chùa Côn Sơn, Đền Kiếp Bạc và thắng cảnh chùa Hương hay những đêm trăng thanh gió mát Bác còn tức cảnh làm thơ :

Trăng nhòm qua cửa đòi thơ,
Việc quân còn bận xin chờ
hôm sau.

Rõ ràng Bác đã thể hiện tư tưởng "thiền" của Phật giáo : "Vạn pháp như lôi, nhất tâm thiền định".

Những hình ảnh tư liệu còn lưu trữ được phần nào cho chúng ta thấy Bác Hồ luôn luôn chú ý theo dõi từng thành tích "phụng đạo yêu nước" của tăng ni. Năm 1963 trước cảnh đàn áp kỳ thị tôn giáo của ngụy quyền độc tài Ngô Đình Diệm, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để đòi hòa bình, tự do tín ngưỡng. Được tin đó, Bác rất cảm động trước sự hy sinh anh dũng của Hòa thượng Quảng Đức, Bác Hồ đã trân trọng cắt cột báo đăng tin và ghi lại công đức Hòa thượng. Những dịp sang thăm hữu nghị các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Trung Quốc, Mông Cổ, Inđônêsia v.v.. Bác cũng dành thời gian đến thăm các chùa chiền tăng ni. Đến đâu Bác cũng ân cần thăm hỏi sức khỏe, thăm hỏi tình hình cuộc sống tăng ni.

Còn nhiều và rất nhiều những hình ảnh cũng như tình cảm của Bác Hồ với Đạp Phật mà chúng tôi không thể nêu hết ở đây. Trong những điểm gần gũi này có cái dị, cái đồng, cơ sở khoa học của những điểm gần gũi đó là ở chỗ nào ? Vì sao lại như vậy ? Tại hội thảo khoa học này, kính mong các nhà đại trí thức, quí vị đại đức tăng ni cùng nhau làm sáng tỏ thêm sự nghiệp vĩ đại của Bác Hồ và sự gắn bó giữa Bác Hồ với Phật giáo chúng ta.

Kính thưa Quí vị đại biểu !

Ôn lại lịch sử của một vĩ nhân thì không bút nào tả hết. Song ở đây chúng ta cũng có thể nhận định với nhau rằng : những tư tưởng đạo đức, tác phong và việc làm của Bác Hồ thì hoàn toàn phù hợp với giáo lý của đạo Phật. Vậy thì Bác Hồ không những là vị anh hùng giải phóng dân tộc, là nhà văn hóa lớn mà Bác Hồ còn là hiện thân của đạo Phật, và là một vị Bồ tát hóa thân.

Chúc quý vị mạnh khỏe - cảm ơn quý vị !

BÁC HỒ
Với Phật Giáo
VIỆT NAM

NGUYỄN CÔNG CHƯƠNG

Bác Hồ, ngôi sao sáng thế gian,
Biểu trưng nhân bản của Việt Nam,
Quyết giành độc lập cho dân tộc,
Yêu nước thương dân Bác chứa chan !

Con người nhân bản biết yêu thương,
Biết ghét biết yêu đủ mọi đường ?
Ghét kẻ gian tham, quân bóc lột,
Yêu người trung thực, bậc kiên cường.

Bác Hồ là bạn của muôn người,
Nô lệ, lầm than, khổ ở đời.
Nước mất, nhà tan, đâu hạnh phúc ?
Người dân tủi nhục, chẳng vui cười !

Con đường cách mạng Bác không lui,
Gặp khó bao phen, Bác chẳng lùi.
Mấy chục năm trời đi cứu nước,
Non sông độc lập mới yên vui !

Sau ngày Cách mạng đại thành công,
Độc lập Tuyên ngôn Bác đọc xong,
Bác đã đi thăm chùa Quán Sứ,
Thăm chùa Bà Đá, rất tinh thông !

Đến chùa Bà Đá, nổi thiền ca,
Đứng trước bàn thờ Phật Thích Ca,
Chính phủ lâm thời cùng xuất hiện :
Quyết tâm gìn giữ nước non nhà !

Năm phút Phật ca trước Phật tiền,
Bác Hồ đứng giữa đẹp như tiên,
Đôi khi kính cẩn nghiêng mình lễ,
Bác khiến xung quanh cũng lễ liền !

Lễ xong, Bác nói chuyện hồi lâu,
Phật tử đến nay vẫn khắc sâu.
Đại ý : Nước nhà luôn tôn trọng
Tự do tín ngưỡng có từ lâu.

Phật giáo Việt Nam cùng dân tộc
Như hình với bóng gắn liền nhau,
Tuy hai mà một, không chia rẽ,
Đức trọng đạo cao, nước mạnh giầu !

Tình thương của Bác rộng bao la,
Mong mỏi chân tình lại thiết tha :
Hòa thượng, Tăng ni và Phật tử,
Từ bi, vô ngã với vị tha !

Nghìn việc trăm công năm Bốn nhăm,
Chùa Hương Bác đã gắng đi thăm,
Bữa trưa cơm nắm, vừng rang mặn,
Bờ suối trồng cây Bác dạy răn.

Thực dân xảo quyệt lại gian ngoan,
Tạm ước hiệp thương chúng xé tan,

Bắt ép dân ta quy phục chúng,
Để cho chúng được thỏa lòng tham !

Bác Hồ nhân ái, rộng tình thương,
Trí tuệ, từ bi, rất dũng cường,
Kêu gọi toàn dân cùng kháng chiến,
Quyết tâm bảo vệ lấy quê hương !

Bác đã nhân ngày rằm tháng bảy,
Ba mươi tháng Tám năm Bốn bảy,
Gửi thư cho Phật tử nước nhà,
Nhắc nhở làm theo lời Phật dạy.

Bác nói : Nước nhà giành độc lập,
Mới mong Đạo Phật mở mang thêm.
Đức Phật từ bi luôn cứu khổ,
Mong đời hạnh phúc, hưởng êm đềm !

Từ bi với Phật, với dân hiền,
Muốn biến cõi đời hóa cõi tiên !
Còn bọn Ma Vương cùng quỷ sứ,
Còn lo trừ khử, chẳng ngồi yên !

Phật tử vâng theo lời Bác dạy,
Một lòng đoàn kết chống xâm lăng,
Hy sinh, gian khổ, không hề ngại,
Quét sạch thực dân khỏi đất bằng !

Trường kỳ kháng chiến thắng vinh quang,
Đế quốc thực dân phải cút hàng,
Non nước vàng sao cờ đỏ rực,
Toàn dân mừng giải phóng giang san !

Tinh mơ Bác vãng cảnh chùa Hương,
Đúng dịp bảy mươi tuổi tóc sương,
Chỉ thị chính quyền vùng Bến Đục
Sửa sang đường sá tiện hành hương.

Nước nhà độc lập, hết xâm lăng,
Đất nước dựng xây đẹp mọi đằng,
Biến cõi Sa Bà thành Tịnh Độ,
Toàn dân hạnh phúc, hưởng công bằng.

Nhân bản Bác Hồ được biểu trưng
Hai tay rộng mở đón vui mừng,
Trái tim nhân hậu, yêu đồng loại,
Hạnh phúc, tự do hưởng ấm chung.

Yêu nước thương dân tình bát ngát,
Suốt đời phục vụ giới cần lao,
Bác nêu gương sáng như Bồ tát,
"Vô ngã vị tha" đẹp biết bao !

NGUYỄN CÔNG CHƯƠNG
20-2-90
Địa chỉ : 73, Ngô Quyền Hà Nội.

Kính viếng

bà HOÀNG THỊ LOAN

TỪ MẪU

THÍCH DIỆU NIỆM

Ai có dịp về đây tha hồ ngắm
Ngòi bút son tô thắm của thiên nhiên
Ngòi bút son lồng lộng chấp uy quyền
Vẽ nên cảnh thần tiên rồi kết cấu
Hoàng Thị Loan; Bà là thánh mẫu!
Giữa làng sen yêu dấu của Việt Nam
Giữa làng quê thanh bạch đất Nam Đàn
Nơi canh cửi danh vang người nữ hạnh
Nơi chung đúc khí thiêng quê Nghệ Tĩnh
Nơi căm thù và uất hận vô biên
Dân Việt Nam đeo nặng cổ xích xiềng
Của Pháp, Nhật... ngả nghiêng đè nặng trĩu
Song khí phách non sông không đành chịu
Chí bà Loan quyết cứu lấy giang sơn
Nên bông sen khung cửi dệt lụa vàng
Thoi biến vải Sa-Nan tràn ấp ủ
Vải đã dệt thắm nền tự chủ
Vải ân cần nhắn nhủ mối tình chung
Là hồn thiêng đất nước Việt anh hùng
Đã xuất hiện vị thánh hồng dân tộc
Nguyễn Ái Quốc lớn trong hồn Phù Đổng
Tiếng mẹ ru cánh võng nặng nước non
Bằng tình yêu: Tổ quốc quyện tâm hồn
Trong giấc ngủ chập chờn bên khung cửi
Mẹ nhìn con trái đào non mát rượi
Cố bù trì cho đến tuổi thanh xuân
Lòng lâng lâng Loan mẫu phấp phới mừng
Niềm hy vọng sáng bừng trong nắng mới
Giữa lúc ấy lũ quan quân rong ruổi
Cầu vinh thân mà bán đổi quốc gia
Chúng bàng quang với dòng lệ Sơn hà
Mặc dân tộc xót xa trong u ám
Riêng Ái Quốc ra đi tìm ánh sáng
Phá xích xiềng, nứt rạn chế độ xưa
Người bôn ba với tâm niệm sớm trưa
Mặc gió tuyết, nắng mưa và than bụi
Quyết đem chí dựng xây nền xã hội
Cho ngày nay đổi mới Việt Nam ta
Hoa nở rộ, nước non nhà độc lập
Dân tự chủ, nước nhà xuân mãi mãi
Công lao ấy bao la như Hà hải
Khắp hành tinh nào chỉ Việt Nam đâu
Hồ-Chí-Minh sáng chói khắp hoàn cầu
Và sống mãi trong lòng người dân Việt.
Ôi! Trang sử ngàn năm đầy oanh liệt
Bóng quân thù truyền kiếp đã tiêu tan
Dân Việt Nam với tổ quốc huy hoàng
Ơn Đảng Bác và Bà Loan càng sâu nặng.

19-5-1986

PHẬT GIÁO VỚI CÁCH MẠNG

HÀ VĂN TẤN
Giáo sư sử học

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH, vị anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ chức hội thảo "Chủ tịch HỒ CHÍ MINH với Đạo Phật". Tôi xin được tham dự hội thảo này với bản tham luận có tựa đề: "Phật giáo với Cách mạng".

Để mở đầu, tôi xin dẫn hai câu của Chủ Tịch Hồ Chí Minh nói về Đạo Phật:

Câu thứ nhất: *"Tôn chỉ mục đích của Đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm".*

Câu thứ hai: *"Đức Phật là đại từ bi cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma".*

Nhà cách mạng vĩ đại HỒ CHÍ MINH đã viết như vậy về Đạo Phật, cho chúng ta thấy rằng Phật giáo có khả năng đi với cách mạng, và ngược lại, cách mạng có khả năng đi cùng Phật giáo.

Câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh khiến chúng ta nhớ đến lời của Đức Phật trong *Tương Ưng bộ kinh* (Samyutta Nikâya):

"Này các tỳ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người".

Lý tưởng của Đức Thế tôn là xây dựng một xã hội hạnh phúc và an lạc. Đó là điều bất khả tư nghị. Và như vậy, mục tiêu của Phật giáo, như Hồ Chủ tịch đã nhắc lại, thật gần gũi làm sao với lý tưởng của người cộng sản chân chính, của chủ nghĩa xã hội chân chính.

Nếu ai đó cho rằng thế giới an lạc mà Đức Thế Tôn đã chỉ ra là giấc mơ vời vợi của chúng sinh đau khổ thì xin cũng nhớ cho trong những tháng năm này dễ nhận ra rằng còn phải qua nhiều nỗi truân chiên lý tưởng cộng sản mới có thể thành hiện thực.

Nếu cách mạng - cách mạng dân tộc dân chủ ngày hôm qua và cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày hôm nay - và Phật giáo đều có một cái đích là xây dựng một thế giới hạnh phúc, thì việc có thể cùng nhau đi tới cái đích đó là điều hiển nhiên. Để đi tới cái đích đó, mỗi phía có thể có những phương

pháp khác nhau, những cách suy nghĩ nhìn nhận không giống nhau, nhưng điều đó thì có hề chi!

Khi viết những dòng này, tôi bỗng nhiên nhớ đến Mâu Tử, người tín đồ Phật giáo ở Việt Nam vào khoảng cuối thế kỷ II sau Công nguyên. Trong *Lý Hoặc Luận*, Mâu Tử đã viết: "Xe và thuyền không đi cùng một lối, nhưng đều đưa người tới chốn"... "Vàng và ngọc không gây tỳ vết cho nhau, bích ngọc và mã não để chung nhau không sao cả". Đã gần 1800 năm trôi qua, nhưng ngày nay, khi bàn đến Phật giáo và cách mạng, chúng ta không thể không nhớ tới lời của Mâu Tử ở buổi đầu của Phật giáo Việt Nam.

Nhưng có lẽ không phải giữa cách mạng và Phật giáo chỉ gần nhau ở mục tiêu hay lý tưởng. Hẳn Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói được điều chủ yếu của Phật giáo khi Người nhấn mạnh rằng Đức Phật là bậc đại từ bi cứu khổ cứu nạn.

Cứu khổ cứu nạn cũng là - hay cũng phải là - công việc của cách mạng, nếu nó muốn tự biểu hiện là chân chính.

Trong một bài viết về tư tưởng Phật giáo, giáo sư Trần Văn Giàu có kể rằng: "Kinh nghiệm ở đời của tôi làm việc với anh em Phật giáo, tôn giáo mà gia đình tôi hầu hết tin theo, tôi thấy rằng mười vạn quyển kinh còn 2 hay 4 chữ, chứ không phải còn một chữ "không" hay không còn chữ nào. Và bốn chữ này là cốt lõi của Phật giáo: cứu khổ cứu nạn". Và trước những người cố chứng minh lý thuyết Phật giáo là giống với lý thuyết mác xít, người cộng sản bộc trực đó đã nói rất thẳng thắn: "Đừng có lôi kéo Phật về phía mình để cho to lên. Và tôi cũng không cần Phật đứng về phe chúng tôi, mà cứ đứng về phe ông, miễn là các ông làm việc với chúng tôi: cứu cứu khổ cứu nạn, thế là đủ".

Tuy nhiên, khi nhìn vào lịch sử, ông cũng thấy rằng "Phật giáo đã thật sự thấm vào máu thịt của lịch sử dân tộc Việt Nam", và có những giai đoạn "hoạt động cách mạng cũng xuất phát từ nhà chùa". Những lúc như vậy, theo tôi nghĩ, không còn vấn đề "phe" nữa, mà người Phật giáo đã đồng thời là người cách mạng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết rằng Đức Phật đã diệt lũ ác ma để cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Chính trong việc diệt ác ma, cứu khổ nạn, mà Phật giáo đã biểu hiện lý tưởng cao cả của mình. Đức Thế Tôn đã từng đưa ra một hình ảnh đẹp trong kinh *Pháp Cú (Dhammapada)*:

"Như chim thiên nga bay,
Thần thông lộng giữa trời,
Chiến thắng Ma, ma quân,
Bậc trí thoát đời này".

Tất nhiên, khi Đức Phật và lý thuyết Phật giáo nói đến "ác ma", là bao hàm trong khái niệm này cả những kẻ thù nguy hiểm bên trong, những "ác ma" đã xuất hiện ngay trong tâm tưởng con người. Tôi nghĩ rằng những người cộng sản, những người cách mạng, đều phải cảnh giác với loại "ác ma" đó, nhất là trong những giờ phút này, khi có một bộ phận những người cách mạng thoái hóa, đã để cho "ác ma" xâm nhập vào mình, và dần dần bản thân họ đã trở thành "ác ma" của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời nêu cao đạo đức cách mạng cũng là để ngăn chặn loại "ác ma" này.

Nhưng như chúng ta biết, khi giáo pháp bị xúc phạm, sự an lạc của chúng sinh bị đe dọa, Phật giáo cũng kêu gọi đứng lên chống lại các thế lực xâm hại từ bên ngoài, khi cần có thể quyết liệt. Điều này đã được trình bày khá rõ trong kinh *Phạm Võng (Brahmajala)*, tôi thấy không cần nhắc lại. Tôi chỉ muốn nói đôi điều, mà chắc là mọi người đã biết, về lịch sử Phật giáo Việt Nam, vì chỉ qua tấm gương của lịch sử, chúng ta dễ nhìn thấy sự gắn bó giữa Phật giáo và dân tộc.

Có thể nói hai nghìn năm Phật giáo Việt Nam là hai nghìn năm Phật giáo nhập thân vào dân tộc. Từ buổi đầu du nhập, trong thời Bắc thuộc, Phật giáo đã được quần chúng đau khổ, mang khát vọng giải thoát, đón nhận một cách tự nhiên, hòa hợp với tín ngưỡng, cổ truyền. Từ đây, ngoài tổ tiên, ông Trời và các thần linh của mình, người Việt có thêm một ông Bụt từ bi, hiền hòa, giúp người nghèo khó, bênh người oan ức. Cũng từ đây, lực lượng Phật giáo luôn luôn tham gia tích cực vào việc giành lại nền độc lập cho đất nước. Ta hiểu vì sao Lý Bí, khi lên ngôi năm 544, lập nước Vạn Xuân, đã dựng chùa Khai Quốc (tức Mở nước), nay là chùa Trấn Quốc (Hà Nội). Ta hiểu được vì sao Lý Phật Tử, như tên gọi, là đệ tử của Phật, trở thành một thủ lĩnh chống ách đô hộ và xâm lược. Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc thuở đó, còn có những tên tuổi như thiền sư Định Không, thiền sư La Quý An... Do đó, ta hiểu được vì sao Phật giáo có địa vị to lớn sau khi

đất nước giành lại quyền độc lập từ thế kỷ X. Nhiều nhà sư thời Đinh, Lê, Lý đã giúp nhà vua trong công việc đối nội, đối ngoại. Nhiều nhà sư và cư sĩ thời Trần đã từng lên yên ngựa dẹp giặc Nguyên hung hãn. Họ đã là những anh hùng dân tộc.

Và trong thời kỳ cận đại và hiện đại, khi thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ xâm lược nước ta, lực lượng Phật giáo chân chính bao giờ cũng đứng vào hàng ngũ những người yêu nước. Tên tuổi các nhà sư yêu nước này thật không kể xiết. Chúng ta đã biết nhà sư Võ Tri, quê Bình Định, đã tổ chức cuộc nổi dậy chống thực dân phong kiến ở Phú Yên năm 1898, đã bị bắt và bị xử tử. Chúng ta cũng đã biết nhà sư Vương Quốc Chính, quê Cổ Am, Hải Dương, trụ trì tại chùa Ngọc Long Động ở Chương Mỹ, đã tổ chức cuộc nổi dậy đánh vào Hà Nội năm 1898. Nhà sư Cao Văn Long, quê Bến Tre, trụ trì chùa Núi Cấm vùng Thất Sơn, đã là linh hồn của cuộc khởi nghĩa đánh vào Sài Gòn năm 1916. Ngay tên chưởng lý tòa án binh Pháp khi buộc tội ông, cũng phải nhận xét: "Một nhà sư có uy tín, khôn khéo, sáng suốt, kiên quyết, nơi nơi đều quen, người người đều

mến". Sư Trí Thiền Hoàng Văn Đồng, trụ trì chùa Tam Bảo ở Rạch Giá, đã bị đầy ra Côn Đảo rồi hy sinh tại đó. Sư Thông Hòa ở chùa Đồng Kị đã hết sức giúp đỡ các đồng chí trung ương Đảng Cộng sản trước Cách mạng tháng Tám.

Không kể xiết và cũng chưa biết hết. Có lẽ đã đến lúc Giáo hội Phật giáo cần tổ chức cho các địa phương ghi chép lại lịch sử các nhà tu hành và các đệ tử đã hết lòng vì dân, vì nước, vì đạo, để làm rực sáng thêm những trang đẹp đẽ của lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chúng ta cũng đã biết đến những nhà sư yêu nước và phong trào Phật giáo trong thời kỳ chống Mỹ. Như đồng chí Trần Bạch Đằng có lần đề cập tới, đây là thời kỳ "cái tinh túy của đạo Phật được phát huy, được luân lý dân tộc chấp nhận. Đó là hình ảnh Thích Quảng Đức tự thiêu, một kỳ công không dễ gì có được, là hun đúc của lịch sử, là tinh hoa của Phật giáo, tới tầm cỡ thế giới, không dễ gì có được, nhất là nhìn hình ảnh Ngài đến lúc trái tim không còn hoạt động nữa"[1].

Như vậy, từ nguyên lý cứu khổ cứu nạn của Phật giáo, từ tinh thần yêu nước của Phật giáo Việt Nam hun đúc qua dặm dài của lịch sử chống xâm lược, Phật giáo đã luôn luôn gắn bó với lợi ích của dân tộc. Chính vì gắn bó với lợi ích dân tộc, Phật giáo đã tham gia cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trước đây và giờ đây, tham gia cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong phong trào bảo vệ hòa bình, đấu tranh cho một thế giới không có vũ khí hạt nhân hiện nay, Phật giáo có vai trò tích cực nhờ phát huy có hiệu quả những tư tưởng chống chiến tranh yêu hòa bình vốn có của Phật giáo.

Theo tôi nghĩ, người cách mạng, người cộng sản, cần nhìn vào lịch sử dân tộc, lịch sử Phật giáo Việt Nam mà nhận thức rõ ràng những cống hiến của Phật giáo.

Tôi muốn nói điều này, vì hiện nay, trong mối quan hệ Phật giáo và cách mạng, không phải không còn những điều ngộ nhận.

Có những người hẹp hòi, chỉ nhìn vào những hiện tượng, những nhân vật phản dân, phản đạo, mà đánh giá thấy vị trí của Phật giáo đối với cách mạng. Xin thưa rằng sự phản hóa người tốt, người xấu là một sự thường tình, thời nào chẳng có. Xưa kia, vào buổi cuối Lê, ta đã biết đến một nhà sư Nguyễn Dương Hưng nổi dậy cùng với dân nghèo, lại biết đến một nhà sư Bùi Đăng Tương thông lĩnh quân đội đàn áp nông dân. Còn gần đây, như lời kể của Trần Bạch Đằng, "nhớ tết năm nào, một xe cam nhông chở đầy hoa đào từ Đà Lạt về trang trí nhà Thích Tâm Châu, thì thấy Thiện Hoa, Viện trưởng Viện Hóa Đạo mang tay nải ra bến xe để về Trà Ôn"[2]. Không nên vì những sự phản hóa đó mà ta có một cái nhìn khác về Phật giáo. Cũng như hiện nay, trong những người cách mạng, những cộng sản, xuất hiện những kẻ cơ hội hay bạo chúa mới. Nhưng điều đó không ngăn cản niềm tin vào một lý tưởng cộng sản chân chính, một chủ nghĩa xã hội nhân bản.

Mặt khác, ngược lại, không ít sự hiểu lầm về quan điểm mác xít đối với tôn giáo, về đường lối của đảng cộng sản đối với tôn giáo. Hôm nay, không phải là lúc để trình bày các vấn đề này. Nhưng theo chỗ hiểu biết của tôi thì lý thuyết Mác xít chưa bao giờ đặt vấn đề loại bỏ tôn giáo trong đời sống hiện thực. Ngay từ những tác phẩm sớm, như *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*, Mác đã yêu cầu chấm dứt sự phê phán tôn giáo như phái Hegel trẻ đã làm mà hướng tới "sự phê phán cái biển khổ", tức đời sống thực của xã hội tư bản. Cũng từ tác phẩm này, ta biết mệnh đề của Mác: "Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân". Đây là một mệnh đề bị ngộ nhận nhiều nhất. Người ta cho rằng Mác đã bài xích tôn giáo, coi tôn giáo là thuốc độc, hoàn toàn không phải thế. Nếu đặt mệnh đề của Mác vào văn cảnh của nó, ta sẽ thấy suy nghĩ trên là không phù hợp. Thuốc phiện nói tới ở đây chỉ là thứ thuốc giảm đau. Tôi nghĩ rằng Michele Bertrand hoàn toàn có lý, khi lưu ý chúng ta rằng ở thế kỷ XIX, thuốc phiện dùng phổ biến trong các hiệu thuốc để làm thuốc giảm đau (analgésique)[3], chứ không phải như ma túy sau này. M.Bertrand còn cho biết rằng trước Mác, nhà triết học Kant đã ví tôn giáo với thuốc phiện, với ý nghĩa là tôn giáo xoa dịu sự đau khổ.

Không nên hiểu lầm Mác cũng như lý thuyết mác xít về tôn giáo. Tuy nhiên, ngay cả những người sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng nghĩ rằng lý thuyết phải được hoàn thiện qua thực tiễn và được áp dụng sáng tạo vào thực tế. Tôi không nghĩ rằng mọi chính sách của đảng và nhà nước về tôn giáo là không còn vấn đề gì phải bàn, mà hẳn là giờ đây, cần phải hoàn thiện chúng trong tình hình đổi mới của đất nước.

Nhưng chúng ta có thể tin tưởng vào sự áp dụng lý thuyết mác xít về tôn giáo vào Việt Nam qua mẫu mực thiên tài của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH. Chủ tịch HỒ CHÍ MINH đã đoàn kết được các lực lượng tôn giáo, trong đó có Phật giáo, trong công cuộc bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người làm được điều đó vì Người là nhà cách mạng chân chính, người anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa lớn. Trong Người, có cả dân tộc và nhân loại.

Chúng ta bỗng nhớ đến những câu thơ của Chế Lan Viên trong bài "Bể và Người".

"Xưa Phật ra đi bốn ô cuộc đời nghe vị đắng cay,
Hải triều âm xé lòng người cứu thế.
Nay trăm tiếng nói màu da nhìn kiếp đọa đày,
Bác đã gặp giữa thủy triều người, nhân loại bể".

Ngày nay, Phật giáo Việt Nam tin tưởng vào đường lối cách mạng và cách mạng đánh giá cao cống hiến của Phật giáo, vì chúng ta nhớ lời dạy và tấm gương của Chủ tịch HỒ CHÍ MINH, Người Giải Phóng, cũng có nghĩa là Người Cứu Khổ.

Tháng Năm, 1990.

---

(1) Trần Bạch Đằng, *mấy vấn đề về nghiên cứu Phật giáo và lịch sử tư tưởng dân tộc*. Trong *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Hà Nội, 1986, tr.22 - 23.

(2) (Xem (1) ở trang 4

(3) Michèle Bertrand, *Le statut de la religion chez Marx et Engels*, Éditions Sociales, Paris 1979, p.48 - 49.

LÒNG YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN CỦA HỒ CHỦ TỊCH VÀ HẠNH TỪ BI CỦA ĐẠO PHẬT

THÍCH GIA QUANG

CHủ tịch Hồ Chí Minh,Người đã hy sinh cả cuộc đời vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân Việt Nam, được toàn thể nhân dân ta kính mến, biết ơn và suy tôn Người là "vị cứu tinh của dân tộc". Người được thế giới khâm phục ca ngợi "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, của phong trào giải phóng dân tộc của thế kỷ 20" (Điếu văn của Ban chấp hành Trung ương đảng Lao động Việt Nam). Nghị quyết của UNESCO đã ghi nhận : "Xét thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh là một biểu tượng kiệt xuất về lòng quyết tâm của cả một dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội".

Nói tới Chủ tịch Hồ Chí Minh, có lẽ không ai là không biết đến một trong những điểm nổi bật trong con người vĩ đại của Bác là lòng nhân ái của Người. Khi còn ít tuổi, Bác đau xót trước cảnh đồng bào ta sống dưới áp bức bóc lột của thực dân và phong kiến. Chính vì thấy cảnh nước mất nhà tan, nhân dân lầm than đói rét mà Người đã ra đi tìm đường cứu nước. Hồ Chủ tịch tự cho mình là "người lính vàng mệnh quốc gia ra mặt trận", là "người đầy tớ trung thành của nhân dân". Bác đã phải chịu đựng những khó khăn gian khổ để tránh sự lùng sục của kẻ thù và sự cực nhọc của công việc, từ việc đội than làm phu đến công việc của người đầu bếp trên tầu buôn của Pháp, cho đến làm người bán bảo kiếm sống để hoạt động, để tìm đường cứu nước, cứu dân. Ở Người lòng yêu nước thương nòi đã lên đến tột đỉnh. Người nói : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Nguyện vọng đó đã chi phối mọi suy nghĩ và hành động trong cả cuộc đời của Bác, Người lại nói : "Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích là làm cho ích nước lợi dân". Lòng yêu nước thương dân của Bác thật bao la ! Cũng như đạo Phật, nếu đức Phật không có lòng từ bi trước cảnh khổ của người dân Ấn Độ đương thời thì có lẽ Ngài không xả ngôi vua, từ bỏ cuộc đời vương giả rời hoàng cung vào trong rừng sâu để tìm đạo giải thoát cho con người

khỏi cảnh bất công, bất bình đẳng trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ, Chính đức Phật đã nói : "Này các tỳ kheo, xưa và nay ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ" (Trung bộ Kinh I, trang 140). Hồ Chủ tịch tìm đường cứu nước giành độc lập tự do cho dân tộc, làm cho người dân khỏi khổ cả tinh thần lẫn vật chất thì Đạo Phật chủ trương giải thoát cho con người khỏi cảnh phiền não khổ đau, đi đến an lạc. Như vậy tư tưởng của Bác và chủ trương của đạo Phật đều cùng chung một mục đích vì con người, cứu con người thoát khổ được vui. Phải chăng đây là điểm tương đồng gần gũi giữa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với giáo lý của đạo Phật ? Cựu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã nói về Bác : "Những tư tưởng lớn của Bác là những tình cảm lớn, trong đời hoạt động cách mạng của Hồ Chủ tịch cũng như trong đời sống hàng ngày của mình, Hồ Chủ tịch đối xử với mọi người có lý có tình. Bác Hồ Muôn vàn thương yêu với đồng chí đồng bào, trong tình yêu đó có chỗ cho mọi người không quên sót một ai và sắp xếp cho mọi người vị trí chiến đấu cũng như lo lắng chu đáo cho mỗi người việc làm, đời sống và học tập". Nhà thơ Tố Hữu đã phản ánh được phần nào tâm tư tình cảm của Bác lúc nào cũng lo cho dân cho nước, tất cả vì dân vì nước, vì hạnh phúc của mọi người qua câu thơ ca ngợi Bác :

"... Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông chở nặng phù sa".

Nhà thơ Xuân Diệu thì :

"Trên đầu tóc Bác sương ghi
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con".

Xuất phát từ lòng thương người một cách chân thực và sâu rộng. Bác đã dạy : "Mình vì mọi người mọi người vì mình", cũng như đức Phật đã dạy : "Vô ngã vị tha", thật là sự trùng hợp của hai tư tưởng một cách kỳ lạ.

Trong đời sống hàng ngày, Bác luôn luôn quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân, từ giới trí thức đến người lao động chân tay, từ công nhân đến nông dân, bộ đội, từ các cụ già đến các cháu thiếu niên nhi đồng. Mỗi khi có cụ nào thọ được 100 tuổi thì Bác lại gửi lẵng hoa và quà đến tặng chúc mừng. Mỗi khi đến ngày tết thiếu nhi thì Bác đều có thư chúc tết với lời căn dặn đầy tình thương yêu của Bác đến các cháu. Không những Bác chỉ chăm sóc cho thế hệ hiện tại mà Bác còn lo cho cả thế hệ tương lai, vì thế mà trước khi vĩnh biệt chúng ta Bác đã dặn lại Đảng : "Bồi dưỡng thế hệ cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết", và Bác đã dạy : "vì lợi ích 10 năm thì phải trồng cây, vì lợi ích 100 năm thì phải trồng người". Bác còn dặn : "Giáo dục các em là việc chung của gia đình, trường học, và xã hội. Chính phủ, các đoàn thể và tất cả đồng bào đều có trách nhiệm vào việc giáo dục nhi đồng". Thật là một lời dạy chí tình chí lý của người có tầm nhìn xuyên suốt từ hiện tại đến tương lai. Thật hiếm có vị lãnh tụ nào lại gần gũi, chan hòa với mọi người mọi tầng lớp và các thế hệ như Bác. Thật là :

"Bác sống như trời đất của ta,
Yêu từng ngọn lúa mỗi cành hoa,
Tự do cho mỗi đời nô lệ,
Sữa để em thơ lụa tặng già".
(Tố Hữu)

Trong khi dân tộc ta phải sống dưới gót sắt của quân xâm lược thì không lúc nào Bác không nghĩ đến việc đánh đuổi thực dân, giải phóng đất nước, giải phóng cho dân tộc. Khi Bác bị bọn đế quốc cầm tù, ngồi trong nhà tù của đế quốc nhưng lúc nào Bác cũng hướng ra ngoài đấu tranh được tự do để trở về hoạt động đưa cách mạng đến thắng lợi hoàn toàn, thậm chí khi ngủ Bác cũng mơ thấy ngày nước nhà được giải phóng :

"Một canh ... hai canh ... lại ba canh
Trằn trọc băn khoăn giấc chẳng thành
Canh bốn canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"
(Nhật ký trong tù)

Thật là trùng hợp với giáo lý của đức Phật dạy người Phật tử phải có lòng từ bi với tất cả loài hữu tình : "Lòng từ đem lại cho chúng sinh tất cả mọi sự yên ổn cả tinh thần lẫn vật chất" (Kinh Đại Bảo Tích). "Lòng từ bi không bao giờ tàn hại, vì lòng bi thương các chúng sinh không chán bỏ" (Kinh Thập thiện Nghiệp). Đức Phật khi Ngài nằm nghỉ Ngài cũng "tâm từ thương chúng sinh" (Tương ưng I, trang 136). Cũng chính vì từ bi mà trong giáo lý của đạo Phật có thuyết vô ngã (đừng quá vì mình mà phải vì mọi người nữa), có thể trong xã hội mới có tình thương, tình tương thân tương ái, để mỗi người nhận rõ mình với người là một, "ta" với "không phải ta" vẫn như nhau để chúng ta không còn ngăn cách giữa mình với người thì tình thương mới không có biên giới, tình thương mới toàn vẹn.

Sau khi cách mạng thành công, những tệ nạn xã hội của chế độ cũ còn rơi rớt lại, với tấm lòng thương người Bác đã dặn nhà nước ta : "đối với những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, gái điếm, cờ bạc, buôn lậu ... thì nhà nước phải vừa giáo dục, vừa dùng pháp luật để cải tạo họ, giúp họ trở nên những người lao động lương thiện". Thật là một tấm lòng bao dung độ lượng, một vị lãnh tụ đã quan tâm cả đến tội nhân, chủ yếu dùng phương pháp giáo dục để cải tạo họ, giúp họ trở thành người làm ăn lương thiện. Đức Phật với lòng từ bi. Ngài đã dùng lòng nhân từ để cảm hóa ngoại đạo cũng như cảm hóa Angulimala tên sát nhân và dâm nữ Ambapali trở thành những bậc thánh thiện (Lịch sử đức Phật Thích Ca - Hòa thượng Thích Minh Châu). Và cũng ngay sau khi dân tộc ta được giải phóng, Bác đã ra sắc lệnh "Nam nữ bình quyền" (người

• *Chủ Tịch Hồ Chí Minh cùng Vua Lào thăm Chùa Quán Sứ 1963*
Ảnh: Tư liệu BTHCM

nữ được hưởng mọi quyền bình đẳng như người nam giới) vĩnh viễn xóa bỏ quan niệm trọng nam khinh nữ của chế độ phong kiến kéo dài hàng chục thế kỷ, trả lại quyền tự do bình đẳng cho con người trong xã hội ta. Cao hơn nữa Bác đã tuyên bố "con người được sinh ra có quyền sống và quyền bình đẳng". Bác là người chiến sỹ đầu tiên trong lịch sử của dân tộc ta đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, tự do và bình đẳng xã hội một cách đầy đủ và triệt để nhất, phải chăng có khác gì đức Phật Thích Ca có lẽ là người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đấu tranh cho tự do và công bằng xã hội, bình đẳng giữa các giai cấp và giữa con người với con người trong xã hội Ấn Độ cổ đại có nhiều đẳng cấp khắc nghiệt qua lời tuyên bố của Ngài : "Không có đẳng cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có đẳng cấp trong giọt nước mắt cùng mặn, con người sinh ra không phải đã mang sẵn trong bào thai dây chuyền ở cổ, dấu tica trên trán" (Ánh Đạo vàng - Võ Đình Cường). Và Ngài đã nhân hóa bình đẳng con người đến mức tuyệt đối trong giáo lý của Ngài "Ta là Phật đã thành, con người là Phật sẽ thành" (Kinh Pháp Hoa). Thật là ở hai con người mà mang chung một tư tưởng nhân đạo sâu sắc. Nhà thơ Huy Cận đã viết về Bác : "Khi bình sinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn có một tấm lòng kính mộ sâu sắc và cảm động đối với đức Phật Thích Ca người sáng lập ra đạo Phật, cũng như đối với tất cả các vị sáng lập những tôn giáo lớn. Người đã cảm nhận ở các vị giáo chủ này trước hết là lòng cảm thương sâu sắc đối với số phận của những chúng sinh, và ý muốn tha thiết làm sao giảm nhẹ hoặc xóa bỏ những nỗi đau khổ của những con người trên trái đất này". Có lẽ không ai là không cảm phục ngậm ngùi xúc động trước tấm lòng chân tình tha thiết phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước của Bác khi đọc những dòng chữ mà Bác đã để lại trước khi vĩnh biệt chúng ta : "Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa nhiều hơn nữa", và trước khi ra đi Bác đã "để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng " Tình cảm vĩ đại của Hồ Chủ tịch không chỉ hạn chế trong phạm vi một nước, một dân tộc mà còn mở rộng ra với toàn thể nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới : "tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên, nhi đồng quốc tế". Thật là :

"Bác ơi tim Bác mênh mông thế,
Ôm cả non sông mọi kiếp người"
(Tố Hữu)

Bác đã hiến dâng trọn cả đời mình cho độc lập tự do, cho chủ nghĩa xã hội của dân tộc ta. Cuộc đời mà Bác "chỉ biết quên mình cho hết thảy - vô ngã vị tha" vì hạnh phúc của nhân dân, vì sự nghiệp phồn vinh của đất nước, sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác đã và đang được cả dân tộc ta tiếp tục. Tư tưởng, tình cảm và đạo đức của Người vẫn sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

HỒ CHỦ TỊCH
MỘT BIỂU TRƯNG NHÂN BẢN VIỆT NAM

Thượng tọa **THÍCH ĐỨC NGHIỆP**

NÓI về Hồ Chủ Tịch, tức là nói về một vĩ nhân đa dạng, có tầm vóc lớn, đã tạo ra lịch sử VIỆT NAM độc lập và thống nhất, và đã đi vào lịch sử thế giới hiện nay.

Nhiều người Việt Nam và nước ngoài đã viết nhiều, thật nhiều những đặc điểm về Hồ Chủ tịch, qua các tác phẩm, sách, báo, văn, thơ, nhạc, kịch, phim ảnh. Thí dụ: tại Việt Nam, Thủ Tướng PHẠM VĂN ĐỒNG Trong cuốn "Tổ Quốc ta, Nhân Dân Ta, Sự Nghiệp Ta và Người Nghệ Sĩ"; VĂN TẠO trong tạp chí "Nghiên Cứu Lịch Sử"; AN QUẢN trong cuốn "Theo Bác Đi Chiến Dịch"; nhà thơ TỐ HỮU, HẢI NHƯ v.v... Ở nước ngoài, như BERNARD FALL trong cuốn "Le VIỆT MINH"; DAVID HALBERSTAM trong cuốn "UNCLE HO"; Jean LACOUTURE trong cuốn "CINQ HOMMES ET LA FRANCE"; Jean SAINTENY trong cuốn "HISTOIRE D'UNE PAIX MANQUAÉE"; Paul MUS trong cuốn "VIỆT NAM, Sociologie d'une Guerre"; Philippe DEVILLERS trong cuốn "HISTOIRE DU VIỆT NAM 1940 - 1950"; Ruth FICHER trong cuốn "DE LENINE A MAO"; và trong tất cả các bộ Tự Điển Bách Khoa của những nước lớn.

Nhưng một điểm nổi bật nhất, sâu đậm nhất, sẵn có trong đức tính nhân bản của Hồ Chủ Tịch, lại chỉ được đề cập khái quát. Do đó, dưới góc độ Phật Giáo Việt Nam, chúng tôi thành tâm góp phần nhỏ của mình vào điểm Nhân Bản ấy.

Trước hết, tôi phải xác nhận rằng: Hồ Chủ Tịch là của mọi ngời, nhất là những người sống trong khổ đau và đen tối. Cho nên, Nhân Bản của Hồ Chủ Tịch là một bản chất rất người, rất sáng tạo rất thực tiễn, làm cho tất cả mọi người Việt Nam và thế giới đều được tự do và hạnh phúc. Nói theo Phật Giáo, Nhân Bản ấy kết tinh bằng Từ Bi, Trí Tuệ, Dũng Mãnh, hướng dẫn chúng sinh đạt tới mục đích Giác Ngộ và Giải Thoát, chuyển biến cõi sa bà này thành cõi tịnh độ, và cuộc đời cơ cực này thành nếp sống cực lạc. Ước mơ ấy bắt nguồn từ tình thương, yêu nước, thương người mà đã được đề cập, và tỏa sáng trong những bài thơ bằng chữ Hán và chữ Việt của Hồ Chủ Tịch, khi Người còn bị cầm tù tại Trung Quốc dưới chế độ Tưởng Giới Thạch, và khi Người về Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Nhật và Pháp:

"Đẹp sao tình nghĩa Mạc Tân Dương,
Mua tặng cơm canh chốn ngục đường.
Cởi trói tù nhân yên giấc ngủ,
Quyền uy đặt nhẹ, trọng tình thương"(1)

"Lòng riêng, riêng những bàng hoàng,
Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng,
Thuyền về, trời đã rạng đông,
Bác là nhuốm một mầu hồng đẹp tươi"(2)

Mới nghe hai chữ kháng chiến, chúng ta liền nghĩ tới một cuộc đổ máu giữa người và người, dường như không phù hợp với tình thương Nhân Bản của Hồ Chủ Tịch. Nhưng thực tế là một việc bất đắc dĩ, một cuộc kháng chiến tự vệ, đòi hỏi quân phiệt Nhật và thực dân Pháp phải trả lại quyền tự chủ bất khả nhượng cho dân tộc Việt Nam. Nghĩa là, vì chúng quá gian ngoan, không tự giác, không chịu từ bỏ tham vọng cai trị dân ta, nên Hồ Chủ Tịch cùng toàn dân bắt buộc phải chiến đấu, chiến đấu thành công, không cho phép chúng được tái nô dịch Tổ Quốc ta một lần thứ hai nữa. Như vậy, chúng ta hiểu rõ rằng, Hồ Chủ Tịch có giàu tình thương, sáng suốt và kiên cường trong sự nghiệp cứu nước, thương người, chứ không phải là một thứ nhân ái hèn yếu, bất lực, đành khoanh tay, nhắm mắt để kẻ địch muốn gây tội ác gì cũng được. Đúng như các Phật Tử Việt Nam thường nói: "Từ bi với Phật, chứ không thể từ bi với Ma vương, quỷ sứ. Điều này đã được chứng minh rõ ràng trong câu chuyện tiền thân của Đức Phật(3). Ngài đã phải tùy thời, thích nghi, dùng mọi phương tiện để làm lợi ích cho chúng sinh, và làm sáng tỏ chính pháp, nên Ngài đã quyết định tuốt gươm Đại Hùng, Đại Lực, Đại từ bi, dấn thân giết chết một tên tướng cướp để bảo toàn mạng sống và của cải cho năm trăm người bạn đồng hành, đồng thời làm cho cả bọn cướp kia biết cải tà, quy chính, biết làm ăn lương thiện, biết tôn trọng quyền sống và tài sản của mọi người.

Hơn nữa, chính Jean SAINTENY, một sứ giả của chính quyền thực dân Pháp năm 1946, cũng

phải công nhận đức tính Hiếu Hòa và Nhân Ái của Hồ Chủ Tịch, và đã viết rõ trong cuốn "TRUYỆN VỀ HÒA BÌNH THẤT BẠI" (Histoire d'une paix manquée) như sau:

"Khi mới liên hệ với Hồ Chủ Tịch, tôi cảm thấy rằng, đó là một nhân vật hàng đầu và khổ hạnh, với khuôn mặt đầy thông minh, mưu lược và tế nhị... Một nhân vật hàm chứa một văn hóa sâu rộng, một trí tuệ tuyệt vời, tầm hoạt động phi thường và tính bất vụ lợi tuyệt đối, đã buộc uy tín và dân chúng kính yêu rất nhiều. Tất cả lời nói, việc làm và thái độ của Hồ Chủ Tịch chứng tỏ rằng, Người không muốn dùng giải pháp võ lực. Rõ ràng là, suốt trong giai đoạn này, Người muốn trở thành một Thánh GANDHI của Đông Dương".

Thêm vào đấy, năm 1945, tại Côn Minh, Hồ Chủ Tịch có gặp HELLIWELL, một đại tá Mỹ, cùng các sĩ quan làm việc trong Sở Dịch vụ chiến lược (Office Of strategic Sevice) một nhà báo nổi tiếng BERNARD FALL đã thuật lại ý kiến của một viên chức Mỹ đối với Hồ Chủ Tịch trong cuốn "LE VIỆT MINH" như sau:

"Hồ Chủ Tịch thật là một mẫu người rất hiền dịu. Nếu tôi phải nhớ tới bậc lão thành này, ngồi trên một ngọn đồi trong một khu rừng, thì đó là một đức tính hòa nhã..."

Tuy vậy, vẫn còn một số người, kể cả những người Phật Giáo, có định kiến chật hẹp, và cho rằng Hồ Chủ tịch là một lãnh tụ Cộng sản. Đúng, nhưng đây là cộng sản Việt Nam hóa, không phải là một mớ giáo điều, càng không phải như một văn bản "Sao Y bản Chính (copieconforme)", mà căn bản là tình người, tình yêu nước, tình nhân đạo. Đúng như Thủ Tướng PHẠM VĂN ĐỒNG đã nói:

"Ý chí cách mạng của Hồ Chủ Tịch phát nguồn từ tình cảm, tình cảm dân tộc, tình cảm giai cấp, sự cảm thông với biết bao đau khổ và bất công, với biết bao mơ ước một đời sống tươi sáng. Tình Nhân đạo, tình thương đồng bào, đó là điều sâu sắc nhất và tốt đẹp nhất trong con người của Hồ Chủ Tịch"(4). Phù hợp với ý kiến trên, trong cuốn "DE LENINE A MAO", Bà FISCHER đã viết:

"Điều mà làm cho chúng ta phải lưu ý nơi Người (Hồ Chủ Tịch), dù ở trong Dệ Tam Quốc tế Cộng sản, đó là tình yêu nước nồng nàn của người...".

Điều này đã được nhà văn kiêm ký giả Jean LACOUTURE nhận định như sau:

"Bà ta cho rằng, đối với NGUYỄN ÁI QUỐC, chủ nghĩa MÁC chỉ là một phương pháp, phong trào Cộng Sản Quốc tế là một đòn bẩy, một phương tiện để thực hiện thành công lòng yêu nước căn bản của ông. Bà ta cũng xác nhận sự gia nhập của Ông vào Dệ Tam Quốc Tế, sự trưởng thành của Ông với tổ chức này và học thuyết Cộng Sản"(5).

Trên đây là những nhận định khách quan đối với tình nhân đạo của Hồ Chủ Tịch; và sau đây là những việc làm cụ thể để minh chứng tính nhân đạo ấy. Thí dụ: Sau ngày 19.8.1945, ngày Cách mạng Thành công; và 02.9.1945, ngày Tuyên Ngôn Độc Lập, tại Hà Nội Hồ Chủ Tịch đã đích thân tới thăm Chùa Quán Sứ và gặp Hòa Thượng CỒN, Hòa Thượng TỔ LIÊN; và thăm Chùa BÀ DÁ, gặp Hòa thượng THANH HỶ, Hòa Thượng VÕ THỊNH, nơi đây, chính tôi, người viết bài này, đã vui mừng được thấy, và được nghe Hồ Chủ Tịch mà những lời nói đó tôi vẫn còn ghi nhớ:

"Nhà nước chúng tôi luôn luôn tôn trọng Tự Do Tín Ngưỡng. Phật Giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa Thượng, Tăng Ni và Phật Tử, hãy tích cực thực hiện tinh thần Từ Bi, Vô Ngã, vị tha trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ Đạo, để cùng toàn dân sống trong Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc".

Ngày sinh Hồ Chủ Tịch. 19/5, năm 70 tuổi. Một vị tăng ở Chùa HƯƠNG mới vào thăm quan miền NAM, thành phố Hồ Chí Minh. Có kể lại:

"Trong khi Hòa Thượng THÍCH THANH CHÂN, trụ trì Chùa Hương và Chứng Minh Đạo Sư Hội Phật Giáo Thống Nhất, Việt Nam ra Hà Nội để cùng phái đoàn Phật Giáo vào chúc thọ và mừng Hồ Chủ Tịch, thì ngay 5 giờ sáng hôm đó, chính Hồ Chủ Tịch lại vào thăm Chùa Hương, và Người đã chỉ thị cho chính quyền địa phương, Bến Dục, làng Yên Vĩ, phải sửa lại những con thuyền, làm thêm cầu phao và đắp một đường mới, để du khách và các Tăng Ni, Phật Tử đi lại, chiêm bái, được tự do, an toàn".

Rồi đến chuyện Cựu Hoàng BẢO ĐẠI, Cố Vấn Chính Phủ Lâm Thời năm 1946, và NGUYỄN HẢI THẦN, lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng, là Phó Chủ Tịch Nhà nước bấy giờ. Được biết hai người này có ý định ra nước ngoài chữa bệnh. Hồ Chủ Tịch chẳng những không cho các vị lãnh đạo chính quyền giữ lại, mà còn nói: "Cứ để họ đi thoải mái, vì giữ người ở, chứ không giữ người đi". Kết quả: cả hai người được ra đi tự do và, hiện nay, Cựu Hoàng BẢO ĐẠI vẫn còn sống bên Pháp, Ông NGUYỄN HẢI THẦN đã mất bên Trung Quốc từ lâu.

Tiếp theo, lòng nhân bản của Hồ Chủ Tịch đến cả với các tù binh Pháp và Mỹ, là những người có mưu đồ xâm chiếm nước ta, tàn phá quê hương

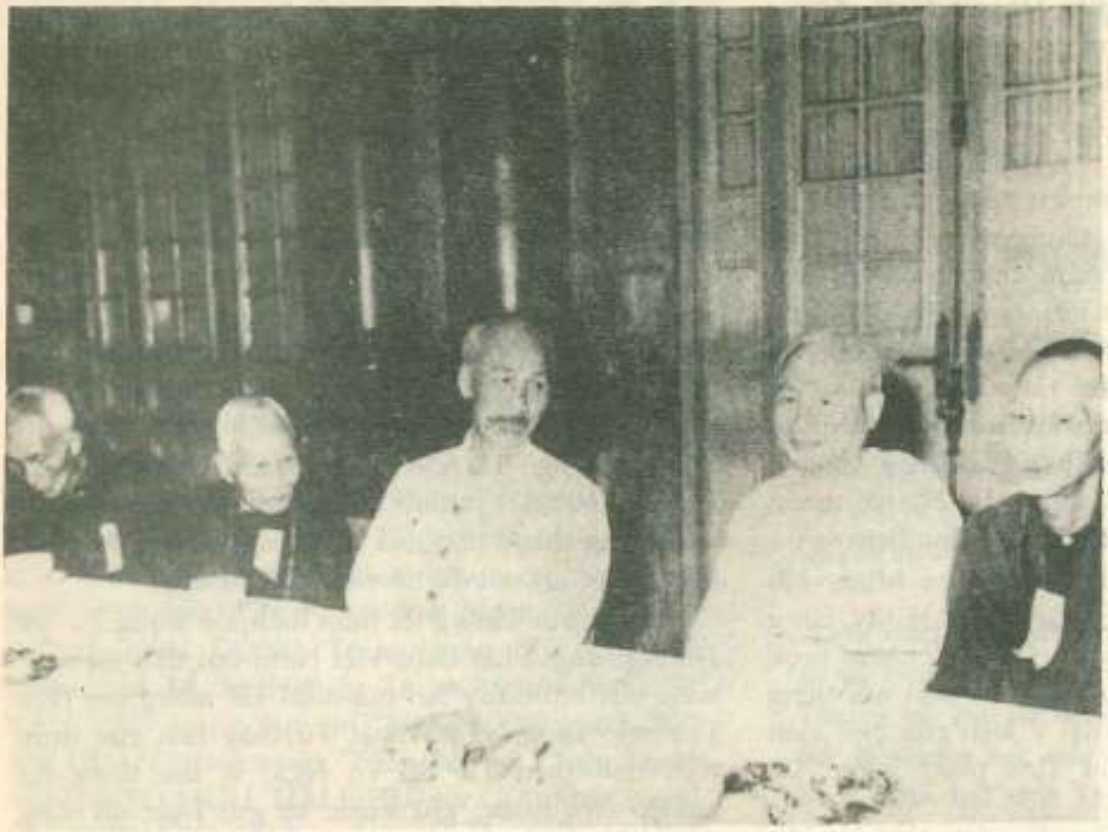

● *Chủ tịch Hồ Chí Minh với các đại biểu Phật giáo tại Phủ Chủ tịch. (18-3-1959)*

ta. Cụ thể là vào tháng 10/1951, chính Hồ Chủ Tịch đã đi thăm trại tù binh tại Thất Khê. Nơi đây, Người đã cởi áo choàng ngoài để cho một tên Đại úy thày thuốc, người Pháp, vì trời quá lạnh. Nghĩa là, trên mình của Người chỉ còn một áo sơ mi mỏng. Sau mấy chục phút thăm hỏi thân tình, tên Đại úy đã ôm lấy Hồ Chủ Tịch và khóc nức nở rất lâu...(6) Và qua phim ảnh đã chiếu khắp nơi, trong và ngoài nước, mà tôi đã được xem. Vào những năm 1969 - 1970, máy bay Mỹ đã oanh tạc miền Bắc Việt Nam, nhưng một số lớn đã bị bắn rơi, và các phi công Mỹ đã bị bắt giữ tại khách sạn Hilton Hà Nội.

Nhân dịp lễ Tạ Ơn của Mỹ (Thanksgiving) vào cuối tháng 11 hàng năm, Hồ Chủ Tịch chỉ thị các vị Cán bộ liên hệ, phải làm món ăn Gà Tây cổ truyền đặc biệt cho tất cả các tù binh Mỹ này ăn đầy đủ và thoải mái.

Xuyên qua những nghĩa cử cao đẹp trên, chúng ta nhận thấy: đức tính nhân bản của Hồ Chủ Tịch đã không phân biệt kẻ oán, người thân, bởi lẽ oán thù không thể chấm dứt bằng oán thù, mà chỉ có thể chấm dứt bằng tình thương. Mối thù mà oan ức truyền kiếp mười đời giữa VIÊN ÁNG và TRIỆU THỐ là lý do chính làm ra Kinh THỦY SÁM, cuối cùng lại được rửa sạch bằng nước Từ Bi, xây trên căn bản Oán Thân Bình Đẳng"(7).

Thật vậy, theo tôi, về quan điểm đạo đức học trong xã hội con người, Hồ Chủ tịch đã làm đúng như những lời Kinh Pháp Cú Thí dụ:

"Là người lãnh đạo thế gian, biết làm việc chân chính, không thiên vị; biết tu dưỡng tâm hồn, thắng vượt mọi điều xấu, đó là vị pháp vương; thấy ai làm đúng, thường giúp đỡ; làm lợi ích cho mọi người bằng nhân ái; có quyền lợi thì chia đều, do đó quần chúng đều kính mến"(8).

Tóm lại, nhân bản của Hồ Chủ Tịch được biểu trưng bằng đôi tay cởi mở, cởi gỡ nỗ lệ và oán thù; bằng trái tim nhân hậu, thương yêu đồng bào và nhân loại; bằng bộ óc trí tuệ sáng ngời, chỉ đường cho mọi người cùng tiến lên đỉnh cao của tự do và hạnh phúc. Nghĩa là, lấy ân trả oán, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, đó là tất cả cuộc đời của Hồ Chủ Tịch mà Phật Giáo đã gặp ở điểm này.

---

(1) - Hồ Chí Minh, Nhật ký Trong Tù, trang 179, Thích Đức Nghiệp dịch.

(2) - Hồ Chí Minh, Thơ, trang 59.

(3) - Đại Tạng Kinh, tập III, kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân quyển 7, Phẩm Thân Cận thứ 9, t.t. 161 - 162.

(4) - Phạm Văn Đồng "Tổ quốc ta, Nhân dân ta, Sự nghiệp ta và Người Nghệ sĩ", Văn học, t.t. 226 - 227.

(5) - Jean LACAOUTURE, Cinq Hommes et La France, pp. 99 - 100.

(6) - Đại ý viết theo cuốn THEO BÁC ĐI CHIẾN DỊCH của AN QUẢNG, tt. 110 - 111.

(7) - Đại Tạng Kinh, tập 45, Từ Bi Thủy Sám, quyển thượng, trang 969.

(8) - Đại Tạng Kinh, tập 4, Kinh Pháp Cú Thí Dụ, quyển 4, trang 507.

ĐẠO PHẬT VIỆT NAM - ĐẠO PHẬT CỤ HỒ

P.T.S NGUYỄN VĂN KHOAN

BÁO Đông Pháp số ra ngày hai mươi tháng tám năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (20/8/1945) có đăng "Lời hiệu triệu của Hội Phật giáo Việt Nam" như sau:

"Ngày rằm tháng 7 ta là ngày lễ quan hệ theo tục lệ nước nhà.

Bản Hội yêu cầu tất cả các chùa và giáo hữu đến 5 giờ chiều hôm ấy đều cùng làm lễ, trước tỏ lòng hiếu nghĩa với tổ tiên sau là cầu siêu cho những người bị tai nạn về chiến tranh, tật dịch và đói rét vừa qua.

Bản Hội lại yêu cầu trong ngày lễ đó toàn thể các giáo hữu nên cầu nguyện cho nền độc lập nước nhà được bền vững và lâu dài.

Buổi lễ cần phải giản dị và có tinh thần, chỉ dùng hương hoa, không vàng mã và tổ chức những cuộc bố thí và phóng sinh.

Việt Nam Phật giáo hội"

Có thể coi "Lời hiệu triệu" này như một "tuyên ngôn" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, sớm nhất (chỉ một ngày, sau khi chính quyền cách mạng giành được ở thủ đô Hà nội) khẳng định "lập trường" mục đích của giáo hữu, phật tử Việt Nam.

Sự nhanh chóng "ý hợp tâm đầu" "đồng sàng đồng mộng giữa đồng bào theo đạo Phật ở Việt Nam với nhân dân, với cách mạng và lòng tôn kính gần như tự nhiên, tức thời đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ của giai cấp, của dân tộc, một người cộng sản quốc tế dù chưa biết nhiều về Người ... không phải bỗng dưng mà có ...

Dù cách thực hiện khác nhau, cái gốc thống nhất "đại đồng" giữa phật tử Việt Nam với những người cách mạng Việt Nam là đem lại bình yên hạnh phúc, ấm no cho chúng sinh, cho nhân dân. Xét về những "tiểu dị" thì giữa họ cũng có nhiều điều không "dị", không khác nhau mấy ... Giáo hữu Việt Nam, theo thuyết Tứ Ân, đề cao bổn phận với cha mẹ, với các sư tăng, với xã hội, với trật tự, trị an "hoặc theo thuyết "Lục Phương" trên có những người đáng kính, bốn phía chung quanh là cha mẹ, vợ chồng, anh chị em, bè bạn, dưới là những người thân thiết" [1]. Với những người hoạt động cách mạng Việt Nam, những điều đó đâu có xa lạ. Trong buổi gặp các em thiếu nhi từ tháng 10 năm 1946, Bác Hồ cũng đã dạy "phải thương yêu giúp đỡ cha mẹ, anh em" [2].

Nếu như đức Phật tổ đã dạy cho dân tại Hòn La, (điều mà Kinh trường A Hàm còn ghi lại) rằng "dân chúng nên tụ họp với nhau để bàn chính sự, trong tình đoàn kết, tôn trọng luật pháp, truyền thống, kính trọng người già, không được áp bức phụ nữ, phải bảo vệ tôn miếu, kính trọng các vị sư" [3] thì những người cách mạng Việt Nam đâu có chủ trương ngược lại, chống đối "quyền dân chủ", hạ thấp đạo đức, lương tri con người" coi thường luật lệ, xem khinh phụ nữ ...

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã tìm ra con đường cứu nước thắng lợi cho nhân dân ta, đồng bào ta cả lương, cả giáo ... một danh nhân văn hóa, tinh hoa đông tây, kim cổ ...: đã phân chia con người ra hai loại: bị bóc lột, và đi bóc lột, thiện và ác, (người ưa sự lành, người hay làm điều dữ)[4]. "ngủ ai cũng có vẻ hiền lành, thức mới phân rõ thiện ác" ... "Thiện ác không phải do bản tính định sẵn ở con người mà phần lớn là do giáo dục mà con người trở thành thiện, ác" dường như không khác gì kinh Phật.

Suốt đời Người vì nhân dân phục vụ, quên mình vì nhân dân, tự hạn chế mình trong ham chuộng vật chất, lo cho dân từng bát cơm, manh áo ... chắc là cũng như Đức Phật Như Lai "dù xây chín bậc phù đồ, sao bằng làm phúc cứu cho một người", suốt đời làm điều thiện không đủ ..." xót cho chúng sinh đau thương trong "trầm luân biển khổ".

Những người đi theo Cụ Hồ đã tìm thấy được bạn cùng đi trên một con đường là phật tử Việt Nam nên đã biết dựa vào sự giúp đỡ, chở che, bảo vệ của các tòa sen, mái chùa, của trái tim và lý trí của giáo hữu đạo Phật ...

Bản thân cụ Hồ cũng đã chẳng từng khoác áo cà sa, xin cơm ăn của Phật đó sao! Và rồi những phật tử Việt Nam từ vị trí những người gián tiếp giúp đỡ cách mạng đã dần dần chuyển sang trực tiếp làm cách mạng vì "chúng sinh quằn quại trong xương máu, Bồ Tát sao yên cõi Nát Bàn?" đã biến những ngôi chùa thành trạm giao thông, căn cứ cách mạng, đã không "một chiều", "tiêu cực" trong luật sát sinh của nhà Phật nên nhiều tăng ni, phật tử đã trút áo nâu sồng không phải để "hoàn tục" mà khoác tấm áo màu xanh của đất nước, quê nhà, trực tiếp đi chiến đấu "giết lũ ác ma, cứu khổ, cứu nạn cho chúng sinh như Đức Phật đại từ bi"[5].

Danh sách những phật tử đi theo cách mạng thật là một bản bi tráng anh hùng ca từ các vị Hòa thương, Đại đức đến tăng ni phật tử, ni cô, từ miền núi đến đồng bằng, từ miền Bắc đến miền Nam, đã đi theo cụ Hồ bằng nhiều hình thức khác nhau, đã tham gia cứu nước, cứu dân, giữ đạo, cứu đời và đã dựng xây nên thành một truyền thống trên đất Việt[6].

Dưới bóng tòa sen nếu có những phật tử Việt Nam nào "miệng nam mô mà bụng bồ dao găm" thì đó là những kẻ đã làm trái lời dạy của Đức Phật cao siêu, của Phật giáo của dân tộc Việt Nam này. Trong hàng ngũ những người cách mạng, những người cộng sản Việt Nam dù vô thức ai không làm theo lời cụ Hồ dạy về đạo đức nói chung, về cách ứng xử đối với Phật giáo Việt Nam, với phật tử Việt Nam nói riêng đấy cũng là những người không đích thực là "người của cụ Hồ".

Như vậy, không biết ở bốn phương trời, mười phương Phật nào có một đạo Phật gắn bó như thế với dân tộc này, với đất nước này, gắn bó giữa lý tưởng của Đức Phật với mong muốn cao nhất của Đảng Cộng sản, của cụ Hồ là: "Tất cả vì hạnh phúc của nhân dân không?

Nếu chỉ có ở Việt Nam thôi, xin các Hòa Thượng, Đại Đức, tăng ni giáo hữu, phật giáo Việt Nam cho phép người viết bài này mạo muội ghép một tính từ vào cụm từ Đạo Phật ở Việt Nam đó là "đạo Phật cụ Hồ" ...

Nam mô a di đà Phật!

---

*(1) (3) **Nội san Quảng Đức**, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Huế 1971, tr. 35, 38.*

*(2) **Báo Cứu quốc** số 385, ngày 24-10-1946.*

(4) Bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bảo tàng khảo cổ loài người tại Paris, 1946.

(5) Trích theo thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Hội Phật tử tháng 8-1949.

*(6) Xin đọc thêm bài **"Những ngôi chùa, trạm giao thông"** trên tạp chí Văn hóa nghệ thuật tháng 8-1989 và bài **"Các nhà sư đi với Đảng"** Báo Nhân dân ngày 2-2-1990 của tác giả ...*

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH SỰ GẦN GŨI VỚI TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO

THÍCH DIỆU NIỆM

Đó là một đề tài hấp dẫn giới Phật tử Nghệ Tĩnh nhân kỉ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Chủ Tịch Hồ Chí Minh, Người mà nhân loại tiến bộ đã suy tôn là danh nhân văn hóa thế giới. Bởi lẽ Người là thần tượng của cộng đồng Việt Nam trong thời đại chúng ta, tiêu biểu cho tư tưởng và tâm hồn của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam, trong đó có giới Phật tử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo dân tộc lật đổ giai cấp địa chủ phong kiến đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước thống nhất.

Không phải không có cơ sở lý luận và thực tiễn để giới Phật tử Việt Nam tìm thấy ở lý tưởng và con đường cách mạng của Bác Hồ, của Đảng cộng sản Việt Nam những điểm cơ bản phù hợp với giáo lí và con đường tu hành của đạo Phật. Và cũng không phải không có cơ sở để Phật tử Việt Nam khẳng định con đường duy nhất đúng là đóng góp vào sự nghiệp Cách mạng vĩ đại do Người lãnh đạo.

Ở cương vị một nhà tu hành, chúng tôi không có tham vọng lí giải đề tài nêu lên một cách hoàn chỉnh mà chỉ xin đóng góp một số suy nghĩ chân thành vào một công trình nghiên cứu lớn về Bác Hồ.

*

* *

1 - Từ cuộc thể nghiệm diệu kỳ của Thái tử Gan- ta-ma đến cuộc thực nghiệm cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

"Ta không muốn sống trong cung vàng điện ngọc, ta không muốn làm vương giả trị vì thiên hạ, hưởng cuộc đời sung sướng, cao sang trên nước mắt, mồ hôi của lê dân. Ta không muốn sống bởi sự ràng buộc tình yêu chật hẹp của vợ con, gia đình. Ta không muốn sống trong xã hội bất công mà ta đã chứng kiến. Ta quyết định ra đi dù phải xông pha trên gió bụi lao lung, ta cố tìm ra mối Đạo giải thoát cho nhân loại muôn loài"...

Cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, Thái tử Gan-Ta ma (Tất Đạt Da) đã từ giã cha, bỏ cung

điện nguy nga - tráng lệ của triều đình Tịnh Phạn ra đi tìm đạo lý. Và dưới gốc Bồ đề hướng về phía núi Già-da, sau 48 ngày liền ngồi tham thiền nhập định, Người đã tìm ra một giả định về con đường cứu khổ chúng sinh. Cuộc thực nghiệm 45 năm trời trên hầu khắp đất nước Ấn Độ đã kết thúc ở rừng Ta-la-song-thọ, khẳng định giáo lí đạo Phật "Từ bi, giải thoát, vô ngã, lợi tha". Với cuộc đời trong sáng hiến dâng hoàn toàn cho một lí tưởng cao đẹp, từ bỏ mọi quyền lợi và cám dỗ vật chất, dốc lòng quyết chí tìm ra một con đường cứu nhân độ thế, hoàng tử con vua nước Tịnh Phạn đã trở thành Phật Thích Ca mầu ni.

Bác Hồ của chúng ta, trong hoàn cảnh một gia đình nho học, tiếp thu phần tư tưởng tích cực của Nho giáo, tiếp thu truyền thống đấu tranh của ông cha và tiếp xúc với đời sống khổ nhục của nhân dân lao động của người dân mất nước, Bác đã sớm nung nấu về một con đường cứu dân cứu nước đạt tới mục đích độc lập, tự do hạnh phúc thật sự. Người đã giã từ quê mẹ mến yêu, từ bỏ con đường "xôi kinh nấu sử" tầm thường dẫn đến cuộc sống giàu sang, phú quí trong cảnh nước mất nhà tan. Từ bến cảng Nhà Rồng, người đã rời đất nước, mang trong đầu sự phủ định đau đớn đối với những chủ trương cách mạng của các bậc chí sĩ đi trước như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... và chắc hẳn ngay từ thuở đó, một giả thuyết về đường lối cách mạng đã được hình thành. Tàu La touche d Urville đã đưa Người tiếp xúc với người lao động năm châu, với phong trào cách mạng đang dâng lên trên thế giới. Và lịch sử đã ghi lại một sự kiện trọng đại: Chủ nghĩa yêu nước đã đưa Nguyễn Ái Quốc đến với Chủ nghĩa Lê-nin. Thời gian mấy chục năm trời bôn ba ở hải ngoại là thời gian tìm tòi học hỏi và khẳng định một giả thuyết về đường lối Cách mạng Việt Nam, Cách mạng tháng Tám thành công và sự nghiệp dựng nước, giữ nước từ đó đến nay trải qua hai giai đoạn:

Cách mạng Dân tộc dân chủ và Cách mạng Xã hội chủ nghĩa là sự thực nghiệm thành công xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do hạnh phúc theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong hoàn cảnh chủ nghĩa Tư bản bước qua giai đoạn cuối cùng và Cách mạng vô sản đã thành công ở nước Nga Xô Viết...

Bác Hồ là người thầy của Cách mạng Việt Nam. Cả cuộc đời của Người đã hiến dâng cho lí tưởng Cách mạng.

Giữa Gan-ta-ma và Hồ Chí Minh, khoảng cách không gian và thời gian rất lớn. Nhưng cả hai người đều là những biểu tượng cao đẹp của đức hy sinh cao và vì lý tưởng. Ở giác ngộ lý tưởng, con đường cứu dân cứu nước của Bác Hồ có những điểm trùng hợp với con đường cứu nhân độ thế của Đức phật. Và ở giác độ đó, Hồ Chí Minh là hiện thân của Đạo Phật.

2 - Đường lối cách mạng của Bác Hồ phù hợp với con đường đấu tranh tích cực của Đạo Phật.

"Cốt tủy cộng với truyền thống yêu nước của tăng ni, phật tử Việt Nam trải qua bao thế hệ thâm nhập dân gian trở thành một nếp sống gắn bó với đất nước, kiên quyết với quân thù luôn yêu thương chúng sinh, ham mê sự làm việc, coi trọng sự lao động như một pháp môn tu thiền, vô cùng giản gị trong cách sống, chấp nhận qui luật vận động phổ biến của nhân sinh và vũ trụ" "Vô thường" trong dòng tiến hóa không ngừng, không bi quan yếm thế, mà lạc quan tích cực, chung thủy tình nghĩa và "có người có ta".

(Bình luận của báo nhân dân số ra ngày 9-11-1981) giáo lí đạo Phật xây dựng trên một cơ sở nhân văn coi trọng con người, coi trọng giá trị đạo đức con người, và tin tưởng ở kết quả của quá trình tu dưỡng. "Tất cả chúng sinh đều có Phật tính". Đó là nội dung chân như. Mục đích vô cùng cao cả là cứu nhân loại ra khỏi những khổ đau trần thế: bệnh tật, già nua, chết chóc, đạt tới chỗ "Từ bi, giải thoát, vô ngã, lợi tha". Từ bi là quí trọng con người không phân biệt sang hèn, rộng lượng đối với động vật.

Giải thoát là không bị ràng buộc với cảnh vật không cho vọng tưởng tham, sân, si quấy phá, luôn luôn giữ tâm hồn thanh thoát, bình thản trước hiện tượng thay đổi. Vô ngã là không cố chấp cái ta nhỏ hẹp, giả hợp này không tư hữu, ích kỷ hại người.

Lợi tha là luôn luôn làm lợi cho mọi người, không chán đời

tiêu cực mê tín dị đoan. Đối với Quốc gia xã hội, Đạo Phật chủ trương đền đáp 4 ơn:

Ơn sư trưởng, ơn cha mẹ, ơn nước nhà, ơn chúng sinh. Vì lẽ đó, việc Đạo cũng như việc Đời của Phật tử gắn bó với Quốc gia xã hội.

Đường lối cách mạng của Bác Hồ nhằm giải phóng Dân tộc, giải phóng giai cấp cần lao, giành Độc lập tự do cho Dân tộc Việt Nam và cho tất cả các dân tộc.

"Nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì độc lập tự do riêng của mình và còn vì độc lập tự do chung của các dân tộc và hòa bình trên thế giới". (Lời phát biểu tại Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa khóa 3 kỳ họp thứ hai).

Ngay từ thời còn hoạt động ở nước ngoài, Người đã thông cảm với những người bị áp bức bóc lột trên trái đất.

Về mặt kinh tế anh em vẫn phải chịu nào thuế thân, nào sưu dịch là hai thứ đóng góp nặng nề nhất, hoàn toàn trái hẳn dân ý; rồi còn phải đóng cả thuế muối; lại bị đầu độc vì rượu...

(Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa) Người chủ trương chăm lo đến đời sống của nhân dân: "Muốn nâng cao đời sống của nhân dân thì trước hết phải giải quyết tốt vấn đề ăn rồi đến vấn đề mặc và các vấn đề khác. Muốn giải quyết vấn đề ăn thì phải làm thế nào có đầy đủ lương thực. Mà lương thực do nông nghiệp sản xuất ra. Vì vậy phát triển nông nghiệp là việc cực kỳ quan trọng" "Lấy dân làm gốc vì Dân và do Dân".

Di chúc của Người mang một nội dung nhân ái bao la như trời biển. Người đã nói nguyện vọng của Người trước khi từ giã cõi trần:

"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng Toàn Dân ta đoàn kết phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Rõ ràng là, trong tâm tư của Người, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam gắn liền với hạnh phúc của nhân loại và con đường đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới.

Đức phật cũng mong muốn hạnh phúc cho toàn thể chúng sinh.

Ở góc độ đó, Hồ Chí Minh là hiện thân của Đạo Phật.

3) Con đường tu dưỡng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra trùng hợp với con đường tu hành của Phật giáo.

Khi vua Trần Thánh Tông tỏ ý định rời bỏ ngôi báu lên núi tìm Phật, thiền sư Viên Chiếu đã dùng lời khuyên chí lí:

"Trong núi không có Phật, Phật ở trong lòng ta về sống với nhân dân làm tròn nhiệm vụ của mình thì đó là Phật.

Phật tại tâm, đó là cơ sở Đạo lý của Phật giáo.

Đạo Phật không chủ trương mê tín dị đoan, không dùng thần thánh ma quỉ đe dọa người đời để họ vì sợ trừng phạt ở trần gian hay ở âm ti địa ngục mà làm điều lành. Đạo Phật chủ trương biết và làm. Giác ngộ và thực hành viên mãn, tức là thành Phật.

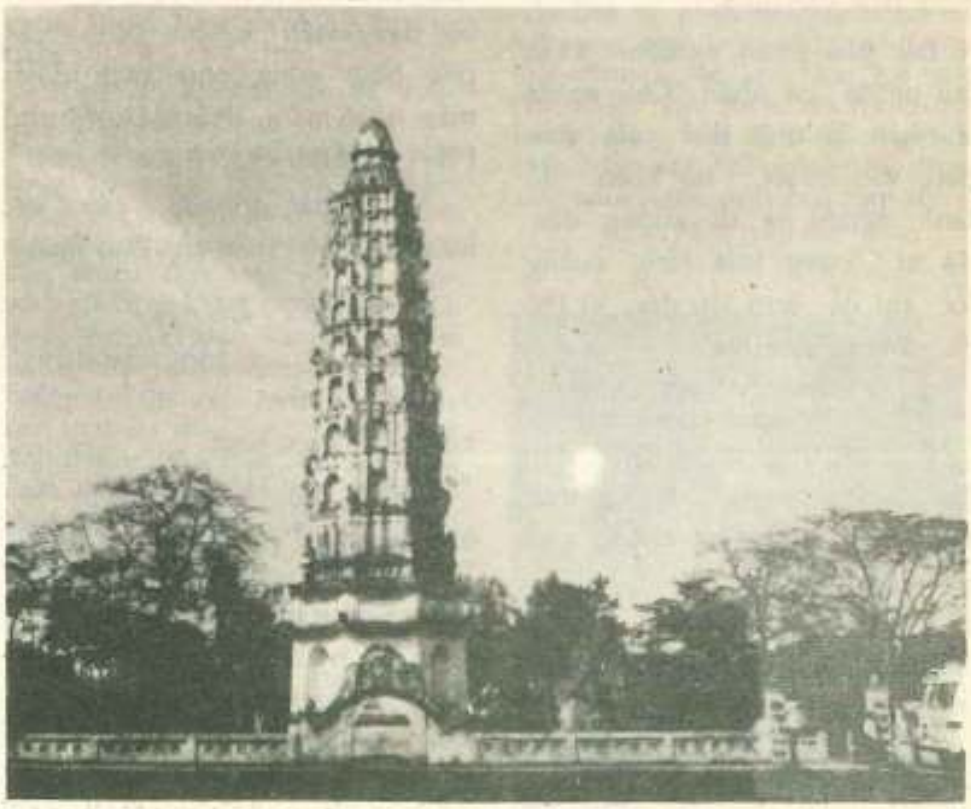

● *Cây cửu phẩm Chùa Cổ Lễ (Hà Nam Ninh)*

Con đường tu hành nhằm mục đích cao cả "bỏ tất cả điều ác, làm tất cả điều hành! Giữ tâm ý cho trong sạch".

Phật còn dạy: "Trước khi tin một điều gì, phải quy xét kỹ càng rồi mới tin".

"Thiên đường hay địa ngục, phúc hay tội tự mình làm mình phải chịu lấy, chứ thần Phật không ban phước hay làm tội mình được".

Trước khi hoàn thành sự nghiệp "Thị thiên giáo hóa chúng sinh" Phật còn nhắc nhở điều cuối cùng. Hãy tự mình thắp đuốc mà đi".

Đạo đức cách mạng theo Bác Hồ, tóm tắt trong mấy chữ: Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Người nhắc nhở cán bộ: "Vì hạnh phúc của dân tộc, vì lợi ích của nước nhà mà tôi phải nói": Chúng ta phải ghi sâu những chữ "Công bình, chính trực vào lòng".

Bác phê phán nghiêm khắc chủ nghĩa cá nhân "Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc. Mà ai cũng biết rằng xuống dốc thì dễ hơn lên dốc. Vì thế mà càng nguy hiểm".

(Đạo đức cách mạng bài viết năm 1958).

Con đường tu dưỡng đạo đức cách mạng mang tính chiến đấu quyết liệt chống chủ nghĩa cá nhân:

"Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó".

Với đồng chí, với cán bộ Người răn dạy: "Lợi ích cá nhân gắn liền với lợi ích tập thể. Nếu lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể thì đạo đức cách mạng đòi hỏi lợi ích riêng của cá nhân phải phục tùng lợi ích chung của tập thể".

(Tài liệu đã dẫn).

Con đường tu dưỡng có Bác Hồ theo phương pháp tự phê bình và phê bình là chính.

Bởi vì: "Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong".

Phương pháp tu dưỡng tự phê bình và phê bình là một phương pháp khoa học, lấy tự ngã chỉ trích làm cơ sở.

Giữa cuộc sống đầy rẫy bất công, bất bình và oan trái trên trái đất, việc tự ngã chỉ trích giúp con người lấy đạo đức soi vào lòng mình, tự tìm ra sai lầm khuyết điểm để tu tỉnh Bác Hồ luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên tự phê bình và phê bình cũng như cách đây mấy ngàn năm, Phật dạy đệ tử: Hãy tự mình chấp đuốc mà đi.

Và ở giác độ đó, Hồ Chí Minh mà hiện thân của Đạo Phật.

KẾT LUẬN

Chúng tôi cố gắng xây dựng 3 luận cứ trên đây để đi đến kết luận khoa học:

Tư tưởng Hồ Chí Minh rất gần gũi với tư tưởng Phật giáo. Trong kháng chiến Bác Hồ đã khẳng định: Đồng bào ta đại đoàn kết hy sinh của cải, xương máu, kháng chiến đến cùng để đánh tan thực dân phản động để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta đã làm theo lòng Đại từ Đại bi của Đức Phật Thích ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi cái khổ ải nô lệ.

Lịch sử đấu tranh quang vinh của Dân tộc ta dưới các triều đại phong kiến với Lý Thường Kiệt, Trần Bình Trọng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung và qua cuộc kháng chiến trường kỳ cũng như công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ngày nay đã chứng minh sự đóng góp tích cực của Đạo Phật vào sự nghiệp dựng nước, giữ nước. Bác Hồ đã khẳng định: "Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ, cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi nạn, người phải hy sinh tranh đấu diệt lũ ác ma".

(Thư gửi Hội phật tử Việt Nam 1947)

Bác đã nói rõ sự gắn bó lâu dài vững chắc giữa đạo phật và sự nghiệp chung của dân tộc "Nước có độc lập thì đạo phật mới dễ mở mang". Ngày nay trong sự nghiệp đổi mới để xây dựng nước Việt Nam XHCN Hùng Mạnh, lương giáo vẫn kề vai sát cánh. Đạo Phật gắn bó với sự nghiệp đổi mới. Đất nước có đổi mới thì đạo Phật mới dễ mở mang.

Toàn thể phật tử, tăng ni ủng hộ và tham gia sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng toàn Dân làm theo lời Bác dạy, phù hợp với lòng Phật, lòng người.

Trước kia, hiện nay và mãi sau này, chúng ta vẫn đi theo đường lối duy nhất đúng: Yêu nước, thờ Phật.

Bởi lẽ Đạo Phật là đạo cứu nhân độ thế và Hồ Chí Minh là hiện thân của Đạo Phật.

Vinh, ngày 20-3-1990.

Vài nét về :

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI ĐẠO PHẬT VIỆT NAM.

CHỦ Tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân trong đó có giới Phật giáo và các tăng ni phật tử trước hết hãy bắt đầu từ cách mạng tháng tám.

Giành chính quyền được hai tháng, ngày 20 tháng 11 năm 1945 Bác Hồ ký sắc lệnh số 65 về vấn đề bảo tồn các di tích lịch sử điều 4 sắc lệnh viết :

"Cấm phá hủy những đền, chùa miếu hoặc những nơi thờ tự khác, cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn.

Cấm phá hủy những bia kỷ, đồ vật chiếu sắc văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, *Nhưng có ích cho lịch sử nhân loại phải được bảo tồn*."

Sắc lệnh này biểu hiện sự quan tâm sâu sắc đến di sản văn hóa dân tộc, mặt khác nói lên sự tôn trọng phong tục tập quán tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân trong đó có phật giáo.

Kể từ sau cách mạng tháng tám dưới sự chỉ đạo của Bác, các khóa quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp bao giờ cũng có đại biểu của Phật giáo và ý kiến của đại biểu phật giáo luôn luôn được Bác quan tâm. Điều đó cũng dễ hiểu bởi phật giáo Việt Nam là một tôn giáo tượng trưng cho tư bi yêu nước yêu hòa bình. Trong thời kỳ cách mạng cũng như trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ nhiều tăng ni đã tham gia trực tiếp hoặc ủng hộ tích cực, nhiều nhà chùa trở thành cơ sở cách mạng và kháng chiến tin cậy của Đảng và Chính phủ. Ở Hải Hưng Chùa Văn, Chùa Thừa (Mỹ văn)... là những cơ sở của sứ Ủy bắc kỳ thời kỳ tiền khởi nghĩa. Nhiều chùa đã giành những tài sản quí báu cho cách mạng cho sự giải phóng dân tộc, tăng ni là những người chấp hành tốt nghĩa vụ công dân đối với nhà nước vai trò lịch sử của phật giáo Việt Nam chính là những mặt tích cực đó.

Với tinh thần nhân văn độc đáo Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp Bác từng nói : "Giết hại cụ già trẻ em, phá hoại đình chùa là tội ác tầy trời của giặc. Và mặc dù phải giải quyết trăm công ngàn việc của chức vụ chủ tịch nước, Bác vẫn giành thì giờ đến thăm di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh cổ tích chùa chiền, thăm hỏi các tăng ni. Bác hiểu biết sâu sắc đạo phật và luôn luôn nhắc nhở mọi người phải chấp hành nghiêm chỉnh chính sách tôn giáo. Trong mười hai điều răn quân đội năm 1948, điều thứ 5 Bác nói :

"Không nên súc phạm tín ngưỡng phong tục của dân (như nằm trước bàn thờ, gio chân lên bếp đánh đàn trong nhà...)

Nhân ngày sinh nhật 19-5-1958 Bác đến thăm Hương tích đầu tiên Bác đến thăm chùa Thiên trù chăm chú đọc thơ chữ hán trong chùa, tiếp đó Bác thăm chùa Châu long rồi động Hương tích.

Ngày 15-2-1965 Bác về thăm hợp tác xã Hồng Thái (Ninh giang) là cờ đầu của phong trào thủy lợi miền Bắc, về xã Nam chính (Nam sách) xã có phong trào vệ sinh khá nhất suốt từ sáng đến chiều làm việc vất vả. Bác vẫn giành thì giờ đến thăm Côn Sơn. Tới đây Bác đã đọc văn bia trùng di tích thăm chùa, lên thạch bàn và nói chuyện với các nhà sư trụ trì thời đó, đây là một đoạn đối thoại giữa Bác với nhà sư Quá Hải trụ trì chùa Côn sơn thời đó mà anh Nguyễn Hữu Phách phóng viên báo Hải dương lúc đó ghi được qua lời kể của đồng chí Nguyễn Hoài Bắc chủ tịch tỉnh Hải dương.

Trên đường lên Thạch bàn Bác dừng chân chờ nhà sư, Bác hỏi nhà sư. "Nhà sư tên gì ? có tên họ phật, họ Thích gì không?

- Bẩm tên tự là Quá Hải không có Thích ạ! - nhà sư bao nhiêu tuổi ?

- Bẩm 59 tuổi! Bác ôn tồn cứ gọi là 60 tròn đi nhờ ơn trời Phật Tổ nhà sư thọ 20 -30 năm nữa nếu mỗi năm nhà sư trồng 50 cây, thì sau này nhà chùa có một rừng cây rất đẹp, đời sau nhân dân sẽ nói Đó là rừng cây của nhà sư Quá Hải đời trước. Liệu có làm được không ?

- Dạ bẩm Bác làm được ạ!.

Bác khuyên :

Cố làm! mỗi năm làm một ít, mình làm, lại động viên mọi người cùng làm. Bây giờ trồng thì khó khăn về cây giống phải nhờ đồng bào địa phương giúp đỡ.

Nhà sư rất cảm động về những lời dạy bảo và khích lệ của Bác.

Chỉ một đoạn ngắn như trên đã thấy Bác quan tâm đến tăng ni như thế nào và tìm mọi việc làm hữu ích trong hoàn cảnh cụ thể cho nhà sư Quá Hải ở Côn sơn.

Điều Bác mong muốn ở nhà sư Quá Hải hôm ấy đã trở thành sự thực, trước chùa Côn sơn nay đã có một rừng cây, rừng vải thiều Thanh hà sum suê bóng mát. Mỗi năm khi mùa xuân đến lại bát ngát rừng hoa như nhắc nhở đến ngày Bác về thăm.

Trên đây chỉ là những chi tiết biểu hiện tư tưởng và tình cảm của Bác về phật giáo. Qua đó tôi hy vọng góp một phần nhỏ vào một chuyên đề lớn *Bác Hồ Với Phật Giáo Việt Nam*. Mà do Trung ương giáo hội chủ trương hội thảo hôm nay nhân ngày kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người.

T.H. Phật giáo Hải Hưng.

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

PTS HOÀNG THỊ NỮ
(Bảo tàng Hồ Chí Minh)

CHỦ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ thiên tài, người cha rất kính yêu của dân tộc Việt Nam; Người là hiện thân của sự đoàn kết thống nhất, là tấm gương sáng về đạo đức cách mạng cao cả. Chủ tịch Hồ Chí Minh dành tất cả tình cảm, tình thương cho đồng bào, đồng chí, người quan tâm đến tất cả các ngành, các tôn giáo... Đối với phật giáo, Bác Hồ có một tình cảm đặc biệt. Có thể nói Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là một phật tử song tất cả những suy nghĩ, việc làm, đạo đức tác phong của Người rất gần với giáo lý của đạo Phật. Về mặt giáo dục: Những tư tưởng vô ngã vị tha, từ bi hỉ xả của Đức Phật, những giới răn của Phật thực sự là những bài học đạo đức, luân lý sâu xa cho người đời, những đạo đức luân lý ấy rất gần với đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có.

Tình cảm của Bác Hồ đối với các tăng ni, phật tử là tình cảm của người cha đối với các con: rất thương yêu, rất gần gũi, trìu mến và thân thương.

Tình cảm của Bác Hồ đối với Phật giáo là thể hiện quan điểm của Bác trong chính sách tôn giáo đối với đạo Phật.

Việc nghiên cứu "tình cảm của Bác Hồ đối với Phật giáo" nói rộng hơn là nghiên cứu quan điểm, tư tưởng của Bác trong chính sách tôn giáo đối với đạo Phật là một quá trình lâu dài, là một công việc khó. Ở đây, trong khuôn khổ bài viết này chỉ giới hạn bước đầu tìm hiểu "Bác Hồ với Đạo Phật" thông qua một số tư liệu còn lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh. Quan điểm, tư tưởng của Bác Hồ đối với Đạo Phật theo tôi được thể hiện trên các vấn đề sau:

1) Bác Hồ là người đã giải phóng trọn vẹn cho các phật tử, tín đồ phật giáo khỏi ách áp bức thống trị của đế quốc và phong kiến.

2) Bác Hồ là người Việt Nam đầu tiên đã đánh giá đúng vai trò của Phật giáo trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Điều đó thể hiện rõ nhận thức, quan điểm của Bác trong chính sách tôn giáo đối với đạo Phật, bảo đảm tự do, tín ngưỡng cho các phật tử.

3) Bác Hồ đối với Phật giáo trong từng giai đoạn cách mạng.

Chúng ta đều biết, dưới chế độ thực dân phong kiến cuộc sống của người Việt Nam nói chung trong đó có các tín đồ phật giáo phải chịu bao cay đắng. Dưới chế độ thực dân phong kiến những tín đồ phật tử Việt Nam đã vùi dập, đè nén, chịu bao cảnh đói rét, đốt nát, tối tăm; Giới phật giáo bị chèn ép, khinh miệt trong xã hội cũ, tín đồ phật giáo không được hưởng các quyền tự do tín ngưỡng. Trong xã hội miền Nam dưới thời Mỹ Ngụy, phật giáo là một nạn nhân của chính sách chia rẽ dân tộc, phật giáo phải chịu những cuộc khủng bố tàn khốc nhất: lễ phật bị cấm, cờ phật bị xé, đạo phật bị xỉ báng, chùa chiền bị phá, tăng ni bị tra tấn tù đày, nhiều người bị tàn phế ... Bác Hồ đã nhìn thấy tất cả những đau khổ ấy của phật giáo.

Trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống Mỹ cứu nước, chính Bác Hồ với đường lối cách mạng đúng đắn và sáng suốt của mình, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam chiến thắng thực dân Pháp, đưa lại nền độc lập cho dân tộc, đem lại hạnh phúc cho nhân dân trong đó có các tăng ni, phật tử. Với thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã chấm dứt chế độ nô lệ, các tôn giáo được giải phóng, tự do tín ngưỡng thực sự được thực hiện. Đúng như Bác nói: "Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang".[1]

Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá đúng vai trò và vị trí của phật giáo trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc và có quan điểm đúng đắn trong chính sách tôn giáo đối với đạo phật, đưa lại quyền tự do tín ngưỡng cho các phật tử. Trong bản Tuyên ngôn độc lập đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945, Hồ Chủ Tịch tuyên bố "Tất

cả mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc", chính Hồ Chủ Tịch là người đã đem lại quyền tự do ấy cho mọi người dân Việt Nam.

Chỉ một ngày sau khi tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có chương trình kế hoạch tiếp các đoàn thể, trong đó có Phật giáo. "Từ năm nay, tôi rất vui lòng tiếp chuyện các đoàn thể như ... công giáo, Hồi giáo, Công chức, Phật giáo ... Xin chú ý gửi thư nói trước để tôi sắp xếp thì giờ rồi trả lời bà con, như vậy thì khỏi phải chờ đợi mất công" [2]. Cũng trong ngày mồng 3 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời (phiên họp do Bác chủ trì), Hồ Chủ Tịch đã nêu những việc cấp bách chính phủ phải làm, trong đó nhiệm vụ thứ sáu là "tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết", và ngay sau đó Bác đã tiếp chuyện các đoàn thể, trong đó có phật giáo. Quan điểm đối với Phật giáo của Bác được thể hiện rõ trong sắc lệnh số 234 ngày 16/2/1955 ban hành chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ. Những năm tiếp theo, dưới sự lãnh đạo của Đảng của Bác chính sách tôn giáo đối với đạo Phật được chú ý đặc biệt. Ngày 16/5/1966, Ban Bí thư TW Đảng đã ra thông tư số 180TT/TW về việc chấp hành chính sách tôn giáo đối với đạo Phật. Ngày 24/10/1966 Thủ tướng chính phủ ra chỉ thị số 188 TTG/VG về việc bảo vệ và phát huy tác dụng di tích. Ngày 26/4/1973 Phủ Thủ tướng ra chỉ thị số 88 TTG về việc chấp hành chính sách đối với việc bảo vệ các chùa thờ Phật và đối với tăng ni, phật tử ... Tư tưởng bảo vệ đạo Phật của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện rõ trong việc ký lệnh công bố tám điều mệnh lệnh của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 9/9/1953, trong đó nhiệm vụ thứ 4 Hồ Chủ Tịch viết: "Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hóa khác".

Các văn bản ban hành đối với đạo Phật thể hiện rõ quan điểm đúng đắn của Đảng, của Bác Hồ đối với Phật giáo. Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy và đánh giá đúng vai trò của Phật giáo trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày 30/8/1947 Chủ tịch HCM viết: "Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào phật giáo đã làm được nhiều, tôi cảm ơn đồng bào và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi cho đến ngày trường kỳ kháng chiến thắng lợi, thống nhất và độc lập thành công"[3]. Chủ

• *Phòng trưng bày một số hình ảnh và Hồ Chủ tịch với Phật giáo.*

tịch Hồ Chí Minh cũng đánh giá cao vai trò của các tăng ni, phật tử: "Các vị tăng ni và tín đồ phật giáo trước đây đã có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giầu mạnh và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà"[4]

Việc đánh giá đúng vai trò của phật giáo trong sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc còn thể hiện qua việc Chủ tịch HCM đưa các thành phần phật giáo vào tham gia Mặt trận Liên Việt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và nhiều người đã tham gia vào các khóa của quốc hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh có sự quan tâm đặc biệt với Phật giáo, theo dõi sự phát triển và lớn lên của phong trào Hội. Trong quảng thời gian từ năm 1945 đến năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cho các tăng ni, phật tử nhân dịp các ngày lễ phật giáo, và cũng rất nhiều lần Người đi thăm các chùa thờ Phật, trực tiếp đi thăm nơi ăn, chốn ở của các tăng ni, phật tử. Theo thống kê bước đầu, hiện nay chúng ta còn lưu giữ được hàng chục loại tài liệu của Bác Hồ đối với đạo Phật, trong đó có tài liệu còn để lại bút tích của Bác. Trong bức thư gửi các tăng ni, phật tử nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, tôi thân ái gửi đến các vị tăng ni và đồng bào tín đồ lời chào đại hòa hợp[5].

Cùng trong quảng thời gian từ 1924 đến 1969, tuy bận trăm công ngàn việc nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn giành thời gian cho phật giáo. Người đã trực tiếp đi thăm 14 chùa, trong đó có những chùa Người đến thăm nhiều lần như chùa Quán Sứ, chùa Một cột và chùa Bà Đá. Đến thăm các chùa, từ chùa ở trong nước cho đến chùa ở nước ngoài, bao giờ chủ tịch Hồ Chí Minh cũng hỏi thăm tình hình sức khỏe cuộc sống của các tăng ni, phật tử, sư cụ, ni cô ..., động viên họ thực hiện tốt nhiệm vụ của những phật tử "kính phật, yêu nước, phụng sự Tổ quốc".

Cũng theo thống kê bước đầu của chúng tôi, từ năm 1945 đến 1969 đặc biệt là từ năm 1954 đến 1969 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất nhiều lần tiếp các đại biểu là Phật giáo: Đó là các đoàn đại biểu Phật giáo yêu nước, các đại biểu dự đại hội Phật giáo toàn quốc và các đại biểu Phật giáo miền Nam. Trong các lần tiếp, một điều rất kỳ lạ là tuy không phải là một phật tử song Chủ tịch Hồ Chí

Minh rất am hiểu những công việc, phong tục của đạo Phật, rất chủ động trong việc thăm hỏi, làm cho các đại biểu Phật giáo đến tiếp kiến đều thấy Người rất gần gũi, quen thân như những người trong giới Phật.

Bước đầu thống kê một số tư liệu, hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo giúp chúng ta hiểu thêm được tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phật giáo. Công ơn của Bác đối với dân tộc Việt Nam nói chung và đạo Phật nói riêng thật như trời như biển. Nhờ công ơn của Bác mà trong nửa thế kỷ qua Phật giáo Việt Nam đã thực sự làm chủ đất nước, được hưởng mọi quyền tự do dân chủ, tự do phụng đạo yêu nước, được đối sử bình đẳng và có điều kiện tốt để thực hiện chân lý "vô ngã vị tha" và tinh thần "đại hòa hợp, đại tinh tiến" của đạo mình.

Tháng 5-1991

---

(1) Thư Bác Hồ gửi Hội phật tử Việt Nam ngày 30/8/1947 (ngày 15/7 âm lịch)

(2) Hồ Chí Minh toàn tập - tập 4 - NXB Sự Thật Hà Nội 1984, tr3

(3) Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày 30/8/1947. Hồ Chí Minh toàn tập - tập 4, tr.408 - Sách đã dẫn.

(4) Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam ngày 30/8/1947. Hồ Chí Minh toàn tập - tập 4, tr.408 - Sách đã dẫn.

(5) Hồ Chí Minh toàn tập - tập 7 - NXB Sự Thật Hà Nội 1987, tr560

CẢM NGHĨ VỀ CHUYẾN VIẾNG LĂNG HỒ CHỦ TỊCH

Hòa thượng THÍCH THANH KIỂM

(Lời phát biểu kỷ-niệm 100 năm ngày sinh của Hồ Chủ-Tịch do Ban Văn Hóa Hội-đồng trị-sự Trung-ương Giáo-hội và Thành hội PG TPHCM tổ-chức tại Chùa Xá- lợi ngày 16/5/1990).

*

* *

NGÀY 7 tháng 11 năm 1981, tôi được vào viếng lăng Hồ Chủ-Tịch cùng với đoàn đại-biểu Hội-nghị đại-biểu thống-nhất Phật-Giáo cả nước, họp tại chùa Quán-sứ, thủ-đô Hà-nội. Lăng Hồ Chủ-Tịch được xây cất quy mô hiện đại; oai nghiêm hùng- tráng nổi bật trên nền thảm cỏ, giữa vườn hoa Ba- đình lịch-sử. Một buổi sáng thời tiết bước sang đông, trời hơi lạnh, đoàn đại-biểu hàng ngũ chỉnh tề, lần lượt tiến vào trong lăng, viếng ngọc-thể của Hồ Chủ -Tịch. Bốn bức tường trong lăng được dát toàn đá cẩm-thạch. Nơi giữa lăng, ngọc thể của Người được an-trí trên linh-sàng cao quí, và thi thể của Người vẫn hồn-nhiên y hệt như xưa, Người vẫn thiu thiu trong giấc ngủ, bầu không khí lúc ấy thật trang nghiêm u-tịch, khiến ai nấy đều bùi ngùi xúc động. Thoang thoảng bên tai của mọi người hình như vẫn được nghe những tiếng vang dội ấm cúng của Người, trong lời tuyên-ngôn độc-lập ngày 2 tháng 9 năm 1945: "Tất cả các dân tộc trên thế-giới đều sinh ra bình đẳng, dân-tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự-do...".

Chung quanh lăng được trồng đủ loại các cây cảnh quí từ khắp nơi trong nước gởi về, cây xanh lá mượt, bông trái xum xuê, hương thơm ngào ngạt, bao trùm trong bầu không khí trong lành. Rời lăng Hồ Chủ-Tịch, đoàn đại-biểu lại đến thăm khu di-tích lịch-sử. Khu di-tích có nhà sàn nơi Hồ Chủ-Tịch làm việc và nghỉ ngơi, có cây cao bóng mát, có đủ loại cỏ hoa, có ao cá Bác-Hồ, có chim kêu én lượn, phong cảnh rất tĩch mịch thanh-bình, chẳng khác chi nơi nhân-gian cực-lạc.

Đoàn người vào viếng lăng Hồ Chủ-Tịch và khu di- tích lịch-sử cứ lần lượt tiến vào rồi trở ra nối tiếp nhau trùng-trùng điệp điệp. Như thế đủ biết công đức to lớn của Người đối với dân-tộc Việt-nam, đối với cách-mạng thế giới thật không bút nào tả xiết.

Ngày 3 tháng 9 năm 1969, ngày Hồ Chủ-Tịch từ trần, ngày gắn liền với ngày 19 tháng 5 năm 1890, ngày ra đời của vị anh hùng tài ba lỗi lạc ấy. Từ nhỏ tới lớn cho đến lúc lão thành, trong suốt cuộc đời của Hồ Chủ-Tịch, Người chỉ biết hiến dâng cho cách-mạng, cho Tổ-quốc, cho độc-lập tự do, cho hòa-bình thế-giới. Người đã phải trải qua bao gian-khổ, nếm đủ đắng cay, vượt mọi trùng dương để đi tìm chân-lý làm nền tảng cho con đường cách mạng. Cuối cùng Người đã tìm được chân lý, đem ứng dụng chân lý ấy vào cách mạng và đã xây dựng thành công cho Tổ-quốc Xã-hội Chủ-nghĩa Việt- nam. Cuộc đời hoạt động của Hồ Chủ-Tịch là như thế, sự từ trần của Người là như thế. Cuộc sống của Hồ Chủ-Tịch là cuộc sống biểu hiện cho *đại cơ đại dụng* và cái chết của Người cũng biểu hiện cho *đại cơ đại dụng*, nên sự sống và cái chết của Người đều nhất như gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau. Cái chết của Người là cái chết bất diệt, cái chết "vẫn sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta".

Theo quan niệm thông thường của người đời thì rõ ràng có sống phải có chết, nhưng cái chết của những bậc đã giác-ngộ, thì cái chết đó chẳng có gì là đi, và sự sống cũng chẳng có gì là đến. Đó chính là nghĩa bất sinh bất diệt và vô khứ vô lai.

Cuộc đời vĩ đại của Hồ Chủ-Tịch, trên phương diện thực tiễn có thể đã giải đáp được một phần lớn về vấn đề trọng đại cho thế giới nhân-sinh-quan với những câu hỏi: Sống để làm gì? Chết rồi đi về đâu? Mà, những câu hỏi này từ trước tới nay đã biết bao nhà tôn-giáo, triết-gia, bác học tốn bao công sức để nghiên cứu tìm hiểu.

Trong kinh Pháp-hoa có câu: "Chư pháp tòng bải lai, thường tự tịch diệt tướng", nghĩa là chân tướng của muôn pháp từ trước tới nay, vốn đĩ vẫn thường trụ vắng lặng. Đó cũng có nghĩa là, sự sống chết của vạn pháp dù có thay đổi về hình tướng, phần phân biệt mê vọng, còn phần thực chất, tức tướng chân thật của vạn pháp thì vẫn u-tịch vắng lặng. Vắng lặng như vần điệu hữu. Vì thế nên có câu: "Xuân đáo bách hoa khai, hoàng oanh đề thụ thượng", nghĩa là mùa xuân tới thì trăm hoa đua nở, chim hoàng oanh vẫn hót vang trên cành cây khắp mọi đó đây.

TÌNH CẢM CỦA PHẬT TỬ THẾ GIỚI VỚI BÁC HỒ

NGUYỄN THU HƯỜNG

ĐẠO Phật đã du nhập vào Việt nam rất sớm. Tư tưởng của Đạo Phật đã ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn hóa, giáo dục, phong tục, tập quán của nhân dân ta. Mục đích của Đức Giáo chủ Thích Ca Mâu Ni và 48 điều đại nguyện của Phật A - Di - Đà là mưu cầu cho người đời no ấm, hạnh phúc, an lạc. Tăng ni, phật tử phải tu luyện tinh tiến theo bát chính đạo để đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta là người biết kết hợp nhuần nhuyễn tinh hoa của truyền thống văn hóa dân tộc, với tinh hoa của thời đại. Người đã tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của giáo lý đạo Phật. Kết hợp với nguyên lý của tư tưởng Mác - Lê nin tạo nên một mẫu hình con người mới Việt Nam vừa mang cốt cách nho nhã Á đông của cha ông vừa có phong thái của thời đại mới. Năm 1949 khi viết về đạo đức của người cách mạng Bác Hồ đã lấy 4 điểm : Cần, kiệm, liêm, chính làm gốc. Người viết : "Trời có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông; đất có bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Con người phải có bốn đức tính cần, kiệm, liêm, chính. Trời thiếu một mùa không thành trời; đất thiếu một phương không thành đất; người thiếu một đức tính thì không thành người".[1] Nghiên cứu "cần, kiệm, liêm, chính, Bác Hồ dạy chúng ta thấy gần gũi với bát chính đạo mà đạo Phật dạy Phật tử. Bát chính đạp gồm có : chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mệnh, chính tiến, chính niệm, chính định. Làm theo Bát chính đạo có nghĩa là : phải biết suy nghĩ cho đúng đâu thiện, đâu ác; lời nói phải chân thật, đúng đắn; nghề nghiệp chân chính, không tham lam, siêng năng và phải biết rèn luyện tu dưỡng để vươn tới đỉnh cao. Đạo đức mà Bác Hồ dạy người cán bộ : cần kiệm liêm chính được xây dựng và phát triển trên cơ sở tư tưởng tiến bộ của đạo Phật kết hợp với đạo đức truyền thống của dân tộc và nhân sinh quan của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người trong suốt thế kỷ qua là tấm gương sáng về đạo đức, tình thương, lòng nhân ái cho nhân dân ta học tập. Người là ngọn cờ tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân, Người cũng là những người bạn của mỗi người dân. Chính vì lẽ đó mà Bác Hồ của chúng ta được giới phật tử gần xa yêu mến, kính trọng.

Trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi xin phép được nhắc lại một trong số những kỷ niệm gắn bó giữa phật tử thế giới với Bác Hồ.

Phật tử thế giới đã biết và gắn bó với Bác Hồ rất sớm từ khi Người còn hoạt động với tên gọi thân mật Nguyễn Ái Quốc. Những tháng năm người hoạt động tại Thái Lan, nhà chùa ở đây đã trở thành nơi cung cấp thức ăn, trở thành cơ sở hoạt động của Bác.

Cuối tháng 6-1928, sau khóa họp Hội đồng liên đoàn chống đế quốc tại Brúc-xen, Bác Hồ đi Pháp, về Đức sau đó qua Thụy sĩ và Italia. Từ đó Người đã đáp tầu Nhật Bản về Thái Lan. Người hoạt động tại vùng U đôn - trung tâm của Việt kiều ta tại Thái. Sư sãi ở Thái lan nhiều, nhân dân ở đây rất quý trọng các nhà sư. Hàng ngày nhân dân nấu cơm mang cho sư ăn. Sư ăn xong, những khách qua đường có thể ăn những thức ăn đó. Nhờ vậy, Bác Hồ và các đồng chí của Bác nhiều khi không phải nấu cơm, trên đường hoạt động ăn luôn cơm nhà chùa. Đặc biệt có một lần bị mật thám theo riết Bác đã

tạm lánh vào một ngôi chùa. Người đã cắt tóc đi tu để tiếp tục hoạt động. Nhưng sau đó ít lâu do tình hình có nhiều phức tạp Quốc dân Đảng chuẩn bị bạo động, các nhóm Cộng sản Tân Việt, Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội đã chuẩn bị thống nhất. Bác Hồ đã phải từ giã nhà chùa và từ giã Thái Lan[2]. Cũng trong thời gian hoạt động tại vùng U đôn này Bác Hồ đã sáng tác bài lã cầu cho Việt kiều ta đọc trong các buổi lễ tại chùa thờ tướng Trần Hưng Đạo. Bài lễ cầu này ca ngợi chiến công của Trần Hưng Đạo và các tướng lĩnh. Bằng cách đó Bác Hồ đã giúp cho Việt kiều hiểu thêm về lịch sử dân tộc, giáo dục họ lòng yêu quê hương, và hướng họ đến hoạt động văn hóa tiến bộ. Tuy thời gian hoạt động ở Thái Lan không lâu nhưng Bác đã được nhân dân và giới Phật tử Thái lan, cũng như phật tử Việt Nam ở Thái khâm phục và yêu quí. Tình cảm ấy còn giữ được mãi đến sau này. Năm 1963 khi Việt kiều ra hồi hương, Hòa thượng Mahákhăm, trụ trì chùa Vạch Pò Nhày tỉnh uvol đã nhờ chuyển thư và một huy hiệu Phật tổ để tặng Bắc Hồ. Hòa thượng đã bày tỏ lòng ái mộ Bác. Và mong muốn có lần được đến thăm Bác và đất nước Việt Nam. Hiện vật quí này hiện được lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Nhật-bản, đất nước chưa một lần Bác Hồ đến thăm nhưng phật tử ở đây rất yêu quí và ngưỡng mộ Người. Giới phật tử Nhật-bản khâm phục lòng dũng cảm của dân tộc ta, đặc biệt họ khâm phục Bác Hồ. Giới phật tử Nhật-bản đã có nhiều hình thức hoạt động ủng hộ Việt-nam, ủng hộ Bác Hồ rất cảm động.

Trong những năm có chiến tranh các nhà chùa, sư sãi Nhật-bản đã nhiều lần quyên góp tiền ủng hộ Việt-nam. Người đứng đầu các phong trào này là cụ Riokê - Onisi vị sư có nhiều uy tín trong giới phật tử, trụ trì chùa KIMONIDU ở KIOTO cố đô Nhật-bản. Đặc biệt có mộ lần quyên góp đã để lại những tình cảm sâu sắc cho nhân dân cả hai nước. Đó là vào những năm chiến tranh ác liệt, tại công viên Hybia, sư sãi ở các chùa đã tập trung tại đây tổ chức quyên góp. Hàng trăm nhà sư cùng cầu nguyện. Cứ sau một tiếng mõ các nhà sư lại đọc một câu kệ : "Hồ Chí Minh muôn năm", hoặc là "các bạn ủng hộ Việt-nam", "Việt-nam sẽ chiến thắng". Cứ như vậy lễ lạc quyên kéo dài một trăm ngày liền. Trong suốt một trăm ngày đó công viên Hybia nhộn nhịp hẳn lên. Các nhà sư đã quyên thu được số tiền rất lớn gửi sang Việt-nam.

Một lần khác cũng dưới sự chỉ đạo của cụ RIOKÊ sư sãi Nhật-bản đã quyên góp tiền, bạc, chuộc lại chiếc chuông cổ của ta ở Bắc ninh bị thất lạc sang Nhật. Các nhà sư Nhật-bản đã không ngại khó khăn, tốn kém tiền của tổ chức mua cho bằng được chiếc chuông chùa cổ đó, và gửi sang cho nhà chùa Việt-nam. Đối với các phật tử

● *Hòa thượng Thích Thanh Từ thăm cửa hàng lưu niệm tại chùa Quán Sứ - Hà Nội*

Nhật và đặc biệt là cụ RIOKE, thì việc làm nào giành cho Việt-nam, cho Cụ Hồ Chí Minh thì không có gì là khó cả.

Vào năm 1968 khi nghe có tin đoàn văn công Việt-nam sang Nhật biểu diễn cụ RIOKE-ONISI đã mời đoàn đến thăm chùa KIMONIDU. Cụ tiếp đoàn tại văn phòng trang trọng nhất, cụ thân mật bắt tay từng người và cảm động nói "Tôi đã được bắt tay 52 người con của cụ Hồ Chí Minh. Tôi mong cho các bạn là những người chiến thắng, đất nước các bạn hòa bình để chúng tôi được mời Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Nhật- bản. Nhờ các bạn về nói với Chủ tịch rằng tôi năm nay đã 96 tuổi, nhưng tôi sẽ cố sống đến ngày đó". Tiếc thay ngày mà cụ RIOKE ONISI mong đợi đã không đến. Được tin Bác Hồ từ trần cụ rất đau buồn. Cụ đã không ăn cơm nhiều ngày.[4] Trong niềm thương tiếc vô hạn, cụ đã làm thơ viếng Bác :

Bài thơ được dịch như sau :

"Trời xanh đón người cứu nước về
Đau lòng chúng sinh trên đường mê
Xưa nay hiếm bậc lão anh kiệt
Chiếc lá thu bay trời ủ ê".

Sau này trong một lần gặp đoàn cán bộ Việt-nam sang Nhật-bản công tác cụ RIOKE đã tâm sự : "Trong đời tôi không có gì đau xót bằng việc không được đón Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nhà chùa. Chỉ tiếc là tôi không thể đi thay được". Cụ RIOKE đã từ trần cách đây ít năm. Thọ 110 tuổi. Bản thảo bài thơ Viếng Bác cụ đã gửi đến tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Đền đáp lại tình cảm, niềm tin của phật tử gần xa Bác Hồ luôn quan tâm đến hoạt động của Phật giáo. Mặc dù bận nhiều việc nhưng Người đã giành nhiều thời gian đi thăm các chùa., đi dự các hội nghị quan trọng của Phật giáo. Trong các ngày lễ Người cũng thường ghé thăm chùa ở các nước đó. Ở Miến- điện, ở Ấn-độ, Inđônêsia ở đâu Bác Hồ cũng được giới phật tử đón tiếp nồng nhiệt. Người đã đến Brôbđia, Ubút Inđônêsia và tại đây Người đã thắp hương trước tượng Phật Bà. Năm 1959, khi sang Ấn-độ Người đã đến thăm chùa lớn, ở thành phố Calcuta, Người đã thăm Hội Phật giáo Calcuta. Tại đây Người đã gặp gỡ động viên Hòa thượng Thích Minh Châu lúc đó đang tu học ở Ấn- độ. Dưới tán lá rợp của cây Bồ đề cổ đại của Ấn-độ, Bác Hồ và Thủ tướng Nê-ru đã ngồi để bàn bạc tâm sự. Đối với Bác Hồ tự do tín ngưỡng được tôn trọng theo đúng nghĩa của nó. Bác giáo dục nhân dân ta, cũng như các phật tử trọng đạo và trọng việc đời, làm điều thiện để đem lại lợi ích cho mọi người. Và Người là người đầu tiên làm được việc đó. Người nói : "Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho đất nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Trong thực tế Người đã thực hiện được mong muốn của mình. Người đã phấn đấu không mệt mỏi cả cuộc đời cho tự do, cho độc lập, cho bát cơm, tấm áo của mỗi người dân. Việc làm vĩ đại của Người đã hòa cùng những niềm tin vào Đức Phật, đem lại cho đời tiếng hát, câu cười và bớt những chuân chuyên.

---

(1) Toàn tập Hồ Chí Minh - Tập 5. Trang 233

(2) "Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ Tịch" của Trần Dân Tiên

(3) Tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh

(4)Tư liệu do đồng chí Nguyễn Quí Quí cán bộ Bộ ngoại giao cung cấp

LỜI PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI THẢO

HÒA THƯỢNG KIM CƯƠNG TỬ

NAM mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư vị Tôn túc,

Kính thưa quý vị đại biểu,

Thưa các vị Tăng ni, Cư sĩ, Phật tử.

Cuộc hội thảo của chúng ta đến đây đã được thành tựu, thay mặt Ban Thường trực hội đồng Trị sự TW GHPGVN chúng tôi xin nhiệt liệt tán dương công đức của quý vị đại biểu, quý vị giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu khoa học, chư vị tăng ni và cư sĩ, phật tử. Mặc dù các vị đang bận nhiều công việc, song đã thể hiện nhiệt tình đối với Phật giáo chúng tôi, đã dành thì giờ viết bài tham luận, đến dự và phát biểu ý kiến làm cho cuộc Hội thảo thành công tốt đẹp.

Những bài tham luận và ý kiến phát biểu của quý vị mang những sắc thái và khía cạnh khác nhau, song đều đã nêu bật lên những tình cảm sâu đậm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo và đặc biệt là Phật giáo Việt Nam.

Tuy vậy, chúng tôi cho rằng đây cũng chỉ mới là bước đầu nghiên cứu, tìm hiểu, chúng tôi mong rằng sẽ được sự cộng tác giúp đỡ nhiều hơn nữa của quý vị đại biểu, của các giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu để khai thác hiểu thêm về đạo đức tư tưởng và tình cảm cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý vị đại biểu, quí vị giáo sư, tiến sĩ, các nhà nghiên cứu đã bớt chút thì giờ tới dự để cho cuộc Hội thảo được thành công.

Xin chân thành cảm ơn quý vị Đài truyền hình TW, Thông tấn xã Việt-nam, các Nhà báo ở TW và Hà nội đã đến dự và đưa tin về cuộc Hội thảo này.

Cám ơn quý vị tăng ni, cư sĩ, phật tử đã tới dự để góp phần cho cuộc Hội thảo được thành công tốt đẹp.

Kính chúc quý vị dồi dào sức khỏe

Xin trân trọng kính chào quý vị.

● *Hòa thượng Thích Thiện Hào cùng các Hòa thượng, tăng ni chụp ảnh lưu niệm tại chùa Quán Sứ – Hà Nội*

● *Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bia kỷ niệm vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi tại Chùa Côn Sơn - Hải Hưng - 1965 (ảnh bên)*

● *Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng hoa cho đại biểu Phật giáo (ảnh dưới)*

PHẦN II

NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN

LUẬT TẠNG CỦA ĐẠO PHẬT

Luật học KIM CƯƠNG TỬ

LUẬT tạng là kho chứa những điều giới luật phép tắc của đạo Phật; Luật tạng là một trong ba tạng Thánh giáo, đứng ngang hàng và liên kết thành bộ ba cùng với Kinh tạng và Luận tạng. Luật là đường lối của hết thảy mọi người theo đạo Phật, tu hành hoằng hóa, xây dựng tư cách đạo đức con người, chuyển loài người từ phàm trần đến Hiền thánh, làm mọi Phật sự, giúp ích cho thế gian và nhân loại, giải thoát cho cả mình lẫn chúng sinh, bao pháp luật đều chứa đựng ở trong tạng này.

Kinh tạng bao gồm về lý thuyết để hiểu biết,

Luật tạng bao gồm về giới luật để thực hành.

Luận tạng bao gồm về lý luận của Kinh Luật.

Nói về thứ tự của sự nghiệp tiếp hóa trên đời. Như đối với người chưa nhập đạo, trước hết đem giáo lý ra giảng diễn, khi họ tin theo thì tiến đến làm việc quy y, thụ giới, hoặc tu tại gia, hoặc đi xuất gia chuyên môn tu học, hành đạo, hành luật, chịu trách nhiệm hoạt động tôn giáo, hoằng đạo lợi sinh, các việc thi hành đều ở luật pháp quy định và xử đoán.

Như vậy, Luật tạng có tác dụng rất lớn đối với trong ba tạng. Đến chư Phật, chư Đại Bồ tát, Đại A- la-hán lại càng căng trì giới luật rất tinh nghiêm.

Luật chủ trương về thực hành, cho nên Luật tạng là quan trọng nhất. Như nói: người học mà không hành thì cái học đó chỉ là xuông rỗng; cho nên phải có luật để thực tiễn - thực tiễn kết hợp với lý thuyết.

Bộ luật Căn-Bản nói: "Phật thuyết ba tạng giáo, thì Luật tạng là đầu... được đắc đạo thành Phật, đều do Luật mà nên".

Luật như trái đất, hết thảy mọi loài động vật, thực vật, khoáng vật... đều nương vào đó mà phát sinh.

Kinh Lăng-nghiêm nói: "Nhân giới sinh ra định, nhân định phát ra tuệ".

Giới pháp là cội gốc mở mang đạo Bồ-đề. Giới Biệt giải thoát(1) là bậc Đại-sư thay ngôi Phật khi Ngài đã vào cõi Niết bàn. Giới luật chỉ nguyên có Phật chế ra (kết giới; định luật), không như Kinh với Luận, các đệ tử Phật (Bồ-tát, La hán) cũng thuyết ra, được coi là chính pháp nếu được Phật ấn khả (công nhận).

Trong luật nói: "Luật là thọ mạng của Phật pháp, luật còn hiện hành là Phật pháp vẫn sống còn ở trên đời".

Lại nói: "Thiền gia không có luật thì tăng sao còn ra tăng?" Vô kỷ luật trật tự thì còn ra thể thống tu hành gì?!

Luật quy định và xử đoán theo chân lý nhân quả, cho nên luật của đạo Phật là *luật nhân quả*.

Khi Phật vừa thành đạo tại gốc cây bồ-đề, liền truyền ngay giới luật Bồ-tát. Sau phát triển rộng thành Đại-thừa giới luật hay *luật Bồ-tát*.

Về Tiểu-thừa (phái Nguyên thủy) thì từ sau khi Phật độ cho năm vị Kiều Trần-Như v.v... lập thành tăng đoàn, Phật chỉ dạy một bài Kệ *Lược giới kinh* để các đệ tử thụ trì, mãi sau mới phát triển dần thành Tiểu-thừa giới luật hay gọi *luật Thanh- Văn*.

Các vị xuất gia tu về Duyên-Giáo đạo, cũng cơ bản theo luật Thanh-Văn mà tĩnh tu để chuyên quán tưởng phép. *Mười hai nhân duyên*. (Lại còn Độc-giác là vị này ra đời ở thời vô Phật, chỉ tự giác tự tu mà chứng ngộ được nguyên lý "Thế-gian vô-thường" là đắc đạo Tích-Chỉ Phật (tức Duyên-giác đạo).

Ở trong cõi Sa-bà(2) thì luật Thanh-Văn có quyền hành rộng lớn đầy đủ mọi phương diện. Những phẩm trật "thất chúng đệ tử"(3), đều do luật Thanh-Văn quy định, chiếu theo đó mà xử sự và lãnh đạo quần chúng Phật giáo đồ.

Luật Bồ-Tát chỉ riêng đối với những vị có thụ giới Bồ-Tát chí hướng theo Đại-thừa giáo. Sự nghiệp hoằng đạo tu trì tiếp hóa, tự lợi lợi tha của Bồ-Tát, về phần sự tướng hành động, phải được phù hợp và bảo vệ luật pháp của Thanh-Văn, hòa nhịp song song cùng tiến hành.

*

* *

LUẬT THANH-VĂN(4)

Khi Phật tại thế. Thời kỳ đầu truyền đạo độ sinh, đích thân Phật trực tiếp độ người xuất gia làm tỉ-khiêu tăng, phép tu trì của chư tăng khi ấy chỉ đơn giản có một bài Kệ *Lược giới Kinh* (như trên nói) cốt răn dạy *thận tu ba nghiệp*.

Suốt 12 năm ròng, số lượng tăng sĩ(5) lên tới hàng vạn vị, những vị đó đều là bậc hiền thiện thuần túy chí tâm với đạo, hàng ngày cử chỉ rất đúng đắn, không xảy sự gì đáng để cho tín đồ và nhân dân dị nghị. Sau lâu dần có số vị tăng gây ra những điều tổn thương uy tín của người tu hành, khiến cho thế gian cơ hiềm thắc mắc, nên Phật phải tùy theo những sự cố xảy ra mà chế lập từng điều giới luật, căn cứ vào đó gìn giữ tu hành, để Phật pháp được trang nghiêm và hưng thịnh(6).

Thế là từ đó đến khi Phật vào niết bàn thành được một pho luật lớn, ứng dụng đủ mọi sự thực hành đạo pháp.

Song ở thời có Phật, thì luật đạo cũng như các bộ kinh không viết thành văn, chỉ do chư tăng thuộc lòng bí truyền cho nhau một cách thận trọng kín đáo.

Khi Phật đã vào niết bàn, thì lập tức trong khóa hạ liền đó, cuộc kết tập Tam-tạng bắt đầu, do Ngài Ma Ha Ca-Diếp chủ trương tổ chức, Ngài Ưu-Ba-Li là vị luật sư trì luật, giỏi luật pháp nhất, chịu trách nhiệm về luật khoa; tại trước đại chúng 500 vị ủ khiêu La-hán tăng, họp tại hang Thất-diệp (bên thành Vương-xá nước Ma-Kiệt-đề) Ngài đọc ôn lại trước sau 80 lần xong tạng luật, bộ đại luật này lấy tên là *Bát-Thập-Tụng*.

Trải một thời gian 110 năm, 5 vị tổ sư đứng đầu thống nhất Phật giáo Ấn-Độ, là các tôn-giả Ma-ha Ca-Diếp, A-Nan-Đà, Mạt-Điền-Địa, Xà-Na Bà-Đề và Ưu-Ba-Cúc-

Đa, đều nhất trí tuân theo một bộ luật này.

Sau lâu sinh ra chia rẽ, bởi thày nào trò ấy dị kiến khác nhau, phân hai phái bộ, mỗi đàng thiên chấp một bộ luật, đàng nào cũng tự cho luật của mình theo là hoàn toàn đúng lời Phật dạy.

Nhân khi đó có vua A-Dục ra đời. Vua rất sùng Phật. Yêu cầu vua triệu tập đông đúc các vị cao tăng thông minh trí tuệ, thâm thúy Phật pháp, trùng tập lại Tam tạng thánh giáo.

Về luật thì vì có sự bất đồng ý kiến giữa hai phe, không thể công nhận bộ này bác bỏ bộ kia, nên cách giải quyết phải làm hai thứ thẻ, mỗi thứ một màu khác, để phân biệt hai bộ; luật cũ với luật mới, nghiệm xem số người theo mỗi bên là bằng nào.

Kết quả những vị theo luật cũ (nói là cũ), do vị tăng trưởng là thượng tọa pháp danh Đại-Thiên đứng đầu đề xướng thì chiếm số nhiều, phái này quyết định đặt tiến bộ luật là Ma-Ha Tăng-Kỳ tức *Đại-Chúng bộ*(7). Những vị tăng theo luật mới (nói là mới) thì số lượng người ít hơn, nhưng bộ luật nói sau này, từ trước đã được đa số bậc thượng tọa lão thành đồng tình, nên tên của bộ luật gọi *Thượng Tọa bộ*.

Tuy sự tình hai phe đối lập nhau như vậy, nhưng hai bộ luật cùng sánh đôi nhau lưu truyền cùng giá trị cả.

Kế tiếp từ đấy đến đầu thế kỷ thứ Tư sau Phật niết-bàn, luật Tăng-Kỳ lại phân xuất thành 7 bộ khác; luật Thượng Tọa cũng phân xuất thành 11 bộ khác(8) cộng với hai bộ gốc (Tăng Kỳ, Thượng-Tọa) thành 20 bộ luật. (Theo kinh Văn-Thù-Vấn và tinh thần luận Dị-Bộ Tông- luận).

Ở những thời kỳ đó có 5 bộ luật trước sau vẫn trứ danh nhất; 1 - Đàm-Vô-Đức (dịch là Pháp-Mật hay Pháp-Tạng); 2 - Tát-Bà-Đa; 3 - Di-Sa-Tắc; 4 - Ca-Diếp- Di; 5 - Bà-Ta-Phú-La. Năm bộ luật lớn này do 5 vị đệ tử là bậc thượng-túc của Ngài Ưu-Ba-Cúc-Đa làm luật chủ, đến đây thì các bộ luật đều đã viết thành văn lưu truyền.

Luật tạng truyền sang Trung-Quốc thì có 5 bộ đại luật: 1 - Tứ-Phận tức Đàm-Vô-Đức, 60 quyển; 2 - Tăng-Kỳ, 40 quyển; 3 - Di-Sa-Tắc, 30 quyển; 4 - Thập- Tụng, 61 quyển; 5 - Căn-Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu, cả bản chính lẫn bản phụ cộng 23 bộ, 203 quyển. (Hai bộ sau vốn cùng một luật hệ Tát-Bà-Đa).

Nói về các bản luật phụ, trừ luật Căn-bản vừa kể, bốn bộ đại luật kia mỗi bộ lại kéo theo một loạt bản chi-thuộc thành nhiều bộ loại ra.

Như vậy, Luật Thanh-Văn kể cả lớn nhỏ, bản chính, bản phụ, gồm có 71 bộ, 496 quyển. (Chính văn. Dịch từ chữ Phạn. ra).

Theo Đại-Tạng hiệu đính xúc bản là tạng xếp sách gọn ghẽ có chất lượng nhất. Ghi những số sách sớ- thích hay trước thuật của Luật tông. (Luật tông là cơ bản của tất cả các tông phái Đại, Tiểu-thừa):

Sớ-thích: 44 bộ, 419 quyển. Trước thuật: 64 bộ, 112 quyển.

Hai thứ cộng 108 bộ, 531 quyển luật. (Chú văn. Ngoài đây ra cũng còn những bộ luật (chú thích) chưa đưa vào Đại tạng, nên không có ở trong số này).

Tổng cộng cả chính văn và chú văn, luật Thanh Văn có:

(71 + 108) = *179 bộ luật*(9).

(496 + 531) = *1027 quyển luật thuộc Thanh-Văn tạng*.

Chú ý: Năm bộ luật hiện hành nói trên, cả Bắc- tông lẫn Nam-tông đều cùng tôn trọng. Nhưng do tập quán sùng thượng, thì từ xưa Bắc tông thịnh hoàng luật Tứ-Phận; Nam-tông chú trọng luật Thượng-tọa. (Luật này chỉ coi trọng năm giới).

Từ bộ gốc Thượng-Tọa tách ra thành 11 bộ khác như sau: 1 - Nhất Thiết Hữu (lại gọi Thuyết Nhân bộ); 2 - Độc-Tử; 3 - Pháp-Thượng; 4 - Hiền-Trụ; 5 - Chính Lượng; 6 - Nhất Lâm Sơn; 7 - Hóa-Địa (tức Di-Sa-Tắc bộ); 8 - Pháp-Tạng (tức Tứ-Phận hay Pháp Mật bộ); 9 - Âm-Quang (tức Ca-Diếp-Di bộ); 10 - Kinh-Lượng (cũng gọi Thuyết Chuyển bộ); 11 - Tuyết Sơn (bộ luật này xem thêm lời chú thích số 8).

● *Chùa Linh Mụ (Huế)*

LUẬT BỒ TÁT

Giới luật Bồ-tát cũng có quảng thuyết có lược thuyết.

Quảng thuyết thì ngay khi Phật vừa thành đạo vẫn ngồi yên vị ở gốc cây bồ-đề. Ngài liền thuyết 58 điều giới bản do đức Tiên Phật Lư-Xá-Na truyền lại. Ghi trong phẩm *Bồ-tát Tâm Địa quyển hạ* thuộc bộ *Kinh Phạm Võng*.

Lược thuyết là *Tam tụ giới* hay *Tam tụ đại giới*, gồm ba điều giới lớn bao trùm muôn phép, muôn hạnh tu hành: 1 - Tiếp luật nghi giới; 2 - tiếp thiện pháp giới; 3 -

Tiếp chúng sinh giới. Giới này còn gọi Tâm giới hay Bồ đề tâm giới.

Giới Tam tụ là phẩm giới lớn, lại mở rộng được phép "thông thụ"; Nghĩa là: ai muốn cầu thụ giới, tùy theo hoàn cảnh bằng cách theo thầy làm phép trao truyền hay nhất tâm tự thệ thụ lấy đều được; chỉ cốt phát Bồ-đề tâm chí thành bằm thụ một lần là phát giới-thể(10) đủ cả ba điều giới. Giới Phạm-Võng Tâm Địa cũng có phép tự thệ thụ giới, nhưng phải ở điều kiện đặc biệt lắm mới được.

Giới Tam tụ còn có phép "biệt thụ" hay "tổng thụ" tùy theo chí nguyện. Giới Tam tụ là phẩm giới thâu tóm và phổ thông trong nhiều bộ kinh luận Đại-thừa như kinh Hoa-Nghiêm, kinh Chiêm-Sát; luận Du-Già, luận Duy-Thức v.v... đều có dạy cả.

Giới Tam tụ nghe thì rất đơn giản nhưng ý nghĩa rất sâu rộng, áp dụng chung cho cả hàng Nhị-thừa. Chỉ có khác là Đại-thừa thì phận sự hoằng đạo lợi sinh nặng nề hơn, triển vọng quả vị cao siêu hơn, nên phải đảm nhiệm sự nghiệp to lớn hơn Thanh-văn Duyên- giác nhiều.

Sau kinh Phạm Võng, dần dần Phật lại tùy cơ duyên dạy ra những điều giới luật tiếp theo, nói trong những bộ Địa-Trì, Anh Lạc, Thiện Giới, Thập Thiện Giới, Bồ-Tát Nội Giới, Bồ-Tát-Giới Bản, Đại thừa Giới, Bồ Tát Thụ Trai, Ưu-Bà-Tắc Giới cùng nhiều bộ khác nữa.

Trong các phẩm giới Bồ-tát ở những bộ trên dạy, tùy ý thụ theo một phẩm giới nào cũng được, hoặc đối với một phẩm giới Bồ tát đó, trước hay sau khi bằm thụ, kiêm thụ một hay nhiều phẩm giới của Thanh Văn, tùy theo giới tính (nam hay nữ), thụ từ Ngũ- giới trở lên đều được hợp pháp và càng tốt hơn.

Sáng luật của Đại-thừa Bồ-tát có 31 bộ, 57 quyển (chính văn).

Những bộ sớ-thích và trước thuật, có Phạm Võng nghĩa sớ, Phát An, Thuật ký, Hợp Chú, Lược Sớ, v.v..., gồm 28 bộ, 102 quyển (chú văn).

Cộng cả chính văn lẫn chú văn, gồm *59 bộ, 159 quyển luật thuộc Bồ-tát tạng.*

Như trên đã trình bày luật tạng của đạo Phật kiêm Đại, Tiểu-thừa, *tổng số 238 bộ, 1186 quyển luật.*

Giới luật Bồ-tát còn tản mạn ở các bộ kinh luận Đại-thừa rất nhiều. Số lượng điều giới phối cảnh với pháp-giới(11) có những danh từ: Trần-sa, vô lượng, không thể kể xiết được.

Những vị nghiên cứu Phật-luật học, có chí hiếu học, khắt ngững và tinh tiến, chịu khó sưu tầm dần sẽ hiểu rộng.

---

(1) Giới bản của sư tăng, sư ni

(2) Tức cõi Tam-thiên đại-thiên thếgiới hay gọi cõi Phật, gồm có một tỉ thế giới trong cùng một khu vực. Địa cầu ta ở là một tiểu thế giới, tức 1/1.000.000,000 thế giới của cõi Đại-thiên này. (Vì ba lần nhân 1.000 thành cõi Tam thiên Đại-thên)

(3) Tì-Khiêu, Tì-Khiêu ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni; Ưu-bà-tác, Ưu-bà-di, đều là cấp bậc về Thanh-Văn đạo, mà Tì-Khiêu tăng đứng đầu lãnh đạo Phật giáo. Luật Thập Tụng còn thêm Cận-trụ nam, Cận-trụ nữ thành chín hàng đệ tử Phật

(4) Luật của tăng đồ, Thanh-văn, Duyên-giác thuộc hàng Nhị-thừa do Đại-thừa biệt xuất ra. Cho nên có câu: "Tổng Đại-thừa xuất". Câu: "Tự nhất Phật thừa phân biệt thuyết tam". Đến nghĩa viên dung thì câu: "Duy nhất Phật-thừa vô nhị vô tam"

(5) Khi ấy chưa có sư ni, mãi đếnnăm thứ 12 kể từ sau Phật thànhđạo mới bắt đầu độ phụ nữ xuất gia, khởi thủy là bà Ma-Ha Ba-Xà-Ba-Đề dì mẫu của Phật

(6) Giới luật Thanh văn, Phật không đề ra ngay một lần đủ mọi điều giới luật như giới luật Bồ-tát.

(7) Danh xưng "đại chúng" đây là lần thứ hai. Ngay cuộc kết tập lần đầu, ngoài hạng Thất-Diệp địa điểm pháp hội của Ngài Ca-Diếp cùng Ngài Ưu-Ba-Li kết tập, còn có hàng nghìn vị tăng phần lớn trẻ tuổi, đồng thời cũng tập hợp riêng một nơi khác, do đạ đức Bà-Thi-Ca đứng đầu, kết tập luật tạng, bộ luật này gọi cùng tênvà là tiến thân luật Ma-Ha Tăng-Kỳ

Thời gian dài trước khi phân đôi hai bộ luật riêng rẽ, chư vị Thánh tổ truyền đăng truyền trì cho nhau, chỉ căn cứ theo một bộ luật Bát-Thập-Tụng (gọi Thượng-Tọa bộ) là chính.

(8) Có chỗ tính: luật Tăng Kỳ nẩy ra 8 bộ khác, luật Thượng-tọa nẩy ra 10 bộ khác, cộng thành 18 bộ. Đây là không kể bộ Thuyết-Nhất-Thiết-Hữu (từ Thượng-tọa bộ tách ra trước nhất) riêng một con số, vì coi 9 bộ sau bộ này đều là Hữu bộ, mà đem bộ Tuyết Sơn (bộ Thượng Tọa đổi tên) cộng với 9 thành 10; vậy 10 bộ của luật Thượng Tọa, 8 bộ của luật Đại cúng.

Lại có thuyết tính về Thượng-Tọa bộ không đặt con số riêng cho bộ Tuyết-Sơn, vì thấy bộ này chính là bộ Thượng tọa đổi tên, lại án hợp và ngang thời bộ luật Pháp-Tạng làm cùng một số 2 là bộ gốc Thượng-tọa, cho đến số 18, và tiếp theo hai bộ nữa. (18 + 2) = 20 bộ luật.

Bộ Pháp-Tạng hay gọi Pháp Mật, tiếng Phạn là Đàm-Vô-Đức, tên vị luật chủ của bộ luật này, trung danh vị luật chủ đệ tử Ngài Ưu-Ba Cúc-Đa trước khia. Thầy của vị Pháp-Tạng thì tên là Mục-Kiền-Liên. Vị Pháp-Tạng dẫn lời thầy dạy mà biệt lập ra thuyết "Ngũ tạng", khác hẳn 17 bộ luật đã tách ra, nên luật danh gọi là Pháp-Tạng, nhưng luật bộ vốn là luật Tứ Phần; bộ luật này ra đời từ hơn một thế kỷ sau Phật niết bàn.

Vốn dĩ chỉ cốt nói 18 bộ luật tách ra, vì cộng cả luật gốc nên thành 20 bộ luật.

Có thuyết 18 bộ của truyện Chấp-Kiến bất-đồng, cách tính toán có thay đổi khác. (Thuyết này lấy 5 bộ luật làm căn bản).

Theo Luận Bộ-Chấp-Dị thì tất cả gốc ngọn chỉ có 18 bộ mà thôi

Luật tạng về Nam truyền tức Nam tông), theo lịch sử Phật giáo Tích-Lan cung nói phan kỳ thành 18 bộ, cũng hai bộ gốc Đại Chúng và Thượng tọa, nhưng tổng số bao gồm cả gốc ngọn: Đại Chúng 6 bộ, Thượng Tọa 12 bộ.

Nếu cứ đẳng hằng nhìn theo danh sách liệt kê mà đếm, thì cả hai bộ gốc cùng các bộ ngọn tách ra, sẽ hiện thành 21 bộ, thành 22 bộ gồm cả 'luật Thập Tụng - luật cũ thuộc Tát-Bà-Đa. (Kinh Xá-Lợi-Phất vấn, luật Thập-Bát bộ). Kinh luận nói về 18 với 20 bộ luật, tất cả có bảy thuyết).

(9) Theo bộ Huyền-Tí-Sao dẫn luật Trí-Độ nói: "Luật Thanh-Văn có hàng 500 bộ luật".

(10) Bản thể hay thể-tính của giới pháp mà người thụ trì được có, chỉ một lần hợp pháp đình thụ, giới-thể phát sinh, thâm nhập thân tâm, có khả năng liên tục ngăn dữ ngừ trái, luôn luôn không ngừng nẩy ở thêm lớn các công đức đạo quả. Nói cách khác: "Chỉ một lần thụ mà tác dụng mãi mãi".

(11) Gồm mười ngành giới từ chư Phật, Bồ tát đến các loài chúng sinh, cùng với tính chất hết thảy sự lý muôn vật.

CÁC THIỀN SƯ GIÚP DÂN DỰNG NƯỚC TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

THÍCH BẢO NGHIÊM.

HƠN hai mươi lăm thế kỷ trước từ khi đạo Phật còn hoạt động trong phạm vi nhỏ hẹp dọc sông Hằng Ấn, đến nay nhờ bao thế hệ Thánh tăng tích cực hoằng hóa Đạo Phật đã lan truyền rộng rãi các nước trên thế giới từ Á sang Âu, Mỹ, du nhập đến đâu mục đích tôn chỉ Phật đều được hòa nhập nhịp nhàng quốc gia xứ sở đó. Ánh sáng đuốc tuệ Phật len lỏi thấm sâu uyển chuyển vào phong tục, tập quán tâm linh họ. Trong lịch sử truyền bá Phật giáo chưa bao giờ, ở đâu lại xảy ra đau thương, đổ máu hay nói cách khác, chiến tranh tôn giáo. Những ngày đầu của kỷ nguyên tây lịch các thiền sư Ấn Độ đặt chân lên đất Giao Châu với ý nghĩa đơn giản cầu nguyện cho các thương gia đi được "Trời yên biển lặng". Những ngày tháng lưu tại Giao Châu chính các sinh hoạt hàng ngày cầu nguyện, trì tụng kinh bốn hai chương v.v... của các thiền sư đã dần gây trồng hạt giống bồ đề nảy nở, tiếp đó lần lượt các Giáo tổ Ma hay kỳ vực, Khương tăng Hội là những người đã mở màn cho trang sử vàng vẻ vang Phật giáo Việt Nam, trong đó nền văn hóa Giao Châu ít nhiều cũng được ảnh hưởng.

Phật dậy:

"Phật pháp tại thế gian,
Bất ly thế gian giác
Ly thế mích Bồ đề
Cáp như cầu thỏ giác"

Tất cả mọi người không thể sống ngoài thế gian, chân lý Phật pháp cũng ở tại ngay thế gian, đều theo dòng biến thiên của qui luật tự nhiên - Nhìn thấy rõ thể tích của thực tại ngay trong cuộc sống, sống cuộc sống hòa nhịp với dòng đời không ngừng trôi chảy. Nếu chúng ta tách lìa khỏi thế gian để đi tìm giác ngộ và giải thoát khác nào đi tìm "Lông rùa sừng thỏ". Các bậc Thiền sư tổ đức luôn luôn tâm niệm "Phật pháp bất ly thế gian pháp" nên những ngày đầu của nhà nước phong kiến Đại Cồ Việt được hình thành do Đinh Tiên Hoàng đế Bộ Lĩnh sau khi dẹp loạn mười hai sứ quân chấm dứt ách thống trị một ngàn năm đô hộ Bắc thuộc. Ngô Châu Lưu một thiền sư tài đức song toàn là bậc "Long tượng" trong tổ đình phái Vô ngôn Thông đã tham gia hoạt động chính trị giúp vua cùng dân dựng nước, thiền sư có nhiều công lao trong lịch sử triều Đinh trong thời kỳ sơ khai và cả suốt triều đại nhà Đinh. Do có công lao to lớn Đinh Tiên Hoàng đã phong Ngài chức tăng thống và ban hiệu "Khuông Việt thái sư" (Người phù tá nước Đại Cồ Việt). Sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, Thiền sư đã cùng Thiền sư Đỗ pháp Thuận mang hết tài năng phục vụ đất nước dân tộc Thiền sư Khuông Việt được vua Lê

Đại Hành rất kính trọng. Thiền Uyển tập anh viết "Vua Lê Đại Hành rất kính trọng, phàm những việc quân quốc trong triều đình đều đưa cho Ngài cả. "Thiền sư Đỗ Pháp Thuận tuy thuộc thế hệ thứ 6 dòng Thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi nhưng về lòng yêu nước, ý thức độc lập dân tộc Ngài đã cùng Thiền sư Khuông Việt vạch định kế hoạch phò tá Tiền Lê xây dựng triều đình củng cố quốc gia. Thiền sư cũng được Lê Đại Hành kính nể cử làm công việc ngoại giao bởi vì Ngài có tài biện luận đối đáp "Ứng khẩu thành thơ". Năm 986 vua Lê cử Ngài đón tiếp sứ Thần Lý Giác nhà Tống chính nhờ ngài sau cuộc viếng thăm của Lý Giác đã mở ra một mối giao hảo giữa hai nước, qua bài thơ của mình Lý Giác đã khẳng định sự bình đẳng giữa 2 hoàng đế của hai quốc gia như vậy rõ ràng tài năng của Ngài ngoại giao "Đối nhân sử thế" thay vua đã san bằng tư tưởng "Trung Quốc, man di, thiên tử với chư hầu" mà phương Bắc từ xưa vẫn hênh hoang tự phụ. Khi Lê Đại Hành hỏi về vận nước, thiền sư đã bộc lộ ý nghĩ của mình trong tư tưởng Phật pháp, luôn lấy "Vô vi pháp" làm kim chỉ nam dẫn tới đích an lạc giải thoát.

"Quốc tộ như đằng lạc
Nam thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xứ xứ tức đao binh"
(Vận nước như dây quấn
Trời nam sống thái bình
Vô vi nơi điện các
Chốn chốn dứt đao binh)

Lời đáp đó được coi như một tầm nhìn xa, báo hiệu đất nước đang ở thời đại thái bình, nếu vua xử thế theo lối "Vô vi" của Phật. Vô vi là không vướng mắc tham đắm dục lạc, luôn luôn lấy lợi ích của đất nước, của nhân dân làm mục đích. Triều đình làm được như vậy đất nước sẽ thái bình. Trong những ngày đầu lập quốc các Thiền sư đã mở những cuộc vận động gây ý thức quốc gia, sử dụng các môn học phong thủy và sấm vĩ trong các cuộc vận động ấy, đã trực tiếp đàm luận cả về những vấn đề quân sự. Vạn Hạnh Thiền sư tuy giúp nhà Triều Lê nhưng khi thấy sự sa hoa thoái hóa của Lê Long Đĩnh, Ngài đã không ngần ngại ủng hộ Lý Công Uẩn lên bậc "Nhân chủ" chấm dứt cảnh khổ đau của dân dưới bàn tay bạo chúa Lê Ngọa Triều. Vạn Hạnh Thiền sư không những là bậc có uy đức tài cao, học rộng trong chốn thiền gia bấy giờ mà còn là một nhà cố vấn triều tiền Lê, Lý tài trí... thao lược, nhà sấm vĩ, phong thủy tinh thông. Dưới triều Lý - Phật giáo là quốc giáo. Các Thiền sư vừa là nhà giáo vừa là nhà hoạt động chính trị ngoài Vạn Hạnh thiền sư chúng ta còn thấy rất nhiều gương thiền sư khác luôn luôn được vua vời tới triều chính bàn việc giúp dân giúp nước: Thiền sư Không Lộ, Đa Bảo, Mãn Giác, Viên Thông, Huệ Sinh, Hiện Quang. Các thiền sư là những người có học thức trong xã hội đương thời, có ý thức về quốc gia, sống gần gũi quần chúng biết được những khổ đau của họ. Thiền sư Viên Thông biểu lộ tâm tư của mình với vua Lý Thần Tông về lẽ trị loạn "Thiên hạ cũng như bất cứ cái gì, hễ đặt vào chỗ an thì an, đặt vào chỗ nguy thì nguy. Điều này trông vào hành động các bậc nhân chủ... trị và loạn cũng do ở sự dùng người, nếu có người tốt giúp dân thì trị mà không có thì loạn. Tôi thấy các bậc đế vương đời trước không ai không vì dùng bậc quân tử mà hưng, không ai không vì dùng tiểu nhân mà vong... an dân là kính trọng kẻ dưới, hãi hùng như cưỡi ngựa nắm dây cương mục, theo đó thì hưng mà không theo thì vong chỉ từ từ mà xảy đến" (Việt Nam Phật giáo sử lược - Nguyễn Lang trang 197 - 198) Viên Thông đã khuyên can vua bỏ ác làm việc thiện luôn luôn tôn trọng kẻ dưới (dân chúng, quần thần) nếu làm như vậy quốc gia hưng thịnh, xã tắc vững bền. Triều Lý với chiều dài lịch sử 215 năm trải qua 8 đời vua, một triều đại thái bình nhất trong lịch sử Việt Nam "Đời Lý có thể gọi là đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta. Đó chính là nhờ ảnh hưởng Đạo Phật" (Hoàng Xuân Hãn).

Kế thừa và phát huy có sáng tạo Phật giáo thời Trần đã phát huy tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Lý mở đầu cho tinh thần này Hoàng đế Thái Tông. Tuệ trung thượng sỹ, Nhân Tông các ngài khi nước nhà lâm nguy bị ngoại bang xâm lăng vua tôi đồng tâm đánh giặc, khi đất nước sạch bóng quân thù, khải hoàn ca lại trở về nghiên cứu, tụ tập sáng tác nội điển đóng góp phong phú trong Tam tạng Thánh giáo Phật. Trần Nhân Tông một ông vua đã 2 lần chiến thắng quân Nguyên, đem lại hòa bình thinh trị đất

nước một thiền sư sáng lập ra dòng thiền mới dòng thiền mang tính chất đặc thù riêng của Phật giáo Việt Nam - Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đạo Phật thời Trần đã trở thành yếu tố đoàn kết toàn dân với triều đình cùng chung một mục đích xây dựng và bảo vệ quốc gia, các vua Trần đã thực sự lấy dân làm gốc, dựa vào dân để củng cố nền thống trị nhà nước phong kiến. Quốc sư Trúc Lâm đã khuyên vua Thái Tông khi ông định lên núi Yên tử tu "Phàm làm đấng nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình và tâm thiên hạ làm tâm của mình"... Trần Nhân Tông đã triệu tập hội nghị Diên Hồng - điều đó nói lên sự đồng tâm nhất trí Vua dân thời ấy nó là ý thức tự chủ tinh thần tự lực tự cường của con người Việt Nam trong thời đại Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử. "Phật giáo Trúc Lâm là một nền Phật giáo độc lập, uy tín tinh thần của nó là uy tín tinh thần quốc gia Đại Việt. Nó là xương sống của một nền Văn hóa Việt Nam độc lập" (Việt Nam Phật giáo sử luận - Nguyễn Lang). Tăng sỹ đời Trần tuy không trực tiếp đóng góp học thức, tài năng của mình vào sự nghiệp chính trị triều đình như tăng sĩ thời Đinh, Lê, Lý nhưng Phật giáo đời Trần đã có nhiều ảnh hưởng đến yếu tố đoàn kết vua tôi xây dựng bảo vệ đất nước, chính tinh thần của Trúc Lâm quốc sư là một trong những ý kiến của Phật giáo thời Trần giúp các ông Vua áp dụng những chính sách bình dị, thân dân và dân chủ, Hội nghị Diên Hồng không phải hội họp Triều đình Vua với quan hay Vương thần Hoàng tộc mà là Hội nghị người lãnh đạo quốc gia trưng cầu ý kiến của các bô lão đáng kính trong dân. Trần Nhân Tông một Hoàng đế anh quân một thiền sư uyên thâm phật học Người sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm - Chính Nhân Tông đã xây dựng giáo hội Trúc Lâm, một giáo hội chủ trương nhập thế chủ trương học thuyết "Hòa quang đồng trần của Đại thừa giáo", hoạt động Phật giáo là hoạt động văn hóa xã hội. Dòng Thiền Trúc Lâm đã đào tạo nên thiền sư Pháp loa, Huyền Quang những nhà văn hóa lớn của thời đại bấy giờ (Huyền Quang là trạng nguyên triều Trần).

Dọc thời gian năm thế kỷ từ Đinh đến Trần, các thiền sư là những nhà cố vấn chính trị, nhà văn hóa xã hội. Đến Hậu Lê Phật giáo không còn vai trò độc tôn trong xã hội nữa. Các Vua Lê sử dụng nho học trong trị nước an dân, lúc này tuy các thiền sư không trực tiếp "Chầu kim quyết" để đóng góp tài năng, kinh nghiệm vào công việc triều đình. Song không vì thế mà Phật giáo không phát huy được tinh thần nhập thế. Dưới ngòi bút của mình các Ngài một phần nào đã bộc lộ được tâm tư tình cảm yêu quê hương đất nước, cảm thông với nỗi khổ của người dân lao động, phải chống chọi với thiên tai địch họa chịu sự áp bức một cổ hai tròng của cảnh "Vua Lê Chúa Trịnh". Những áng văn thơ được các thiền sư trước tác như những ý nghĩa trước cảnh loạn ly, nó đã nảy nở và phát triển theo trí tưởng tượng và quan niệm đạo đức của dân gian. Truyện "Nam Hải Quan âm" hay "Quan âm Thị Kính".

"Thân này thành Phật may ra.
Hộ nước, hộ nhà thì mới có phương
Giữ chi hiếu nhỏ tầm thường
Giữ đường hiếu lớn rõ ràng báo ân".

Đó là chữ Trung, Hiếu theo đạo Phật, Trung thành với Tổ quốc hiếu với nhân dân. Các thiền sư áp dụng giáo lý Phật theo tinh thần khoáng đãng cởi bỏ mọi ràng buộc không như thuyết "Trung quân" của nho giáo. Bất kỳ vị Minh quân nào xây dựng Sơn hà chăm lo đời sống nhân dân, các vị đều sẵn sàng giúp đỡ phò tá không quản ngại.

Mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, non sông gấm vóc bị dầy xéo các thiền sư lại "Kế truyền Phật tổ gia phong" mà "các đấng tiên tiến đã nêu cao gương giác thế" xếp đặt kinh điển đứng ra cùng toàn dân chống giặc ngoại xâm, sẵn sàng "Cởi casa mặc chiến bào" có vị đã sử dụng già lam nơi mình tu hành làm nơi tín ngưỡng vừa là nơi hoạt động Văn hóa tinh thần cho quần chúng, nơi cứu độ những người khó khăn hoạn nạn. Nhưng đặc biệt và cao cả hơn hết, chùa còn là nơi ẩn náu và đợi thời, nơi hội họp của những nhà yêu nước, nơi cất giấu các tài liệu bí mật chùa Châu Quang xã Mạch Lũng Tây Sơn đã từng là nơi trú ngụ, tàng trữ tài liệu của những nhà sư chống đối Triều đình Tự Đức. Chùa Ngọc Long Động huyện Trương Mỹ - Hà Sơn Bình là nơi qui tụ các nhà sư yêu nước Nghệ Tĩnh ra Bắc, nơi căn cứ

xuất phát của những hoạt động chống phá chính quyền thực dân Pháp và phong kiến vào những năm 1895 - 1898, chùa Núi cấm vùng Thất Sơn An Giang, chùa Tam Bảo Rạch Giá là những nơi hoạt động của các nhà yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược. Chùa Đồng Kỵ Hà Bắc là 1 trong những cơ sở hoạt động cách mạng của Trung ương Đảng vào đầu những năm 40 của thế kỷ này" (Lịch sử Phật giáo Việt Nam trang 420) hầu hết các chùa chiền từ Bắc Trung Nam trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược đều là nơi hoạt động của các nhà yêu nước cách mạng. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp Bác Hồ đã làm việc trên núi chùa Thầy Sài Sơn Hà Sơn Bình, Chùa Trầm huyện Hoài Đức Hà Nội năm 1946 là nơi Bác đọc "lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến".

Còn chính Thiền sư thì "Họ là những chiến sĩ yêu nước kiên cường, họ là những người tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống chính quyền thực dân phong kiến. Họ cũng bị bắt tra tấn cầm tù và bị chém giết như những người yêu nước khác. Nhiều người trong số họ đã là chiến sĩ vô danh. Nhưng cũng có những người tên tuổi còn lưu lại cho đến bây giờ Sư Hoàng Văn Đồng 27 tuổi trụ trì chùa Châu Quang xã Mạch Lũng, Tây Sơn, Sư Võ Trứ tổ chức cuộc vận động yêu nước chống đối chính quyền thực dân - phong kiến... Sư Vương Quốc Chính trụ trì chùa Ngọc Long Động Hà Sơn Bình, sư Cao Văn Long trụ trì chùa Núi cấm Thất Sơn là linh hồn của cuộc khởi nghĩa đánh vào Sài Gòn năm 1916" (Lịch sử Phật giáo

● *Nhà bia Côn Sơn - Hải Hưng.*
Ảnh : THIÊN TÙNG

Việt Nam). Chưa hết, trong cuộc kháng chiến trường kỳ anh dũng chống thực dân Pháp còn biết bao nhiêu chùa chiền tăng ny, Phật tử một lòng một dạ sắt son ủng hộ cách mạng, đi theo cách mạng không Sợ gian khổ, hy sinh tài sản tính mệnh để đến với cách mạng, mang lại độc lập dân tộc, Nhân dân được tự do, mà lịch sử nước nhà cũng như trang sử vẻ vang của từng địa phương trong nước đã trang trọng ghi dấu cùng với các anh hùng liệt sĩ con em họ. Tại nước ngoài "Hòa thượng Thích Bình Lương tức Phạm Ngọc Đạt một nhà tu hành yêu nước" (Lời viếng Hòa thượng của Bác Hồ tháng 3 năm 1968) trụ trì chùa Lokamukho (Thế gian cứu độ) Băng Cốc Thái Lan đã bí mật nuôi dấu Hồ Chủ Tịch trong những năm 1928 - 1929 Người hoạt động cách mạng trên đất Thái. Theo lời kể của Nghị sĩ quốc hội Thái Lan Siphanôm Vishit vara san trong dịp ông sang dự hội thảo quốc tế "Chủ tịch Hồ Chí Minh anh hùng giải phóng dân tộc - Nhà văn hóa lớn "cuối tháng 3 năm 1990 tại Hà Nội: "Bác Hồ trong thời gian ở Thái Lan, Bác đã cùng nhân dân xây dựng nhà Phật to nhất của chùa Pho thô som phon tỉnh Udon đông bắc Thái Lan". Cách mạng tháng 8 thành công Hòa thượng Thích thanh Thao trụ trì chùa Bà Đá Hà Nội vinh dự được đón tiếp và mời cơm Bác Hồ - Tân Chủ Tịch của Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Tại đây Bác căn dặn tăng ny Phật tử "Việc Phật không xa dời việc thế gian, tăng ny Phật tử hãy tham gia cách mạng nhiều hơn nữa để xứng đáng với truyền thống yêu nước của Phật giáo. Việt Nam". Mặc dù Hồ Chủ tịch rất bận trăm công nghìn việc nhưng Người rất quan tâm đến các tôn giáo nói chung và đặc biệt

là Phật giáo Hòa thượng Tuệ Tạng thượng thủ tăng già toàn quốc (trụ trì chùa Vọng cung Nam Định) đã được người tiếp kiến tại Phủ Chủ Tịch và chụp ảnh lưu niệm cùng Người trong dịp tiếp kiến các vị đứng đầu các tôn giáo.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cũng như chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta, tiếp bước cha anh, chư tôn túc thiền đức trên khắp mọi miền đất nước luôn luôn đáp ứng tiếng gọi thiêng liêng của Đảng. Bác Hồ sát cánh cùng toàn dân đánh giặc cứu nước để tô thắm thêm lá cờ Tổ quốc trong ngày thanh bình hôm nay. Thượng tọa Thích Mật Thể đã tham gia ứng cử và được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu quốc hội, khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Hòa Thượng thích Quảng Đức noi gương Hạnh nguyện Đại hùng, Đại lực tự nguyện thiêu thân giả tạm cúng giàng Tam Bảo làm đuốc soi đường chống lại chế độ độc tài phát xít Ngô Đình Diệm đang thi hành.

"Hộ trì chính pháp tự thiêu
mình
Phản đối tà ma phá đạo lành
Vô úy nêu gương cho Phật tử
Đại hùng vang tiếng khắp
hoàn đinh
Căm thù Mỹ Diệm chuyên
tàn sát
Khích động đồng bào quyết
đấu tranh
Bể khổ lấp bằng là đại
nguyện
Từ bi bao quản mọi hy sinh

(Bài minh trong bia kỷ niệm tháp Ấn Quang ghi nhớ công ơn xả thân hộ pháp của Hòa Thượng Thích Quảng Đức. Do thành hội Phật giáo Hà Nội tạo dựng tại chùa Hòe Nhai Hà Nội ngày 20-7-1963).

Cố Hòa Thượng phó pháp chủ Thích Minh Nguyệt bất khuất trước sự tra tấn dã man của kẻ thù Mỹ Ngụy, cam chịu tù đầy gian khổ ngoài Côn đảo suốt 16 năm trường quyết không chịu đầu hàng giặc. Hòa thượng đã nêu cao tinh thần "Vô úy" của Phật trung thành với Tổ quốc với nhân dân. Hòa Thượng Thích Thiện Hào cũng từng vào tù ra tội chịu sự tra tấn của giặc. Cố Hòa Thượng Thích Thiện Hoa mang Hạnh nguyện "Vô giã vị tha" không quản hy sinh với thể nguyện" chúng tôi cam chịu tù đề quốc gia được độc lập. Những ngày tháng 9 năm 1969 Nhân dân Việt Nam và cả loài người tiến bộ trên Thế giới đau đớn thụ tang Hồ Chủ Tịch thì ngay trong sào huyệt, dưới sự kiểm soát gắt gao của Mỹ Ngụy Thượng tọa Thích Hiển Pháp đã cùng đồng bào Phật tổ Gia Định bí mật tổ chức lễ truy điệu, thụ tang, cầu siêu, Bác Hồ. Đó một phần nào cũng nói lên tấm lòng yêu nước thành kính với lãnh tụ - Cha già của dân tộc ta, Người đã khai sinh ra nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa, đem lại độc lập tự do cho đất nước. Ny sư Huỳnh Liên không tự ty "Nữ nhi nan hóa" mà "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh", cùng bao nhiêu ny chúng xuống đường tham gia biểu tình, đấu tranh chống Mỹ. Lật lại những trang sử vàng dân tộc trong kháng chiến trường kỳ anh dũng chúng ta cũng rất đỗi tự hào về thành tích của Hòa thượng tăng ny miền Trung, hình ảnh hàng ngàn tăng ni Phật tử tuyệt thực, có vị tự thiêu cùng Chư tôn đại lão chống tích trượng tham gia biểu tình đòi chấm dứt chiến tranh. Tại miền Bắc cố Hòa Thượng Thích Trí Độ, Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là những vị gánh vác việc đạo, việc đời song song trong các pháp hội, quý Ngài ân cần khuyên nhủ tăng ny "Phụng đạo yêu nước" Cố Hòa thượng Thích Thế Long là bậc giáo phẩm cao cấp trong giáo hội nhưng Hòa thượng cũng là những chiến sĩ cách mạng kiên cường suốt đời quên mình, cống hiến cho đạo Phật dân tộc. Trong giáo hội Hòa thượng là bậc tôn túc, đối với xã hội Hòa thượng được Đảng tin cậy, nhân dân tín nhiệm bầu làm Phó Chủ tịch quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII.

Phật giáo Việt Nam gần 2 ngàn năm tuy chiều dầy lịch sử có lúc thịnh lúc suy, nhưng các thiền sư vẫn giữ được truyền thống tốt đẹp "Hộ quốc an dân" luôn luôn gắn bó với dân tộc, gắn bó với cuộc sống xã hội. Ngày nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống tốt đẹp đó trong phương châm hoạt động "Đạo Pháp dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội" mà quý Hòa thượng, Thượng tọa giáo phẩm cũng như tăng ni cư sĩ phật tử đã đạt được trong phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Cùng toàn dân đưa đất nước tiến lên cuộc sống ấm no hạnh phúc, hòa bình an lạc trên trái đất.

TỊNH ĐỘ DI LẶC VÀ A DI ĐÀ

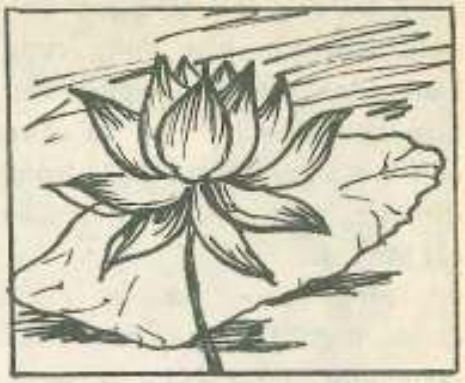

Hòa thượng ẤN THUẬN

LTS Chúng tôi cho trích dịch đoạn văn sau đây trong quyển sách **Tịnh độ và Thiền** *của hòa thượng* **Ấn Thuận**, *một nhà sư - học giả nổi tiếng của Trung Quốc (hiện ở Đài Loan), viết về Tịnh độ ở Trung Quốc. Tín ngưỡng Tịnh độ ở Trung Quốc không hoàn toàn giống Việt Nam. Ở Việt Nam chỉ có Tịnh độ A Di Đà mà không có Tịnh độ Di Lặc. Tuy nhiên khi nghiên cứu về Tịnh độ Việt Nam, không thể không biết đến Tịnh độ Trung Quốc. Vì vậy, chúng tôi cho đăng đoạn văn này để tham khảo.*

Dịch giả : NGUYỄN VĂN PHÁT
Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ - Hà nội.

Bồ tát Di Lặc sẽ giáng sinh thành Phật, đó là điều trong Phật pháp đều thừa nhận. Di Lặc (Maitreya) tiếng Hán gọi là "Từ". Khi tu nhân, lấy từ tâm lợi tha làm điểm xuất phát, cho nên lấy "Từ" làm họ. Những người học Phạt thông thường đều biết Bồ tát Di Lặc trú ngụ ở cõi trời Đâu Suất, có Tịnh độ Đâu Suất; mà không biết rằng Tịnh độ của Di lặc chính thức là thế gian. Di Lặc, trước khi thành Phật, Ngài trú ngụ ở nội viện của cõi trời Đâu suất, đó là sự Tịnh hóa của thiền quốc. Kinh "Phật thuyết quán Di Lặc Bồ tát thường dinh Đâu Suất đà thiên" có nói rõ điều ấy. Cầu sinh ở cõi Tịnh độ Đâu suất, mục đích là muốn gần gũi Di Lặc để sau này có thể cùng với Di Lặc đến thế gian Tịnh hóa và đạt tới sự thành thục về thiện căn và giải thoát chứ không phải là về cõi trời Đâu Suất sống sung sướng hơn. Tư tưởng Tịnh độ của Di Lặc, lúc đầu là chú trọng thực hiện cõi Tịnh độ ở dân gian, chứ không phải là ở trên trời như kinh "Di Lặc hạ sinh" đã nói : "Kinh Di Lặc hạ sinh", ở Trung Quốc đã từng dịch tới trăm lần. Khi nói đến Di Lặc hạ sinh có Luân Vương trị thế, Di Lặc thành Phật dưới gốc cây Long Hoa ba lần hội tụ thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh, Sự thực hiện Tịnh độ dân gian và sự thực hiện Tịnh hóa thân tâm cùng lúc sự Tịnh hóa cả Chân lẫn Tục, cả Y lẫn Chính đều đồng thời hoàn thành. Các phật tử đều chúc nguyện cho Bồ-tát sớm đến nhân gian, là vì đó là thời đại thực hiện Tịnh độ nhân gian.

Tư tưởng Tịnh độ nhân gian của Di Đà vốn lấy nguồn gốc ở kinh A Hàm, ban đầu bao gồm hai phương tiện, nhưng các phật độ tử sau này, hình như đặc biệt coi trọng Tịnh độ cõi Trời Đâu Suất, nên đã coi nhẹ thực hiện Tịnh độ nhân gian của Di Lặc hạ sinh. Đặc trưng và tính chất của Tịnh độ nguyên thủy phật giáo đã bị coi nhẹ, cho nên mới hơi thiên trọng về sự phát triển Tịnh độ thiên quốc, tức là Tịnh độ ở phương khác, cho nên trong "khái luận pháp" nói : Tịnh độ ở phương khác - Thiên quốc, thà nói rằng không tốt bằng ở nhân gian này. Tóm lại, nghĩa thứ nhất về Tịnh độ Di Lặc là mong cầu Di Lặc sớm hạ sinh nhân gian cũng có nghĩa là yêu cầu sớm thực hiện Tịnh độ nhân gian. Còn như phát nguyện với Thường sinh Đâu Suất cũng vẫn là nhằm muốn cùng với Di Lặc xuống chốn nhân gian, trọng tâm vẫn đặt ở Tịnh độ nhân gian.

Ý nghĩa chân thực của Tịnh độ Di lặc, dần dần bị coi nhẹ. Song, Tịnh độ nhân gian vẫn là đòi hỏi chung của loài người, nó vẫn hoạt động sôi nổi trong lòng đệ tử của Phật. Sự phát triển ý nghĩa này phải nói rõ trước một điều là mối quan hệ giữa Di Lặc với ánh trăng sáng. Ánh trăng sáng chiếu sáng trong bóng tối, khác với ánh sáng của mặt trời. "Thanh lương" và "quang minh" là lý tưởng của đệ tử của Phật. Kinh "Di Lặc đại thành Phật" đã ca ngợi Di Lặc rằng: "Quang minh đại tam muội, người có công đức nhân", nghĩa là ánh sáng đại tam muội, người có công đức không ai sánh kịp. Tiếp đó lại nói: "nam mô mãn nguyệt ... nhân thiết trí nhân", nghĩa là ánh trăng tròn vô lượng ... tất cả các bậc trí nhân. Đó là ánh sáng của trăng rằm, hình dung thực chứng của Di Lặc. Kinh "Di Lặc bồ tát sở vấn" cũng nói: "Biến chiếu tam muội, phổ quang minh tam muội, phổ biến chiếu minh tam muội. Bảo nguyệt tam muội, nguyệt đăng tam muội". Tất cả những câu đó đều có thể chứng minh mối quan hệ giữa Di Lặc với ánh trăng. cái đó tượng trưng rằng thế giới này là thế giới ngũ trọc độc ác, chứa đầy đau khổ, duy chỉ có Di Lặc Bồ tát từ bi cứu độ mới có thể đem lại ánh sáng, cho bóng tối; Đó chính là lý dơ vì sao các đệ tử của Phật lại mong Bồ tát Di Lặc thực hiện Tịnh độ ở thế gian. Như vậy cũng có thể nói đến Đồng Tử Nguyệt Quang hoặc Bồ tát Đồng Tử Nguyệt Quang. Trong kinh "Nguyệt Quang Đồng Tử:, bản dịch ban đầu là do Trúc Pháp Hộ dịch. Đồng tử Nguyệt Quang trong truyền thuyết nói rằng đó là con trai của trưởng giả Đức Hộ, đào hố lửa, cho ăn cơm có thuốc độc để giết Phật. Đồng Như Nguyệt Quang hay là Bồ tát Nguyệt Quang có sự dung hòa về tư tưởng với Di Lặc, cho nên: có truyền thuyết Bồ tát Nguyệt Quang Đồng Tử xuất thế, thiên hạ thái bình. Có thể khẳng định rằng kinh "thân nhật" có dị bản lấy tên là "Kinh Nguyệt Quang Đồng tử" dịch từ thời đại Phù Tần hoặc Diêu Tần, có nói: "Đồng Tử Nguyệt Quang sẽ xuất thế ở nước Tần, Lão Thánh Quân, nhận kinh pháp của ta để hưng long đạo hóa". Phật thuyết pháp diệt tận" của Lưu Tống Thất dịch, cũng ghi: "Nguyệt Quang sẽ xuất thế, vào thời rối loạn, cùng ta làm hưng thịnh đạo pháp năm mươi hai năm". Lời dự báo của đồng tử Nguyệt Quang được lưu truyền rất rộng ở Trung Quốc, như trong cuốn "Xuất tam tạng tập ký" phần "Nghi ngụy lục" cũng có sách ghi chép về "Nguyệt Quang Bồ tát ký", "Phật bát ký", "Di Lặc hạ giáo" ... kinh pháp "Chúng kinh mục lục" đời Tùy cũng có chép kinh "Thủ La tỳ khưu kiến Nguyệt Quang Bồ tát", "tất cả những cái đó đều nói đến rằng: Trung Quốc trải qua thời kỳ vô cùng rối loạn, nhiều tai họa lớn, Nguyệt Quang Đồng tử đã xuất hiện trên đời. Lúc đó, thiên hạ phụng hành phật pháp, thế giới hòa bình. Mặc dù có thể nói đó là ngụy kinh, đáng ngờ, những truyền thuyết ban sơ đó đều thấy trong các dịch điển từ Tây phương đưa sang. Và chính những điều đó có giải thích rằng, tư tưởng Tịnh độ nhân gian của Di Lặc đã trở nên một ước vọng tha thiết trong nhân gian Phật giáo rộng khắp ở Trung Quốc. Đến đời Tùy, kinh "Đức Hộ trưởng giả" (bản dịch khác lấy tên là "Nguyệt Quang Đồng Tử") có nói: "Vị Đồng tử này là Đại Quốc vương ở nước Đại Tùy của Phật thời Tùy Văn Đế là điều có khả năng hiện thực: nhưng đến Thang Đế thì bị thất bại. Kinh "Bảo vũ" do Bồ đề Lưu Chí đời Đường dịch cũng nói: "Nguyệt Quang ... trong bốn trăm năm, khi đạo pháp sắp sửa bị diệt vong, người ở Thiệm Bộ Châu nầy, đã làm Tự tại vương ở nước Ma-ha-chi-na phía Đông Bắc. "Điều đó có nghĩa nhằm vào Vũ Tắc Thiên, nhưng cũng chưa thể phát triển và hoàn thành được. Tư tưởng này vẫn mãi mãi tồn tại trong lòng nhân dân Trung Quốc phật hóa. Sau đời Thịnh Đường, kết hợp với Ma ni giáo ngoại đạo, đã hun đúc thành tư tưởng "Minh vương xuất thế thiên hạ thái bình" (thời đó, bản tôn của Mật tông cũng có tên gọi Minh Vương). Đến cuối thời Nguyên, phát triển thành tổ chức bí mật, đó là Bạc Liên Giáo nổi tiếng trong lịch sử. Đấng Minh Vương trong lý tưởng của họ, vẫn là tiếp nối với tư tưởng của Bồ tát Di Lặc, Đồng Tử Nguyệt Quang xuất thế. Cho nên Bạch Liên Giáo cũng nêu khẩu hiệu "thiên hạ đại loạn, Di Lặc xuất

thế", còn như tại sao gọi là Bạch Liên Giáo, đó là vì ở thời Tống, thành lập hội (xã) Bạch Liên (bông sen trắng) niệm Phật, trên từ Tể tướng, dưới đến bình dân, khắp nơi đều rất phổ biến. Nhưng Hội Bạch Liên lại cầu sinh Tây phương, niệm A Di Đà Phật. Bạch Liên Giáo tuy lấy danh nghĩa là Bạch Liên, nhưng lại mong Di Lặc giáng thế, và Tịnh độ nhân gian xuất hiện. Song tư tưởng phật giáo ngày càng suy yếu, dung hòa với tư tưởng ngoại đạo, thông qua tổ chức bí mật, nên ngày càng trở nên thần bí. Thời kỳ kháng chiến, ở Quý Châu, có một vị họ Cung, còn tự xưng là Phật Di Lặc xuất thế. Tịnh độ nhân gian của Di Lặc, đã ảnh hưởng rất lớn đến người Trung Quốc. Điều đáng tiếc là: Trung Quốc là một đất nước mang tư tưởng Nho giáo, Phật giáo không thể thực hiện được Tịnh độ hóa và chính trị, không thể dẫn tư tưởng Tịnh độ trở thành hiện thực trong nhân gian và phát triển một cách bình thường được. Chu Nguyên Chương đời Tống, đã từng xuất gia, đi tu, lại gia nhập Bạch liên Giáo. Nhưng Chu Nguyên Chương tuy do cuộc sống không có chỗ bám víu, đã từng làm nhà sư, nhưng lại thiếu nhận thức đúng đắn về Phật pháp. Cho nên, trong quá trình phát triển sự thắng lợi về chính trị, ông đã kết hợp với tư tưởng nho gia, phản bội lại nguyện vọng sáng sủa của đông đảo nhân dân, dần dần tách rời khỏi tư tưởng tịnh độ của Di lặc. Chính quyền mà Chu Nguyên Chương lập ra nó còn cực quyền hơn cả mọi cực quyền, sự phong kiến hơn mọi phong kiến của bất kỳ triều đại nào. Tư tưởng Đồng Tử Nguyệt Quang và Di Lặc xuất thế, được phát triển trong mấy ngàn năm qua đã cổ vũ nhân dân Trung Quốc đòi hỏi và thực hiện Tịnh độ nhân gian, song nó vẫn bị trở ngại bởi một nền văn hóa lấy gia đình làm bản vị, nên không sao thực hiện được. Cho nên, nói đến Tịnh độ của Di Lặc thì cần phải lý giải đặc tính của Tịnh độ nhân gian, chỉ còn lại tư tưởng cầu sinh Tịnh độ Đâu Suất; cho rằng Đâu Suất dễ hơn là cầu sinh ở Tịnh độ Tây phương, đó là một giáo thuyết không mang ý nghĩa lớn lao lắm.

● *Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng vua Lào thăm Chùa Quán Sứ - Hà Nội 12-3-1963.*

QUAN ĐIỂM TỊNH ĐỘ CỦA TRUNG TÂM DI ĐÀ

NGƯỜI xưa nói: "Chư kinh sở tán, tán tại Di Đà" (những điều ca ngợi trong các kinh, tất cả đều tập trung vào Di Đà). Điều đó là đích xác. Kinh Đại thừa thuyết rộng về Tịnh độ thập phương, nhưng đặc biệt chú trọng Tịnh độ cực lạc của Phật A Di Đà ở Tây Phương. Tịnh độ của A Di Đà có thể nói là nơi quy kết của tư tưởng Tịnh độ Đại thừa. Phật giáo Trung Quốc đặc biệt hoằng dương Tịnh độ Tây phương, điều đó không phải là không có lý do. Theo Phật pháp, thì phật pháp là bình đẳng, là sự chứng ngộ của chư Phật, phúc đức, trí tuệ, đại bi, đại nguyện, tất cả đều là bình đẳng. Cho nên, nếu nói Phật A Di Đà đã lập bốn mươi tám

nguyện, hoặc nói rằng Di Đà đặc biệt có nhân duyên với cõi đó, như vậy chẳng qua chỉ là nói một cách linh động theo phương tiện. Vậy thì, tại sao trong cõi Tịnh độ vô biên, kinh Đại thừa lại đặc biệt tán thán Tịnh độ Tây phương và Phật A Di Đà? Đó là điều đáng được nghiên cứu.

Amiti trong tiếng Phạn, được dịch là Vô lượng. Phật A Di Đà mang hàm nghĩa là Phật vô lượng, nên có chung và có riêng. Chung là chỉ tất cả chư phật, tức là vô lượng vô số Phật. Trong việc hoằng dương Phật pháp, ý nghĩa của Phật Vô lượng đã được đặc thù hóa rồi, trở thành sự xác định phương hướng, chuyên chỉ Phật A Di Đà ở thế giới cực lạc Tây Phương. Hai ý nghĩa riêng chung đó, tuy không có văn minh nào làm chứng được, nhưng hiển nhiên có thể thấy được. Nay nêu hai bộ kinh đó để chứng minh: Một là kinh "Quán Vô lượng thọ Phật". Đó là một bộ kinh chuyên quán rõ trang nghiêm y chính của thế giới cực lạc Tây phương. Quán thứ chín là quán hảo tướng sắc thân của Phật A Di Đà. Khi quán tưởng đã thành tựu rồi kinh có nói: "Thấy được việc đó, tức đã thấy được chư Phật ở thập phương", "Làm việc quán đó, gọi là quán tất cả mọi thân của Phật". Ý nói rằng: "Thấy được Phật Di Đà, tức là thấy được tất cả chư Phật của thập phương". hai là kinh "Bát chu tam muội". Đó cũng là một bộ kinh chuyên làm sáng tỏ tam muội niệm Phật của Phật A Di Đà. Bộ kinh này còn có một tên gọi khác là "Thập phương hiện tại Phật tất tại tiền lập định" (Phật hiện tại ở thập phương tất thảy đều đứng ở trước mặt). Khi tu quán thành công, trong kinh có nói: "Chư Phật hiện tại tất thảy đều đứng ở trước mặt". Chuyên quán Phật A Di Đà mà thấy được tất thảy chư Phật hiện tại. Điều đó hoàn toàn thống nhất với ý câu: "thấy được việc ấy, tất thấy được chư Phật thập phương" trong Quán kinh. Do đó đủ thấy, Quán phật A Di Đà - Phật Vô lượng, tức là quán tất thảy chư Phật. Tuy Phật A Di Đà là tên riêng của một đức Phật, nhưng nó vẫn tồn tại, ý nghĩa là tên chung của tất thảy chư Phật. Tuy tất thấy chư Phật, A Di Đà trước tiên được cái ưu thế danh xưng đó. Điều đó, trong ý nghĩa của câu "tất cả tức là một, một tức là tất cả". Trong Phật pháp Đại thừa, là điều không khó lý giải. Đó cũng là do quân trọng, sở dĩ Phật A Di Đà được mọi người đặc biệt tán thán và hoằng truyền.

Sau chữ Amiti trong tiếng Phạn, có phụ thêm (àbha- Amitàbha), dịch nghĩa ra là Vô lượng quang. Vô lượng quang là tên gọi khác của Phật A Di Đà. Nghiên cứu kỹ thì thấy Phật A Di Đà rất có liên quan đến mắt trời. Bà la Môn giáo của Ấn Độ, có coi mặt trời là đối tượng sùng bái. Phật pháp tuy vốn không có thuyết đó, nhưng trong quá trình phổ ứng chúng cơ của Đại thừa, tư tưởng sùng bái mặt trời cũng cơ động đưa vào A Di Đà. Điều đó dựa vào đâu mà biết được như vậy? Một là Kinh "Quán vô lượng thọ Phật", "Quán thứ nhất là Lạc Nhật quán" (Quán Mặt trời lặn); rồi từ đó lần lượt quán thủy, quán địa, quán viên lâm, phòng ốc, Quán A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí ... Đó tức là lấy mặt trời lặn làm Man đồ là căn bản. Trang nghiêm y chính của Phật A Di Đà là dựa vào mặt trời mà hiển hiện. "Tịch dương vô hạn hảo, chỉ tích cận hoàng hôn" (ánh chiều vô hạn đẹp, chỉ tiếc cận hoàng hôn). Đó là cách nhìn của người Trung Quốc. Ở Ấn Độ, mặt trời lặn coi là nơi quy tụ của ánh sáng, chỗ trở về của ánh sáng. Mặt trời xuống núi không phải là đã hết, mà là mọi ánh sáng quy tàng về đó. Mặt trời của hôm sau mọc lên ở phương Đông, tức là dựa vào đó làm gốc và hiển hiện ra. Phật pháp nói Niết bàn là hư không vắng lặng, là tịch diệt, là vốn vô sinh: trong "không tịch", "tịch tĩnh", "vô sinh", khởi lên sự hóa dụng vô biên. Phật pháp lấy tịch diệt làm bản tính; mặt trời lặn cũng như vậy, mà quang minh tàng ẩn, là nơi quy tàng cuối cùng của mọi ánh sáng. Hai là kinh "Vô lượng tho Phật" (tức là kinh "Đại A Di Đà") nói: "Lễ kính Phật A Di Đà nên hướng về nơi mặt trời mọc". Cho nên, Phật A Di Đà không những là phương Tây, mà đặc biệt coi trọng mặt trời lặn ở phương Tây. Nói cho rõ hơn, đó là sự tĩnh hóa thực sự sùng bái mặt trời. Trên cơ sở nắm lấy tư tưởng sùng bái mặt trời, từ trong tất cả - vô lượng Phật, dẫn ra cái Phật danh Vô Lượng Quang.

Như ở phía sau Amiti trong tiếng Phạn, có thêm (ayus - Amitàyus) dịch nghĩa là Vô

Lượng Thọ, đó cũng là một cái tên khác của Phật A Di Đà. Trong kinh Đại thừa thường nói: "Phật thường trụ ở Nết Bàn, Phật nhập Niết Bàn, không có nghĩa là mất hết tất cả, thân thể đã ra gio, trí tuệ đã tan biến, mà cũng giống như ý nghĩa của mặt trời lặn về phía Tây. Cho nên thọ mệnh của Phật là Vô lượng vô biên. Sự thường trụ và vô lượng thọ của Phật cũng là cái chung của tất cả chư Phật.

Nói tóm lại, A Di Đà - Vô lượng, đó là căn bản. Kinh "Bát chu tam muội" như vậy nói là vô lượng quang, như là A Di đà bà đa trong kinh "cổ âm thanh vương Đà la ni". Vô lượng thọ như kinh: "Vô lượng thọ Phật", quang như là phổ chiếu thập phương. Đó là trí tuệ viên mãn của Phật, không gì là không biết. Kinh Đại thừa, thường trước khi Phật thuyết pháp có phóng hào quang, tức là tượng trưng cho tuệ quang phổ chiếu. (Tôn giáo Ba Quang) cũng coi là sự kéo dài của sinh mệnh). Ánh sáng (quang minh) dưới con mắt của người thường là tượng trưng cho sự yên vui, hạnh phúc và tự do. Ánh sáng trí tuệ của Phật pháp bao hàm mọi tự tại, ấn lạc của trang nghiêm phúc đức. Theo thuyết của thế gian, thế gian đều mong muốn tiền đồ sáng lạn, dưới ánh sáng vô hạn. Trong niềm hy vọng "vô hạn quang minh - hạnh phúc, an lạc, tự do chứa đựng một niềm an ủi vô hạn, đó là ước mơ thống nhất của loài người. Vô lượng thọ, thọ là sự kéo dài của sinh mệnh. Chúng sinh đối với sinh mạng, đều mang một nguyện vọng vĩnh cửu. Cho nên, những người theo đạo Giêsu dựa vào thượng đế để sống mãi; người theo đạo giáo thì cầu được trường sinh bất lão (sống mãi không già). Mọi người đều có nguyện vọng sinh mệnh tồn tại vĩnh hằng. Đó là màu sắc đặc biệt của thuyết thần ngã của ngoại đạo. Dục vọng tồn tại vĩnh hằng trong ý nghĩa của loài người, dù có đích thực được như vậy hay không, nó vẫn là ước vọng chung của chúng sinh. Điều đó, trong Phật pháp Đại thừa thâu tóm lại và biểu hiện trong tư tưởng "Phật không nhập Niết Bàn", tức là thường trụ (ở lại mãi mãi), cũng tức là thích ứng với yêu cầu sinh mệnh vô hạn của chúng sinh. Ánh sáng của Phật phổ chiếu thập phương; thọ mệnh của Phật bền vững trong ba cõi. Trong ánh sáng vô hạn, thọ mệnh vô hạn vừa tiêu biểu cho đức tính chung của hết thảy chư phật, vừa có thể thích ứng với yêu cầu về thọ mệnh vô hạn, ánh sáng vô hạn của chúng sinh. Đo đó, A Di Đà, không những tức là hết thảy chư Phật "tất cả là một, một là tất cả", mà ánh sáng vô hạn, thọ mệnh vô hạn quả thực trở thành sự sùng bái tối cao của mọi người. Như lai Đại nhật của Mật tông hậu kỳ cũng được hình thành bằng ánh sáng phổ chiếu của mặt trời. (Mặt trời, trong thế tục tức là ánh sáng vĩnh hằng). Những người tu trì Tịnh độ ngày nay, luôn luôn chú trọng hình ảnh "ánh vàng khắp chốn, thất bảo tạo nên" trong thế giới cực lạc, điều đó trong tư tưởng của Tịnh độ Di Đà, rõ ràng quá ư tầm thường dung tục.

Vô lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, đó là ý nghĩa chủ yếu của Phật Di Đà. Nhưng trong sự lưu truyền của tư tưởng Phật A Di Đà lại dung hòa với A di lợi đô, tức là a di lợi đô nói trong "Gạt mọi nghiệp chướng được sinh ở cõi Tịnh độ Đà la ni" (gọi tắt là "vãng sinh chú"). "A di lợi đô" (amita, hoặc dịch âm là A mật lật đa) là "thuốc trường sinh bất tử" trong truyền thuyết của Ấn Độ. (Người Trung Quốc gọi là tiên đan) dịch là cam lộ. Trong Phật pháp dùng từ này để tỷ dụ cho Niết bàn thường trụ, cho nên có các danh từ "vị cam lộ", "cửa cam lộ", "đường cam lộ", "cõi cam lồ", "mưa cam lồ" v.v... A di lợi đô gần với âm A Di Đà; mà ý nghĩa lại luôn luôn biểu thị cõi Niết bàn vĩnh hằng, khớp với ý nghĩa của A di Đà, cho nên đến Mật tông có khi gọi luôn là "A di lợi đô".

NGÔI CHÙA TRONG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TẠO HÌNH TRUYỀN THỐNG

CHU QUANG TRỨ

NÔNG thôn Việt Nam, nhất là trên đồng bằng sông Hồng sông Mã, cả một thời gian dài ở trong tình trạng "Đất vua - chùa làng - phong cảnh Bụt". Nhà nước phong kiến thông qua "đất vua" để chi phối nông dân trong cuộc sống đời thường. Còn "chùa làng" và "phong cảnh Bụt" chẳng những tạo nên cảnh quan văn hóa cho môi trường, còn xây dựng một nếp sống văn hóa cho con người.

Một làng quê có các công trình kiến trúc đình- đền-chùa là một làng có bề dày lịch sử và có chiều sâu văn hóa. Làng quê ấy là gương mặt Việt Nam, có cái hạn hẹp của nền kinh tế tiểu nông cả thể lạc hậu, nhưng lại có cái đẹp duyên dáng và đôn hậu cả ở cảnh và người. Trong các dạng công trình công cộng trên, chùa là công trình có sớm nhất, phổ biến nhất, gắn bó nhất với cộng đồng dân làng và dân tộc, do đó cũng có sức sống nhất, tồn tại lâu dài nhất và đang tham gia vào đời sống xã hội đương đại.

Nhiều tài liệu cho biết ngay từ đầu công nguyên chúng ta đã có những ngôi chùa nổi tiếng, nhất là ở triền đất hai bên bờ sông Đuống. Cho đến cuối thời Bắc thuộc đầu thời tự chủ, nhà chùa bên cạnh vai trò xã hội còn có vai trò chính trị quan trọng. Chính từ cái nôi Phật giáo mà vương triều Lý được thai nghén hoàn chỉnh, ra đời đúng lúc và trưởng thành nhanh chóng để xây dựng quốc gia Đại Việt văn hiến và cường thịnh, bình đẳng về pháp lý với mọi quốc gia khác. Trong việc xây dựng truyền thống, khẳng định bản sắc văn hóa dân tộc, nhà Lý khơi dậy tổ tiên và các anh hùng dân tộc, đề cao lòng nhân của nhà Phật, tạo lập nhiều đền chùa để quy tụ mọi người. Nhưng những đền Hùng, đền Dóng, đềnĐồng Cổ, đền Hai Bà Trưng ... có thể do quy mô vừa phải, thậm chí đơn sơ và nhỏ bé, ngày nay không còn dấu tích gì của ngày khởi dựng, đều phải qua nhiều lần làm lại nên chỉ nhận ra được nghệ thuật thế kỷ XVIII - XIX. Trong khi đó nhiều chùa tháp của thời Lý ngoài việc được thư tịch ca ngợi, do có quy mô to lớn và dựng bằng những vật liệu bền vững, tuy các thời sau có tu sửa, ngày nay vẫn còn giữ được nền móng, phế tích kiến trúc và một số điêu khắc của thời Lý. Những bằng chứng ấy cho biết một nền kiến trúc có quy mô lớn, mở rộng bề mặt và phần nào còn vươn lên cả về chiều cao, cũng cho biết một nền điêu khắc cả tượng tròn và chạm nổi đều đẹp với những chuẩn mực cổ điển về vóc dáng, hình khối và đường nét.

Công trình công cộng ở các làng quê thời Trần còn đến nay vẫn chỉ có chùa, nó dần gắn với dân làng và hòa quyện vào cảnh quan xung quanh bằng cách thu hẹp lại quy mô và nhất là không chú ý vươn lên tầng cao nữa, chan hòa với môi trường như một bộ phận của tự nhiên từ mái đao cong thấp đến những trang trí thanh thoát nhưng chắc khỏe. Chưa thấy tượng Phật, nhưng những bệ đá "thạch bàn" như một án thờ tìm được khá nhiều với kiểu thức khá thống nhất. Ta gặp ở Chùa Trần những hình linh điểu nhạc công và vũ nữ thiên thần như một sự phối hưởng văn hóa về xứ quê đất Phật.

Vào thế kỷ XV nhà nước Lê sơ ban hành những hạn chế sư tăng và chùa tháp, nhưng chùa làng vẫn khéo léo tồn tại, có nơi còn là chốn cầu tự của hoàng gia và cầu vũ của triều đình. Ngôi chùa vẫn độc chiếm cảnh quê. Có thể vào cuối chót thời Lê sơ, làng mạc lác đác có thêm ngôi đình nhưng còn đơn sơ và nhỏ bé, chưa đủ tư cách "trình làng" để nhận mang một dấu ấn văn hóa mới.

Từ thế kỷ XVI, ngôi đình được định hình và dựng bằng những vật liệu tốt dần, nên một số ít đình còn tồn tại được đến nay. Đồng thời, chùa cũng có cơ phát triển, khẳng định vai trò văn hóa trong làng, đi lên từ những mô hình "chùa làng" để phát triển từ cuối thế kỷ XIV, tạo ra một Phật điện đông đúc dần mà một số tượng tròn như Tam Thế, Quan Âm Nam Hải ... cho đến cả Tứ Pháp được Phật hóa các nữ thần Mây-Mưa-Sấm-Chớp còn giữ được đến nay cho thấy đã phát triển đến hoàn chỉnh và thành mẫu cho nhiều thế kỷ sau. Ở

đây, với cụm kiến trúc đình-chùa, và đi với nó là một môi trường thiên nhiên được xã hội hóa, nông thôn đã có một bộ mặt văn hóa duyên dáng và ấm tình. Trong tổng thể ấy, chùa vẫn chiếm vai trò chủ thể, cuốn hút mọi người, và ngay chỉ ở kiến trúc nó cũng lan tỏa ảnh hưởng sang đình ở cả hình khối, kết cấu và bố cục chung.

Sang thời Lê Trung Hưng, trong trào lưu chung cả chùa và đình cùng phát triển, chùa vẫn đi trước một bước, ngay ở giữa thế kỷ XVII đã đạt đỉnh cao với quy mô rộng, nhịp điệu phong phú, kiểu thức đa dạng, trang trí tươi mát và nhất là một Phật điện đầy đủ với giá trị tạo hình cao như các chùa Bút Tháp (Hà Bắc), chùa Thày (Hà Sơn Bình), chùa Mía (Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình), chùa Phẩm (Hải Hưng) ... Còn đình phải vài mươi năm sau mới "được mùa", loạt đình khang trang và ghi lại đầy đủ các hoạt cảnh của con người bằng những hình chạm nổi và chạm lộng với nhát chạm thô chắc và dứt khoát, mà nay còn thấy đều được dựng trong đời Chính Hòa (1680 - 1705). Những ngôi đình mới nhịp nhàng với ngôi chùa cũ, song hành bên nhau ở ngay mặt làng, tạo nên cảnh sắc của làng văn hóa, vừa gần bó vừa vượt lên cái nền nhà dân, cùng chan hòa với cây xanh và gương nước.

Các thế kỷ tiếp theo cả chùa, đền, đình đều được tu sửa, làm mới và dựng thêm, tạo nên diện mạo văn hóa đầy đủ của làng quê, trong đó chùa vẫn phổ biến, thường xuyên cuốn hút dân làng hơn cả. Nhiều chùa vượt lên quy mô làng xã trở thành của cả vùng và của khu vực, có chùa trở thành của cả nước như chùa Hương (Hà Sơn Bình) với thời gian hội lễ kéo dài cả mùa Xuân.

Ngôi chùa với chiều dày thời gian và bề rộng không gian, đã giữ vai trò quan trọng trong giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và trong tình cảm hướng thiện của nhân dân.

Ngôi chùa với sự định hình và hoàn chỉnh sớm trước cả đền đình, nó đã nâng cấp những kiến trúc dân gian bằng tranh tre hoặc gỗ đơn giản, đẩy những nhà dân bình dị thành "lâu đài" trưng ra một thức kiến trúc kết cấu bộ khung chắc chắn mà linh hoạt của Việt Nam. Những chùa thời Trần chỉ có tòa thượng điện gần như vuông, trong ngoài chỗ nào cũng gần gũi; từ thời Lê sơ trong xu hướng kiến trúc chữ "công" được coi trọng thì từ đây ngôi chùa với đầy đủ ba tòa tiền đường - thiêu hương - thượng điện đã kết hợp cả kiến trúc ngang và dọc, vẫn gần gũi bên ngoài lại thêm sự thâm sâu, không gian mở rộng một cách đơn giản bất ngờ. Cả cái kiểu chùa chữ "tam" muộn mằn hơn vào thế kỷ XVII - XVIII, các nếp nhà đều dàn ngang song hành, cách biệt nhau mà như vẫn tạo một không gian chung rộng thoáng. Các kiểu chùa trên có bố cục mặt bằng khác nhau, nhưng tất cả đều đi lên từ một thức kết cấu cột - kèo - xà - kẻ tạo bộ khung dễ tháo lắp và di chuyển.

Những ngôi chùa cổ mái cứ xòe ra và lan xuống thấp như bám lấy đất, chắc chắn và vững chãi, song các góc đao lại lượn bay thanh thoát nhẹ nhàng, tạo khối chung như bông hoa trang nhã. Các chùa muộn hơn đã nâng dần bộ mái lên cao, các thành phần kiến trúc cũng thanh tú hơn, tạo được vẻ duyên dáng và thông thoáng. Rồi các diện của kiến trúc lại là những mảng cho nghệ sĩ chạm khắc tung hoành. Ta gặp từ thành bậc cửa, từ chân cột, đến các kẻ, bẩy, ván nong và cốn đều được phủ kín những hình chạm đẹp, biến khối vật chất nặng nề thành

tác phẩm nghệ thuật tươi mát với những lễ hội tưng bừng và thiên nhiên rực rỡ. Ta gặp ở đấy những dàn nhạc rộn ràng, những vũ nữ duyên dáng, những mây nước và hoa lá, cả rồng phượng cũng lượn múa.

Trong chùa như một bảo tàng nghệ thuật. Ở đó có nhiều loại tượng và đôi khi cả tranh, có nhiều đồ thờ tự như hương án, bình hoa, chân đèn, bát hương ... Đó là những tác phẩm mỹ thuật và mỹ nghệ đích thực, là tiêu biểu của tinh hoa nghệ thuật dân tộc, ít ra đã tập hợp cả nghìn năm sáng tạo không ngừng. Một tượng Phật chùa Phật Tích, một tượng Quan Âm Nam Hải chùa Hạ hay chùa Bút Tháp, một tượng Tuyết Sơn chùa Mía hay chùa Tây Phương, một bộ tượng Tứ Pháp khu chùa Dâu hay khu chùa Thái lạc, một sưu tập tượng các vị Tổ chùa Tây Phương ... đều làm ngẩn ngơ khách thập phương và người nước ngoài. Chỉ có bái phục với tất cả lòng ngưỡng mộ. Cả những chạm nổi từ một tấm bia chùa Đọi hay chùa Quỳnh Lâm, một chân cột chùa Phật Tích, một bức cốn chùa Thái Lạc, một nhang án chùa Thày ... cũng khẳng định trình độ trang trí bậc thày của nghệ nhân xưa. Rồi cách tạo ánh sáng bằng phản quang đèn dầu và hương khói lên vàng son trên người tượng, cứ lung linh huyền diệu, tất cả ngồi im mà như nhúc nhích cử động, chứng giám lòng thành của các Phật tử.

Với lòng nhân ái, từ bi, cứu khổ cứu nạn, chùa đã thu hút đông đảo cúng sinh. Nhưng đi với Khuyến thiện, luôn là Trừng ác. Mọi người vào chùa tiếp cận với Phật giáo ít bằng kinh sách mà chủ yếu được giáo dục lòng lành qua những tác phẩm tạo hình. Đến cả ngày nay, chùa vẫn là trường học nhân ái tốt nhất. Các bà mẹ vào chùa như được khuây khỏa, rồi truyền cái hay cái tốt cho con cháu. Cả lớp trẻ đến chùa cũng hiểu ra được nếp sống văn hóa và đạo đức truyền thống tốt đẹp. Và khách du lịch chỉ tiếp xúc với chùa trong thì thoảng mà họ cũng cảm nhận được những làng quê văn hiến.

Nhưng do chiến tranh tiêu thổ, một số chùa đã phải dỡ bỏ vì đại nghĩa cứu nước. Rồi một thời nhận thức không đầy đủ, nhiều chùa không được chăm sóc, thậm chí còn bị khó khăn để xuống cấp nhanh chóng, thậm chí có nguy cơ sập đổ và không ít chùa đẹp đã bị xóa sổ. Có khi cái niềm tin tôn giáo bị xếp lẫn vào tiếng tù mù mê tín dị đoan, ta đuổi đánh chuột mà ném vỡ cả đồ quý gia bảo.

Rất may những năm gần đây chúng ta đã nhận chân giáo lý và nghệ thuật Phật giáo, đã thấm thía về cái ác và tình trạng văn hóa xuống cấp, nhiều nơi đã khám phá ra ngôi chùa - trường học làm người. Chúng ta đã và đang kiểm kê gia tài tinh thần, khai thác thành tựu văn hóa truyền thống, xếp hạng kịp thời nhiều ngôi chùa quý, tu sửa những chùa tháp bị hư hỏng. Nhưng nhiệt tâm còn cần kiến thức, đôi khi những suy nghĩ nông cạn đã "làm mới" và "hiện đại hóa", thực chất là phá hoại chùa tháp và tượng pháp. Một tháp Bình Sơn và tháp chùa Bút Tháp, một lối lên chùa Tây Phương đã xóa mất đi kỹ thuật và ý tưởng người xưa về kiến trúc danh lam. Một nước sơn hóa học bền bệt quét lên bộ tượng chùa Tây Phương, một bức tranh Thập điện chùa Thày vẽ lại đã xoa mờ tuyệt tác tạo hình mà chỉ một thời có

Nhạc công cưỡi Phượng (gỗ) chùa Thái Lạc Hải Hưng

được. Và còn bao chùa tháp là những viên ngọc quý, mà có khi chỉ vì thủ tục hành chính phiền toái trong lúc đời sống khó khăn đã không được xếp hạng kịp thời.

Từ vài mươi năm nay, nhiều cơ quan khoa học của Nhà nước như các Viện Mỹ thuật, Viện Khảo cổ, Viện Hán nôm ... đã tùy theo chức trách của mình mà khẳng định giá trị ngôi chùa trong văn hóa - văn minh Việt Nam. Các Viện Bảo tàng Mỹ thuật, Viện Bảo tàng Lịch sử đã trưng khoe cái đẹp của ngôi chùa. Nhưng bao cố gắng vẫn còn ở phạm vi hạn hẹp, và những sai lầm với chùa chỉ đảo mắt liếc qua cũng thật đau lòng vẫn cứ xảy ra. Giờ đây thêm phân viện Phật học được chính thức ra đời ở miền Bắc, đội ngũ chuyên ngành có dịp tập hợp, hy vọng những giá trị ngôi chùa sẽ được nhận chân đầy đủ hơn và chúng ta có thái độ tích cực hơn với di sản lịch sử trao cho.

C.Q.T

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Tổng biên tập : Hòa thượng KIM CƯƠNG TỬ

Phó tổng biên tập : Thượng tọa THÍCH THANH TỪ

Phó tổng biên tập kiêm trưởng ban biên tập : Giáo sư HÀ VĂN TẤN

Ban biên tập

TRẦN KHÁNH DƯ - THÍCH GIA QUANG

VŨ HUY ANH

Bìa và trình bày : GIANG NGỌC THANH

Tòa soạn và trị sự : CHÙA QUÁN SỨ. 73 Quán Sứ - Hà Nội

Điện thoại 42.52427. Giấy phép xuất bản số : 752/BC - GPXB.

In tại nhà in THỐNG NHẤT - Hà Nội

PHƯƠNG DANH

QUÝ HÒA THƯỢNG, THƯỢNG TỌA, ĐẠI ĐỨC TĂNG NI VÀ QUÝ PHẬT TỬ BẢO TRỢ PHÂN VIỆN

1. Hòa thượng Thích Trí Dũng chùa Nhất Trụ TP Hồ Chí Minh	1.000.000đ
2. Hòa thượng Thích Đức Hải chùa Giác Tâm TP Hồ Chí Minh	100.000đ
3. Hòa thượng Thích Quảng Thạc chùa An Lạc TP Hồ Chí Minh	1.000.000đ
4. Thượng tọa Thích Đức Nghiệp chùa Giác Minh TP Hồ Chí Minh	3 chỉ vàng
5. Thượng tọa Thích Tuệ Đăng chùa Kim Cương TP Hồ Chí Minh	1 chỉ vàng
6. Thượng tọa Thích Giác Hải chùa Trấn Quốc TP Hồ Chí Minh	500.000đ
7. Thượng tọa Thích Hải Ấn chùa Linh Quang TP Hồ Chí Minh	100.000đ
8. Thượng tọa Thích Quảng Long chùa Giác Minh TP Hồ Chí Minh	300.000đ
9. Thượng tọa Thích Thanh Minh chùa Thanh Minh TP Hồ Chí Minh	100.000đ
10. Thượng tọa Thích Thanh Doãn chùa Pháp Vương TP Hồ Chí Minh	100.000đ
11. Thượng tọa Thích Thiện Quối 64/715 phường 17 Gò Vấp TP HCM	500.000đ
12. Thượng tọa Thích Thanh Long chùa Giác Ngạn TP Hồ Chí Minh	100.000đ
13. Thượng tọa Thích Thành Bối chùa Hải Đức TP Hồ Chí Minh	200.000đ
14. Thượng tọa Thích Trí Tịnh Linh Phong thiền uyển Vũng Tàu	100.000đ
15. Đại đức Thích Thanh Ngọc chùa Khuông Việt TP Hồ Chí Minh	700.000đ
16. Đại đức Nguyệt Minh chùa Vĩnh Nghiêm TP Hồ Chí Minh	100.000đ
17. Ni sư Thích Tịnh Nguyện chùa Phước Hải TP Hồ Chí Minh	300.000đ
18. Ni sư Thích Tịnh Bích chùa Phước Hòa TP Hồ Chí Minh	500.000đ
19. Ni sư Thích nữ Như Giác chùa Kiều Đàm TP Hồ Chí Minh	150.000đ
20. Ni sư Thích Nữ Như Hải chùa Từ Nghiêm TP Hồ Chí Minh	150.000đ
21. Tỉnh hội Phật giáo Hải Hưng	1.000.000đ
22. Ni trưởng Đàm Dễ chùa Lủ Hà Nội	100.000đ
23. Ni trưởng Đàm Sương chùa Huỳnh Cung Hà Nội	100.000đ
24. Cô Nga Hải Phòng	300.000đ

Cùng các quý phật tử mà chúng tôi chưa đăng danh được, mong chư quý vị hoan hỷ.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni và chư phật tử đã hảo tâm ủng hộ hoạt động của Phân viện.

Hoằng pháp lợi sinh là một phật sự trọng đại và lâu dài. Kính mong được sự đóng góp thường xuyên của quý liệt vị để Phân viện hoàn thành được phật sự.

Nam mô công đức lâm Bồ tát ma ha tát tác đại chứng minh

PHÂN VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM